

CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH
VIỆT NAM

Số: 121/2024/TB-VPA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 03 tháng 9 năm 2024

THÔNG BÁO
THỜI GIAN ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 12/9/2024

Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam trân trọng thông báo thời gian tổ chức đấu giá biển số xe ô tô ngày 12/9/2024 như sau:

1. Danh sách biển số xe ô tô, thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước, thời gian tổ chức đấu giá: (Có danh sách chi tiết)

2. Địa điểm đấu giá, cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước

- Địa điểm đấu giá: Trang thông tin đấu giá trực tuyến <https://vpa.com.vn>.

- Cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước:

* Đối với các biển số xe ô tô đấu giá ngày 12/9/2024: Trước 16h30' ngày 09/9/2024 (theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam chậm nhất đến 16h30' ngày 09/9/2024).

+ Tổng số tiền: 40.100.000 đồng/biển số xe ô tô (Bằng chữ: Bốn mươi triệu một trăm nghìn đồng). Trong đó: tiền đặt trước: 40.000.000 đồng; tiền hồ sơ tham gia đấu giá: 100.000 đồng.

+ Tên tài khoản: Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam.

+ Số tài khoản: 1410999999999

+ Tại: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình (Agribank Mỹ Đình).

+ Nội dung chuyển khoản: nhập "mã số thanh toán" trong phần **Nội dung chuyển khoản/Nội dung giao dịch** tại mục "**Thanh toán biển số xe**" trên Trang thông tin đấu giá trực tuyến biển số xe ô tô.

- Thời lượng đấu giá: Tối thiểu 25 phút/01 biển số xe ô tô.

Lưu ý: Mã xác thực để truy cập đấu giá trực tuyến sẽ được hệ thống gửi đến số điện thoại và email của Quý khách đã đăng ký tối thiểu trước 60 phút khi cuộc đấu giá bắt đầu. Quý khách cần hỗ trợ, vui lòng liên hệ hotline: 1900.05.5515

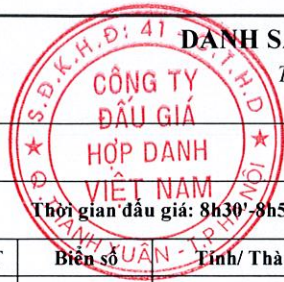
Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Cục Cảnh sát giao thông - Bộ Công an;
- Cổng thông tin điện tử - Bộ Công an;
- Trang thông tin đấu giá trực tuyến;
- Các điểm niêm yết theo quy định;
- Lưu HS, VT./.



Lâm Thị Mai Anh



DANH SÁCH ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 12/9/2024

Thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước: chậm nhất đến 16h30p ngày 09/9/2024
(theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam).

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1	18C-168.86	Nam Định	1001	22A-268.86	Tuyên Quang	2001	30L-968.68	Hà Nội
2	19A-679.79	Phú Thọ	1002	29K-255.55	Hà Nội	2002	30L-999.96	Hà Nội
3	30L-889.89	Hà Nội	1003	30L-668.68	Hà Nội	2003	51L-688.68	Hồ Chí Minh
4	30L-977.77	Hà Nội	1004	30L-766.88	Hà Nội	2004	51L-866.99	Hồ Chí Minh
5	36K-188.66	Thanh Hóa	1005	34A-879.79	Hải Dương	2005	70A-579.79	Tây Ninh
6	47A-796.69	Đắk Lắk	1006	36K-166.66	Thanh Hóa	2006	73C-188.88	Quảng Bình
7	51D-898.89	Hồ Chí Minh	1007	51L-639.79	Hồ Chí Minh	2007	88C-298.89	Vĩnh Phúc
8	60K-586.68	Đồng Nai	1008	51L-655.55	Hồ Chí Minh	2008	98A-855.55	Bắc Giang
9	30K-641.79	Hà Nội	1009	30K-624.39	Hà Nội	2009	30K-571.69	Hà Nội
10	30K-645.66	Hà Nội	1010	30K-645.86	Hà Nội	2010	30K-643.66	Hà Nội
11	30K-658.39	Hà Nội	1011	30K-670.69	Hà Nội	2011	30K-677.39	Hà Nội
12	30K-690.86	Hà Nội	1012	30K-701.89	Hà Nội	2012	30K-677.86	Hà Nội
13	30K-703.33	Hà Nội	1013	30K-703.99	Hà Nội	2013	30K-702.88	Hà Nội
14	30K-709.66	Hà Nội	1014	30K-704.88	Hà Nội	2014	30K-703.39	Hà Nội
15	30K-716.68	Hà Nội	1015	30K-710.68	Hà Nội	2015	30K-703.66	Hà Nội
16	30K-726.88	Hà Nội	1016	30K-714.39	Hà Nội	2016	30K-707.39	Hà Nội
17	30K-742.22	Hà Nội	1017	30K-718.79	Hà Nội	2017	30K-713.99	Hà Nội
18	30K-761.68	Hà Nội	1018	30K-720.39	Hà Nội	2018	30K-721.86	Hà Nội
19	30K-763.86	Hà Nội	1019	30K-725.69	Hà Nội	2019	30K-722.86	Hà Nội
20	30K-764.66	Hà Nội	1020	30K-730.79	Hà Nội	2020	30K-729.66	Hà Nội
21	30K-765.69	Hà Nội	1021	30K-734.66	Hà Nội	2021	30K-742.88	Hà Nội
22	30K-769.39	Hà Nội	1022	30K-737.69	Hà Nội	2022	30K-754.39	Hà Nội
23	30K-775.66	Hà Nội	1023	30K-740.69	Hà Nội	2023	30K-755.89	Hà Nội
24	30K-775.86	Hà Nội	1024	30K-742.99	Hà Nội	2024	30K-757.69	Hà Nội
25	30K-778.86	Hà Nội	1025	30K-753.69	Hà Nội	2025	30K-758.66	Hà Nội
26	30K-784.84	Hà Nội	1026	30K-762.89	Hà Nội	2026	30K-783.39	Hà Nội
27	30K-792.69	Hà Nội	1027	30K-763.79	Hà Nội	2027	30K-786.39	Hà Nội
28	30K-831.69	Hà Nội	1028	30K-769.68	Hà Nội	2028	30K-787.66	Hà Nội
29	30K-837.39	Hà Nội	1029	30K-774.69	Hà Nội	2029	30K-794.68	Hà Nội
30	30K-841.89	Hà Nội	1030	30K-782.39	Hà Nội	2030	30K-799.35	Hà Nội
31	30K-844.66	Hà Nội	1031	30K-785.68	Hà Nội	2031	30K-801.86	Hà Nội
32	30K-847.86	Hà Nội	1032	30K-803.86	Hà Nội	2032	30K-801.88	Hà Nội
33	30K-851.79	Hà Nội	1033	30K-843.86	Hà Nội	2033	30K-803.30	Hà Nội
34	30K-871.88	Hà Nội	1034	30K-848.69	Hà Nội	2034	30K-805.86	Hà Nội
35	30K-885.39	Hà Nội	1035	30K-850.05	Hà Nội	2035	30K-807.89	Hà Nội
36	30K-900.86	Hà Nội	1036	30K-870.69	Hà Nội	2036	30K-810.39	Hà Nội
37	30K-906.69	Hà Nội	1037	30K-878.39	Hà Nội	2037	30K-827.39	Hà Nội
38	30K-914.44	Hà Nội	1038	30K-884.39	Hà Nội	2038	30K-832.69	Hà Nội
39	30K-914.86	Hà Nội	1039	30K-890.69	Hà Nội	2039	30K-835.69	Hà Nội
40	30K-915.66	Hà Nội	1040	30K-906.06	Hà Nội	2040	30K-846.86	Hà Nội
41	30K-915.88	Hà Nội	1041	30K-927.68	Hà Nội	2041	30K-846.89	Hà Nội
42	30K-917.88	Hà Nội	1042	30K-943.79	Hà Nội	2042	30K-851.99	Hà Nội
43	30K-925.69	Hà Nội	1043	30K-958.38	Hà Nội	2043	30K-874.89	Hà Nội
44	30K-927.79	Hà Nội	1044	30K-964.64	Hà Nội	2044	30K-895.69	Hà Nội
45	30K-933.22	Hà Nội	1045	30K-970.88	Hà Nội	2045	30K-906.39	Hà Nội
46	30K-944.89	Hà Nội	1046	30K-973.39	Hà Nội	2046	30K-907.39	Hà Nội
47	30K-950.66	Hà Nội	1047	30K-987.78	Hà Nội	2047	30K-917.69	Hà Nội
48	30K-971.86	Hà Nội	1048	30L-013.39	Hà Nội	2048	30K-921.66	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
49	30K-990.68	Hà Nội	1049	30L-032.88	Hà Nội	2049	30K-945.66	Hà Nội
50	30K-994.88	Hà Nội	1050	30L-042.88	Hà Nội	2050	30K-945.79	Hà Nội
51	30K-997.66	Hà Nội	1051	30L-050.00	Hà Nội	2051	30K-974.68	Hà Nội
52	30L-027.39	Hà Nội	1052	30L-051.66	Hà Nội	2052	30L-004.86	Hà Nội
53	30L-030.99	Hà Nội	1053	30L-060.00	Hà Nội	2053	30L-024.88	Hà Nội
54	30L-043.68	Hà Nội	1054	30L-063.66	Hà Nội	2054	30L-048.89	Hà Nội
55	30L-045.88	Hà Nội	1055	30L-071.71	Hà Nội	2055	30L-050.89	Hà Nội
56	30L-046.39	Hà Nội	1056	30L-082.39	Hà Nội	2056	30L-051.69	Hà Nội
57	30L-047.66	Hà Nội	1057	30L-106.39	Hà Nội	2057	30L-077.55	Hà Nội
58	30L-051.39	Hà Nội	1058	30L-117.39	Hà Nội	2058	30L-095.39	Hà Nội
59	30L-067.66	Hà Nội	1059	30L-117.66	Hà Nội	2059	30L-110.69	Hà Nội
60	30L-087.79	Hà Nội	1060	30L-132.66	Hà Nội	2060	30L-130.79	Hà Nội
61	30L-104.86	Hà Nội	1061	30L-140.69	Hà Nội	2061	30L-141.86	Hà Nội
62	30L-132.69	Hà Nội	1062	30L-142.88	Hà Nội	2062	30L-143.68	Hà Nội
63	30L-135.59	Hà Nội	1063	30L-147.89	Hà Nội	2063	30L-144.39	Hà Nội
64	30L-143.79	Hà Nội	1064	30L-149.68	Hà Nội	2064	30L-170.89	Hà Nội
65	30L-148.69	Hà Nội	1065	30L-154.79	Hà Nội	2065	30L-173.88	Hà Nội
66	30L-152.69	Hà Nội	1066	30L-170.70	Hà Nội	2066	30L-180.68	Hà Nội
67	30L-153.66	Hà Nội	1067	30L-172.68	Hà Nội	2067	30L-184.88	Hà Nội
68	30L-177.00	Hà Nội	1068	30L-173.68	Hà Nội	2068	30L-194.44	Hà Nội
69	30L-194.94	Hà Nội	1069	30L-184.39	Hà Nội	2069	30L-196.79	Hà Nội
70	30L-204.44	Hà Nội	1070	30L-184.66	Hà Nội	2070	30L-200.77	Hà Nội
71	30L-205.86	Hà Nội	1071	30L-188.39	Hà Nội	2071	30L-208.39	Hà Nội
72	30L-214.99	Hà Nội	1072	30L-194.68	Hà Nội	2072	30L-208.79	Hà Nội
73	30L-230.79	Hà Nội	1073	30L-195.69	Hà Nội	2073	30L-210.69	Hà Nội
74	30L-230.88	Hà Nội	1074	30L-195.86	Hà Nội	2074	30L-211.39	Hà Nội
75	30L-243.33	Hà Nội	1075	30L-200.39	Hà Nội	2075	30L-213.86	Hà Nội
76	30L-256.39	Hà Nội	1076	30L-202.86	Hà Nội	2076	30L-216.79	Hà Nội
77	30L-272.69	Hà Nội	1077	30L-210.10	Hà Nội	2077	30L-217.39	Hà Nội
78	30L-274.47	Hà Nội	1078	30L-215.86	Hà Nội	2078	30L-222.00	Hà Nội
79	30L-278.66	Hà Nội	1079	30L-220.69	Hà Nội	2079	30L-224.99	Hà Nội
80	30L-278.78	Hà Nội	1080	30L-227.86	Hà Nội	2080	30L-231.11	Hà Nội
81	30L-294.94	Hà Nội	1081	30L-248.79	Hà Nội	2081	30L-232.69	Hà Nội
82	30L-295.69	Hà Nội	1082	30L-271.68	Hà Nội	2082	30L-237.69	Hà Nội
83	30L-301.11	Hà Nội	1083	30L-278.68	Hà Nội	2083	30L-243.79	Hà Nội
84	30L-325.69	Hà Nội	1084	30L-284.48	Hà Nội	2084	30L-250.05	Hà Nội
85	30L-327.88	Hà Nội	1085	30L-291.66	Hà Nội	2085	30L-261.39	Hà Nội
86	30L-347.69	Hà Nội	1086	30L-301.10	Hà Nội	2086	30L-261.79	Hà Nội
87	30L-348.39	Hà Nội	1087	30L-301.99	Hà Nội	2087	30L-264.99	Hà Nội
88	30L-352.69	Hà Nội	1088	30L-302.20	Hà Nội	2088	30L-274.66	Hà Nội
89	30L-372.27	Hà Nội	1089	30L-302.89	Hà Nội	2089	30L-294.44	Hà Nội
90	30L-377.66	Hà Nội	1090	30L-304.66	Hà Nội	2090	30L-300.69	Hà Nội
91	30L-394.99	Hà Nội	1091	30L-307.79	Hà Nội	2091	30L-301.01	Hà Nội
92	30L-399.00	Hà Nội	1092	30L-308.69	Hà Nội	2092	30L-304.89	Hà Nội
93	30L-400.89	Hà Nội	1093	30L-320.00	Hà Nội	2093	30L-305.66	Hà Nội
94	30L-410.10	Hà Nội	1094	30L-324.99	Hà Nội	2094	30L-311.79	Hà Nội
95	30L-417.66	Hà Nội	1095	30L-327.66	Hà Nội	2095	30L-320.69	Hà Nội
96	30L-424.88	Hà Nội	1096	30L-341.66	Hà Nội	2096	30L-321.39	Hà Nội
97	30L-428.68	Hà Nội	1097	30L-347.47	Hà Nội	2097	30L-325.86	Hà Nội
98	30L-431.31	Hà Nội	1098	30L-373.68	Hà Nội	2098	30L-337.68	Hà Nội
99	30L-432.23	Hà Nội	1099	30L-377.39	Hà Nội	2099	30L-341.68	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
100	30L-432.79	Hà Nội	1100	30L-380.69	Hà Nội	2100	30L-354.99	Hà Nội
101	30L-443.79	Hà Nội	1101	30L-384.44	Hà Nội	2101	30L-370.00	Hà Nội
102	30L-444.69	Hà Nội	1102	30L-390.00	Hà Nội	2102	30L-372.86	Hà Nội
103	30L-444.78	Hà Nội	1103	30L-397.68	Hà Nội	2103	30L-372.99	Hà Nội
104	30L-450.00	Hà Nội	1104	30L-400.66	Hà Nội	2104	30L-394.44	Hà Nội
105	30L-451.39	Hà Nội	1105	30L-419.68	Hà Nội	2105	30L-401.79	Hà Nội
106	30L-455.11	Hà Nội	1106	30L-421.11	Hà Nội	2106	30L-405.05	Hà Nội
107	30L-457.99	Hà Nội	1107	30L-423.88	Hà Nội	2107	30L-410.68	Hà Nội
108	30L-459.39	Hà Nội	1108	30L-424.44	Hà Nội	2108	30L-413.69	Hà Nội
109	30L-461.66	Hà Nội	1109	30L-429.79	Hà Nội	2109	30L-413.86	Hà Nội
110	30L-461.89	Hà Nội	1110	30L-430.69	Hà Nội	2110	30L-419.96	Hà Nội
111	30L-465.65	Hà Nội	1111	30L-434.44	Hà Nội	2111	30L-420.89	Hà Nội
112	30L-469.68	Hà Nội	1112	30L-435.88	Hà Nội	2112	30L-423.32	Hà Nội
113	30L-473.89	Hà Nội	1113	30L-444.15	Hà Nội	2113	30L-426.86	Hà Nội
114	30L-476.67	Hà Nội	1114	30L-450.89	Hà Nội	2114	30L-428.28	Hà Nội
115	30L-476.68	Hà Nội	1115	30L-464.99	Hà Nội	2115	30L-430.03	Hà Nội
116	30L-476.76	Hà Nội	1116	30L-466.79	Hà Nội	2116	30L-443.43	Hà Nội
117	30L-481.79	Hà Nội	1117	30L-470.69	Hà Nội	2117	30L-444.68	Hà Nội
118	30L-482.89	Hà Nội	1118	30L-475.68	Hà Nội	2118	30L-445.79	Hà Nội
119	30L-489.39	Hà Nội	1119	30L-492.89	Hà Nội	2119	30L-446.68	Hà Nội
120	30L-493.33	Hà Nội	1120	30L-496.69	Hà Nội	2120	30L-450.66	Hà Nội
121	30L-495.86	Hà Nội	1121	30L-500.86	Hà Nội	2121	30L-452.68	Hà Nội
122	30L-500.79	Hà Nội	1122	30L-502.66	Hà Nội	2122	30L-465.66	Hà Nội
123	30L-500.88	Hà Nội	1123	30L-510.66	Hà Nội	2123	30L-467.86	Hà Nội
124	30L-503.30	Hà Nội	1124	30L-510.99	Hà Nội	2124	30L-477.68	Hà Nội
125	30L-521.11	Hà Nội	1125	30L-512.69	Hà Nội	2125	30L-493.99	Hà Nội
126	30L-535.86	Hà Nội	1126	30L-513.86	Hà Nội	2126	30L-501.01	Hà Nội
127	30L-537.86	Hà Nội	1127	30L-513.99	Hà Nội	2127	30L-501.86	Hà Nội
128	30L-540.40	Hà Nội	1128	30L-514.69	Hà Nội	2128	30L-506.88	Hà Nội
129	30L-542.68	Hà Nội	1129	30L-536.99	Hà Nội	2129	30L-509.39	Hà Nội
130	30L-544.11	Hà Nội	1130	30L-541.89	Hà Nội	2130	30L-512.21	Hà Nội
131	30L-547.58	Hà Nội	1131	30L-542.24	Hà Nội	2131	30L-514.89	Hà Nội
132	30L-550.69	Hà Nội	1132	30L-542.99	Hà Nội	2132	30L-527.68	Hà Nội
133	30L-554.89	Hà Nội	1133	30L-543.88	Hà Nội	2133	30L-528.25	Hà Nội
134	30L-555.02	Hà Nội	1134	30L-544.89	Hà Nội	2134	30L-531.13	Hà Nội
135	30L-560.66	Hà Nội	1135	30L-551.51	Hà Nội	2135	30L-533.44	Hà Nội
136	30L-568.65	Hà Nội	1136	30L-554.86	Hà Nội	2136	30L-537.79	Hà Nội
137	30L-570.00	Hà Nội	1137	30L-555.09	Hà Nội	2137	30L-542.69	Hà Nội
138	30L-571.39	Hà Nội	1138	30L-566.61	Hà Nội	2138	30L-551.39	Hà Nội
139	30L-576.59	Hà Nội	1139	30L-567.65	Hà Nội	2139	30L-555.60	Hà Nội
140	30L-592.16	Hà Nội	1140	30L-568.29	Hà Nội	2140	30L-560.06	Hà Nội
141	30L-592.33	Hà Nội	1141	30L-572.69	Hà Nội	2141	30L-561.38	Hà Nội
142	30L-592.38	Hà Nội	1142	30L-576.78	Hà Nội	2142	30L-563.56	Hà Nội
143	30L-593.94	Hà Nội	1143	30L-583.69	Hà Nội	2143	30L-564.39	Hà Nội
144	30L-595.09	Hà Nội	1144	30L-584.58	Hà Nội	2144	30L-564.65	Hà Nội
145	30L-601.85	Hà Nội	1145	30L-594.94	Hà Nội	2145	30L-570.07	Hà Nội
146	30L-604.98	Hà Nội	1146	30L-601.58	Hà Nội	2146	30L-571.85	Hà Nội
147	30L-609.90	Hà Nội	1147	30L-602.83	Hà Nội	2147	30L-571.86	Hà Nội
148	30L-610.08	Hà Nội	1148	30L-603.89	Hà Nội	2148	30L-572.73	Hà Nội
149	30L-610.18	Hà Nội	1149	30L-605.29	Hà Nội	2149	30L-575.83	Hà Nội
150	30L-611.25	Hà Nội	1150	30L-607.35	Hà Nội	2150	30L-583.39	Hà Nội

Y
Á
NH
AM
-T.P

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
151	30L-612.21	Hà Nội	1151	30L-610.10	Hà Nội	2151	30L-585.29	Hà Nội
152	30L-612.95	Hà Nội	1152	30L-610.68	Hà Nội	2152	30L-588.11	Hà Nội
153	30L-615.69	Hà Nội	1153	30L-614.99	Hà Nội	2153	30L-591.69	Hà Nội
154	30L-620.20	Hà Nội	1154	30L-617.77	Hà Nội	2154	30L-591.92	Hà Nội
155	30L-625.77	Hà Nội	1155	30L-620.00	Hà Nội	2155	30L-604.26	Hà Nội
156	30L-627.79	Hà Nội	1156	30L-624.25	Hà Nội	2156	30L-609.29	Hà Nội
157	30L-629.69	Hà Nội	1157	30L-626.59	Hà Nội	2157	30L-610.00	Hà Nội
158	30L-632.06	Hà Nội	1158	30L-628.32	Hà Nội	2158	30L-610.11	Hà Nội
159	30L-644.06	Hà Nội	1159	30L-629.86	Hà Nội	2159	30L-610.61	Hà Nội
160	30L-644.99	Hà Nội	1160	30L-630.09	Hà Nội	2160	30L-610.99	Hà Nội
161	30L-647.88	Hà Nội	1161	30L-630.16	Hà Nội	2161	30L-612.55	Hà Nội
162	30L-650.79	Hà Nội	1162	30L-637.37	Hà Nội	2162	30L-612.69	Hà Nội
163	30L-653.16	Hà Nội	1163	30L-640.00	Hà Nội	2163	30L-615.98	Hà Nội
164	30L-662.63	Hà Nội	1164	30L-648.26	Hà Nội	2164	30L-622.32	Hà Nội
165	30L-664.09	Hà Nội	1165	30L-656.36	Hà Nội	2165	30L-629.96	Hà Nội
166	30L-664.83	Hà Nội	1166	30L-657.77	Hà Nội	2166	30L-631.66	Hà Nội
167	30L-665.98	Hà Nội	1167	30L-658.98	Hà Nội	2167	30L-634.43	Hà Nội
168	30L-668.90	Hà Nội	1168	30L-667.26	Hà Nội	2168	30L-640.18	Hà Nội
169	30L-669.22	Hà Nội	1169	30L-670.00	Hà Nội	2169	30L-640.64	Hà Nội
170	30L-669.67	Hà Nội	1170	30L-672.18	Hà Nội	2170	30L-666.71	Hà Nội
171	30L-672.26	Hà Nội	1171	30L-673.39	Hà Nội	2171	30L-672.79	Hà Nội
172	30L-673.18	Hà Nội	1172	30L-674.88	Hà Nội	2172	30L-673.95	Hà Nội
173	30L-674.39	Hà Nội	1173	30L-675.57	Hà Nội	2173	30L-675.39	Hà Nội
174	30L-677.78	Hà Nội	1174	30L-675.89	Hà Nội	2174	30L-682.09	Hà Nội
175	30L-678.90	Hà Nội	1175	30L-681.82	Hà Nội	2175	30L-688.29	Hà Nội
176	30L-679.16	Hà Nội	1176	30L-683.44	Hà Nội	2176	30L-690.39	Hà Nội
177	30L-684.29	Hà Nội	1177	30L-688.09	Hà Nội	2177	30L-697.83	Hà Nội
178	30L-690.89	Hà Nội	1178	30L-695.39	Hà Nội	2178	30L-699.91	Hà Nội
179	30L-691.99	Hà Nội	1179	30L-700.25	Hà Nội	2179	30L-708.66	Hà Nội
180	30L-705.86	Hà Nội	1180	30L-704.83	Hà Nội	2180	30L-712.71	Hà Nội
181	30L-712.55	Hà Nội	1181	30L-706.29	Hà Nội	2181	30L-713.09	Hà Nội
182	30L-713.13	Hà Nội	1182	30L-707.58	Hà Nội	2182	30L-718.98	Hà Nội
183	30L-721.68	Hà Nội	1183	30L-714.88	Hà Nội	2183	30L-719.97	Hà Nội
184	30L-725.88	Hà Nội	1184	30L-720.28	Hà Nội	2184	30L-721.22	Hà Nội
185	30L-731.31	Hà Nội	1185	30L-725.56	Hà Nội	2185	30L-726.19	Hà Nội
186	30L-736.33	Hà Nội	1186	30L-726.35	Hà Nội	2186	30L-733.18	Hà Nội
187	30L-739.93	Hà Nội	1187	30L-730.31	Hà Nội	2187	30L-743.69	Hà Nội
188	30L-754.59	Hà Nội	1188	30L-730.37	Hà Nội	2188	30L-750.39	Hà Nội
189	30L-756.06	Hà Nội	1189	30L-734.73	Hà Nội	2189	30L-750.68	Hà Nội
190	30L-758.89	Hà Nội	1190	30L-741.68	Hà Nội	2190	30L-753.53	Hà Nội
191	30L-760.26	Hà Nội	1191	30L-741.99	Hà Nội	2191	30L-762.76	Hà Nội
192	30L-766.58	Hà Nội	1192	30L-753.89	Hà Nội	2192	30L-766.69	Hà Nội
193	30L-768.84	Hà Nội	1193	30L-763.64	Hà Nội	2193	30L-767.82	Hà Nội
194	30L-769.25	Hà Nội	1194	30L-769.16	Hà Nội	2194	30L-768.55	Hà Nội
195	30L-772.99	Hà Nội	1195	30L-771.11	Hà Nội	2195	30L-776.39	Hà Nội
196	30L-778.09	Hà Nội	1196	30L-771.69	Hà Nội	2196	30L-777.09	Hà Nội
197	30L-782.26	Hà Nội	1197	30L-773.74	Hà Nội	2197	30L-784.35	Hà Nội
198	30L-786.59	Hà Nội	1198	30L-776.59	Hà Nội	2198	30L-785.95	Hà Nội
199	30L-795.11	Hà Nội	1199	30L-779.96	Hà Nội	2199	30L-789.28	Hà Nội
200	30L-795.39	Hà Nội	1200	30L-785.09	Hà Nội	2200	30L-792.38	Hà Nội
201	30L-808.16	Hà Nội	1201	30L-788.39	Hà Nội	2201	30L-799.06	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
202	30L-809.69	Hà Nội	1202	30L-789.91	Hà Nội	2202	30L-799.63	Hà Nội
203	30L-813.81	Hà Nội	1203	30L-790.59	Hà Nội	2203	30L-800.11	Hà Nội
204	30L-818.63	Hà Nội	1204	30L-792.44	Hà Nội	2204	30L-802.66	Hà Nội
205	30L-819.66	Hà Nội	1205	30L-795.86	Hà Nội	2205	30L-809.79	Hà Nội
206	30L-819.74	Hà Nội	1206	30L-796.81	Hà Nội	2206	30L-810.00	Hà Nội
207	30L-823.26	Hà Nội	1207	30L-801.26	Hà Nội	2207	30L-810.39	Hà Nội
208	30L-825.82	Hà Nội	1208	30L-802.88	Hà Nội	2208	30L-811.56	Hà Nội
209	30L-830.89	Hà Nội	1209	30L-809.36	Hà Nội	2209	30L-811.77	Hà Nội
210	30L-835.35	Hà Nội	1210	30L-814.69	Hà Nội	2210	30L-819.71	Hà Nội
211	30L-837.65	Hà Nội	1211	30L-816.56	Hà Nội	2211	30L-821.82	Hà Nội
212	30L-846.48	Hà Nội	1212	30L-816.85	Hà Nội	2212	30L-822.77	Hà Nội
213	30L-848.69	Hà Nội	1213	30L-820.88	Hà Nội	2213	30L-827.29	Hà Nội
214	30L-851.52	Hà Nội	1214	30L-836.37	Hà Nội	2214	30L-833.06	Hà Nội
215	30L-855.50	Hà Nội	1215	30L-848.99	Hà Nội	2215	30L-837.39	Hà Nội
216	30L-855.77	Hà Nội	1216	30L-855.39	Hà Nội	2216	30L-840.79	Hà Nội
217	30L-860.29	Hà Nội	1217	30L-860.18	Hà Nội	2217	30L-843.68	Hà Nội
218	30L-868.35	Hà Nội	1218	30L-865.89	Hà Nội	2218	30L-846.46	Hà Nội
219	30L-873.87	Hà Nội	1219	30L-878.06	Hà Nội	2219	30L-847.83	Hà Nội
220	30L-876.36	Hà Nội	1220	30L-878.92	Hà Nội	2220	30L-849.49	Hà Nội
221	30L-882.29	Hà Nội	1221	30L-881.36	Hà Nội	2221	30L-867.66	Hà Nội
222	30L-884.79	Hà Nội	1222	30L-881.79	Hà Nội	2222	30L-871.71	Hà Nội
223	30L-888.46	Hà Nội	1223	30L-895.82	Hà Nội	2223	30L-871.87	Hà Nội
224	30L-895.32	Hà Nội	1224	30L-897.08	Hà Nội	2224	30L-872.39	Hà Nội
225	30L-900.66	Hà Nội	1225	30L-899.28	Hà Nội	2225	30L-878.56	Hà Nội
226	30L-901.02	Hà Nội	1226	30L-899.38	Hà Nội	2226	30L-890.00	Hà Nội
227	30L-903.09	Hà Nội	1227	30L-905.68	Hà Nội	2227	30L-890.18	Hà Nội
228	30L-921.12	Hà Nội	1228	30L-913.89	Hà Nội	2228	30L-895.96	Hà Nội
229	30L-923.92	Hà Nội	1229	30L-915.51	Hà Nội	2229	30L-897.06	Hà Nội
230	30L-924.36	Hà Nội	1230	30L-923.23	Hà Nội	2230	30L-909.56	Hà Nội
231	30L-930.00	Hà Nội	1231	30L-923.35	Hà Nội	2231	30L-918.95	Hà Nội
232	30L-930.88	Hà Nội	1232	30L-928.92	Hà Nội	2232	30L-925.52	Hà Nội
233	30L-931.69	Hà Nội	1233	30L-939.58	Hà Nội	2233	30L-930.89	Hà Nội
234	30L-931.95	Hà Nội	1234	30L-939.95	Hà Nội	2234	30L-937.36	Hà Nội
235	30L-944.55	Hà Nội	1235	30L-940.00	Hà Nội	2235	30L-941.99	Hà Nội
236	30L-950.09	Hà Nội	1236	30L-942.94	Hà Nội	2236	30L-950.65	Hà Nội
237	30L-950.38	Hà Nội	1237	30L-942.99	Hà Nội	2237	30L-954.44	Hà Nội
238	30L-952.88	Hà Nội	1238	30L-945.29	Hà Nội	2238	30L-956.28	Hà Nội
239	30L-959.06	Hà Nội	1239	30L-948.89	Hà Nội	2239	30L-967.82	Hà Nội
240	30L-962.26	Hà Nội	1240	30L-955.93	Hà Nội	2240	30L-981.83	Hà Nội
241	30L-966.32	Hà Nội	1241	30L-956.16	Hà Nội	2241	30L-985.06	Hà Nội
242	30L-969.35	Hà Nội	1242	30L-971.85	Hà Nội	2242	30L-987.09	Hà Nội
243	30L-975.95	Hà Nội	1243	30L-976.78	Hà Nội	2243	30L-992.06	Hà Nội
244	30L-980.99	Hà Nội	1244	30L-977.11	Hà Nội	2244	30M-000.35	Hà Nội
245	30L-984.89	Hà Nội	1245	30L-978.94	Hà Nội	2245	30M-000.56	Hà Nội
246	30L-986.06	Hà Nội	1246	30L-980.58	Hà Nội	2246	30M-009.35	Hà Nội
247	30L-988.83	Hà Nội	1247	30L-981.85	Hà Nội	2247	30M-013.89	Hà Nội
248	30L-997.66	Hà Nội	1248	30L-990.16	Hà Nội	2248	30M-015.83	Hà Nội
249	30L-999.30	Hà Nội	1249	30L-993.08	Hà Nội	2249	30M-017.88	Hà Nội
250	30M-003.04	Hà Nội	1250	30L-994.44	Hà Nội	2250	30M-021.66	Hà Nội
251	30M-009.96	Hà Nội	1251	30M-000.29	Hà Nội	2251	30M-022.00	Hà Nội
252	30M-014.66	Hà Nội	1252	30M-000.38	Hà Nội	2252	30M-028.39	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
253	30M-017.18	Hà Nội	1253	30M-002.19	Hà Nội	2253	51L-008.86	Hồ Chí Minh
254	51L-021.86	Hồ Chí Minh	1254	30M-005.59	Hà Nội	2254	51L-009.86	Hồ Chí Minh
255	51L-023.39	Hồ Chí Minh	1255	30M-011.33	Hà Nội	2255	51L-031.99	Hồ Chí Minh
256	51L-027.66	Hồ Chí Minh	1256	30M-019.39	Hà Nội	2256	51L-064.88	Hồ Chí Minh
257	51L-037.68	Hồ Chí Minh	1257	30M-020.11	Hà Nội	2257	51L-070.89	Hồ Chí Minh
258	51L-050.88	Hồ Chí Minh	1258	30M-020.66	Hà Nội	2258	51L-075.86	Hồ Chí Minh
259	51L-059.86	Hồ Chí Minh	1259	30M-024.44	Hà Nội	2259	51L-081.66	Hồ Chí Minh
260	51L-065.89	Hồ Chí Minh	1260	30M-026.62	Hà Nội	2260	51L-084.89	Hồ Chí Minh
261	51L-069.88	Hồ Chí Minh	1261	51L-001.66	Hồ Chí Minh	2261	51L-087.39	Hồ Chí Minh
262	51L-074.89	Hồ Chí Minh	1262	51L-001.86	Hồ Chí Minh	2262	51L-091.66	Hồ Chí Minh
263	51L-084.68	Hồ Chí Minh	1263	51L-029.88	Hồ Chí Minh	2263	51L-107.89	Hồ Chí Minh
264	51L-096.39	Hồ Chí Minh	1264	51L-033.68	Hồ Chí Minh	2264	51L-135.88	Hồ Chí Minh
265	51L-138.66	Hồ Chí Minh	1265	51L-035.99	Hồ Chí Minh	2265	51L-137.68	Hồ Chí Minh
266	51L-144.66	Hồ Chí Minh	1266	51L-037.77	Hồ Chí Minh	2266	51L-140.88	Hồ Chí Minh
267	51L-157.66	Hồ Chí Minh	1267	51L-056.88	Hồ Chí Minh	2267	51L-145.69	Hồ Chí Minh
268	51L-158.69	Hồ Chí Minh	1268	51L-073.69	Hồ Chí Minh	2268	51L-152.69	Hồ Chí Minh
269	51L-176.89	Hồ Chí Minh	1269	51L-080.69	Hồ Chí Minh	2269	51L-160.89	Hồ Chí Minh
270	51L-192.89	Hồ Chí Minh	1270	51L-088.22	Hồ Chí Minh	2270	51L-165.86	Hồ Chí Minh
271	51L-198.39	Hồ Chí Minh	1271	51L-097.68	Hồ Chí Minh	2271	51L-174.69	Hồ Chí Minh
272	51L-204.69	Hồ Chí Minh	1272	51L-105.68	Hồ Chí Minh	2272	51L-179.66	Hồ Chí Minh
273	51L-204.89	Hồ Chí Minh	1273	51L-117.99	Hồ Chí Minh	2273	51L-183.79	Hồ Chí Minh
274	51L-224.39	Hồ Chí Minh	1274	51L-121.79	Hồ Chí Minh	2274	51L-184.44	Hồ Chí Minh
275	51L-226.69	Hồ Chí Minh	1275	51L-130.66	Hồ Chí Minh	2275	51L-189.86	Hồ Chí Minh
276	51L-227.68	Hồ Chí Minh	1276	51L-134.79	Hồ Chí Minh	2276	51L-191.69	Hồ Chí Minh
277	51L-227.88	Hồ Chí Minh	1277	51L-155.77	Hồ Chí Minh	2277	51L-202.39	Hồ Chí Minh
278	51L-238.86	Hồ Chí Minh	1278	51L-157.86	Hồ Chí Minh	2278	51L-203.86	Hồ Chí Minh
279	51L-242.99	Hồ Chí Minh	1279	51L-161.89	Hồ Chí Minh	2279	51L-212.86	Hồ Chí Minh
280	51L-244.89	Hồ Chí Minh	1280	51L-162.26	Hồ Chí Minh	2280	51L-220.39	Hồ Chí Minh
281	51L-247.66	Hồ Chí Minh	1281	51L-164.79	Hồ Chí Minh	2281	51L-221.99	Hồ Chí Minh
282	51L-264.79	Hồ Chí Minh	1282	51L-173.39	Hồ Chí Minh	2282	51L-224.79	Hồ Chí Minh
283	51L-278.69	Hồ Chí Minh	1283	51L-180.88	Hồ Chí Minh	2283	51L-230.69	Hồ Chí Minh
284	51L-281.69	Hồ Chí Minh	1284	51L-185.89	Hồ Chí Minh	2284	51L-235.69	Hồ Chí Minh
285	51L-281.86	Hồ Chí Minh	1285	51L-204.68	Hồ Chí Minh	2285	51L-250.89	Hồ Chí Minh
286	51L-284.68	Hồ Chí Minh	1286	51L-216.89	Hồ Chí Minh	2286	51L-251.88	Hồ Chí Minh
287	51L-285.39	Hồ Chí Minh	1287	51L-219.92	Hồ Chí Minh	2287	51L-252.79	Hồ Chí Minh
288	51L-287.77	Hồ Chí Minh	1288	51L-224.69	Hồ Chí Minh	2288	51L-252.88	Hồ Chí Minh
289	51L-291.88	Hồ Chí Minh	1289	51L-232.79	Hồ Chí Minh	2289	51L-253.33	Hồ Chí Minh
290	51L-315.89	Hồ Chí Minh	1290	51L-235.86	Hồ Chí Minh	2290	51L-253.53	Hồ Chí Minh
291	51L-316.88	Hồ Chí Minh	1291	51L-257.39	Hồ Chí Minh	2291	51L-264.68	Hồ Chí Minh
292	51L-319.66	Hồ Chí Minh	1292	51L-259.89	Hồ Chí Minh	2292	51L-265.99	Hồ Chí Minh
293	51L-323.88	Hồ Chí Minh	1293	51L-270.69	Hồ Chí Minh	2293	51L-266.93	Hồ Chí Minh
294	51L-332.79	Hồ Chí Minh	1294	51L-273.66	Hồ Chí Minh	2294	51L-281.66	Hồ Chí Minh
295	51L-353.66	Hồ Chí Minh	1295	51L-273.88	Hồ Chí Minh	2295	51L-289.39	Hồ Chí Minh
296	51L-354.44	Hồ Chí Minh	1296	51L-280.66	Hồ Chí Minh	2296	51L-304.88	Hồ Chí Minh
297	51L-360.69	Hồ Chí Minh	1297	51L-280.88	Hồ Chí Minh	2297	51L-310.00	Hồ Chí Minh
298	51L-369.66	Hồ Chí Minh	1298	51L-287.66	Hồ Chí Minh	2298	51L-310.68	Hồ Chí Minh
299	51L-370.88	Hồ Chí Minh	1299	51L-312.69	Hồ Chí Minh	2299	51L-314.44	Hồ Chí Minh
300	51L-384.69	Hồ Chí Minh	1300	51L-315.68	Hồ Chí Minh	2300	51L-316.89	Hồ Chí Minh
301	51L-386.69	Hồ Chí Minh	1301	51L-325.99	Hồ Chí Minh	2301	51L-317.88	Hồ Chí Minh
302	51L-397.66	Hồ Chí Minh	1302	51L-327.86	Hồ Chí Minh	2302	51L-319.86	Hồ Chí Minh
303	51L-400.77	Hồ Chí Minh	1303	51L-328.66	Hồ Chí Minh	2303	51L-321.68	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
304	51L-408.86	Hồ Chí Minh	1304	51L-331.89	Hồ Chí Minh	2304	51L-323.39	Hồ Chí Minh
305	51L-414.88	Hồ Chí Minh	1305	51L-347.68	Hồ Chí Minh	2305	51L-330.88	Hồ Chí Minh
306	51L-417.86	Hồ Chí Minh	1306	51L-357.39	Hồ Chí Minh	2306	51L-341.66	Hồ Chí Minh
307	51L-424.88	Hồ Chí Minh	1307	51L-359.66	Hồ Chí Minh	2307	51L-351.89	Hồ Chí Minh
308	51L-426.62	Hồ Chí Minh	1308	51L-364.39	Hồ Chí Minh	2308	51L-366.44	Hồ Chí Minh
309	51L-427.68	Hồ Chí Minh	1309	51L-365.69	Hồ Chí Minh	2309	51L-372.22	Hồ Chí Minh
310	51L-431.86	Hồ Chí Minh	1310	51L-371.39	Hồ Chí Minh	2310	51L-384.89	Hồ Chí Minh
311	51L-439.99	Hồ Chí Minh	1311	51L-373.88	Hồ Chí Minh	2311	51L-385.79	Hồ Chí Minh
312	51L-444.42	Hồ Chí Minh	1312	51L-374.39	Hồ Chí Minh	2312	51L-387.68	Hồ Chí Minh
313	51L-447.88	Hồ Chí Minh	1313	51L-374.79	Hồ Chí Minh	2313	51L-387.69	Hồ Chí Minh
314	51L-454.86	Hồ Chí Minh	1314	51L-375.88	Hồ Chí Minh	2314	51L-405.68	Hồ Chí Minh
315	51L-455.77	Hồ Chí Minh	1315	51L-385.39	Hồ Chí Minh	2315	51L-407.69	Hồ Chí Minh
316	51L-457.88	Hồ Chí Minh	1316	51L-392.86	Hồ Chí Minh	2316	51L-409.86	Hồ Chí Minh
317	51L-460.68	Hồ Chí Minh	1317	51L-400.89	Hồ Chí Minh	2317	51L-412.68	Hồ Chí Minh
318	51L-460.88	Hồ Chí Minh	1318	51L-407.39	Hồ Chí Minh	2318	51L-416.88	Hồ Chí Minh
319	51L-461.99	Hồ Chí Minh	1319	51L-408.39	Hồ Chí Minh	2319	51L-429.86	Hồ Chí Minh
320	51L-465.79	Hồ Chí Minh	1320	51L-409.79	Hồ Chí Minh	2320	51L-429.99	Hồ Chí Minh
321	51L-467.68	Hồ Chí Minh	1321	51L-409.89	Hồ Chí Minh	2321	51L-430.68	Hồ Chí Minh
322	51L-470.86	Hồ Chí Minh	1322	51L-410.99	Hồ Chí Minh	2322	51L-432.88	Hồ Chí Minh
323	51L-473.89	Hồ Chí Minh	1323	51L-437.86	Hồ Chí Minh	2323	51L-433.00	Hồ Chí Minh
324	51L-478.78	Hồ Chí Minh	1324	51L-441.11	Hồ Chí Minh	2324	51L-433.11	Hồ Chí Minh
325	51L-484.79	Hồ Chí Minh	1325	51L-446.69	Hồ Chí Minh	2325	51L-438.86	Hồ Chí Minh
326	51L-488.69	Hồ Chí Minh	1326	51L-447.77	Hồ Chí Minh	2326	51L-438.89	Hồ Chí Minh
327	51L-493.99	Hồ Chí Minh	1327	51L-449.89	Hồ Chí Minh	2327	51L-451.68	Hồ Chí Minh
328	51L-502.99	Hồ Chí Minh	1328	51L-454.79	Hồ Chí Minh	2328	51L-462.26	Hồ Chí Minh
329	51L-507.39	Hồ Chí Minh	1329	51L-475.79	Hồ Chí Minh	2329	51L-473.39	Hồ Chí Minh
330	51L-510.10	Hồ Chí Minh	1330	51L-482.22	Hồ Chí Minh	2330	51L-484.86	Hồ Chí Minh
331	51L-511.33	Hồ Chí Minh	1331	51L-487.39	Hồ Chí Minh	2331	51L-490.66	Hồ Chí Minh
332	51L-513.39	Hồ Chí Minh	1332	51L-488.68	Hồ Chí Minh	2332	51L-493.39	Hồ Chí Minh
333	51L-516.99	Hồ Chí Minh	1333	51L-496.79	Hồ Chí Minh	2333	51L-495.55	Hồ Chí Minh
334	51L-526.88	Hồ Chí Minh	1334	51L-502.02	Hồ Chí Minh	2334	51L-499.79	Hồ Chí Minh
335	51L-538.99	Hồ Chí Minh	1335	51L-506.99	Hồ Chí Minh	2335	51L-500.79	Hồ Chí Minh
336	51L-541.11	Hồ Chí Minh	1336	51L-509.68	Hồ Chí Minh	2336	51L-517.99	Hồ Chí Minh
337	51L-544.68	Hồ Chí Minh	1337	51L-511.12	Hồ Chí Minh	2337	51L-518.15	Hồ Chí Minh
338	51L-546.39	Hồ Chí Minh	1338	51L-512.22	Hồ Chí Minh	2338	51L-518.39	Hồ Chí Minh
339	51L-548.84	Hồ Chí Minh	1339	51L-522.79	Hồ Chí Minh	2339	51L-521.11	Hồ Chí Minh
340	51L-562.56	Hồ Chí Minh	1340	51L-523.52	Hồ Chí Minh	2340	51L-536.88	Hồ Chí Minh
341	51L-572.72	Hồ Chí Minh	1341	51L-535.39	Hồ Chí Minh	2341	51L-541.66	Hồ Chí Minh
342	51L-573.66	Hồ Chí Minh	1342	51L-540.00	Hồ Chí Minh	2342	51L-544.39	Hồ Chí Minh
343	51L-575.69	Hồ Chí Minh	1343	51L-541.89	Hồ Chí Minh	2343	51L-546.66	Hồ Chí Minh
344	51L-576.69	Hồ Chí Minh	1344	51L-544.66	Hồ Chí Minh	2344	51L-546.99	Hồ Chí Minh
345	51L-582.79	Hồ Chí Minh	1345	51L-564.88	Hồ Chí Minh	2345	51L-549.88	Hồ Chí Minh
346	51L-586.69	Hồ Chí Minh	1346	51L-564.89	Hồ Chí Minh	2346	51L-551.69	Hồ Chí Minh
347	51L-589.85	Hồ Chí Minh	1347	51L-587.69	Hồ Chí Minh	2347	51L-554.39	Hồ Chí Minh
348	51L-591.79	Hồ Chí Minh	1348	51L-588.22	Hồ Chí Minh	2348	51L-554.89	Hồ Chí Minh
349	51L-591.89	Hồ Chí Minh	1349	51L-595.86	Hồ Chí Minh	2349	51L-559.39	Hồ Chí Minh
350	51L-597.39	Hồ Chí Minh	1350	51L-595.96	Hồ Chí Minh	2350	51L-559.66	Hồ Chí Minh
351	51L-606.69	Hồ Chí Minh	1351	51L-596.88	Hồ Chí Minh	2351	51L-560.00	Hồ Chí Minh
352	51L-607.70	Hồ Chí Minh	1352	51L-603.68	Hồ Chí Minh	2352	51L-562.89	Hồ Chí Minh
353	51L-623.86	Hồ Chí Minh	1353	51L-605.66	Hồ Chí Minh	2353	51L-572.68	Hồ Chí Minh
354	51L-633.34	Hồ Chí Minh	1354	51L-614.79	Hồ Chí Minh	2354	51L-572.86	Hồ Chí Minh

Y
IÁ
NH
AM
-T.P

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
355	51L-635.38	Hồ Chí Minh	1355	51L-614.89	Hồ Chí Minh	2355	51L-579.66	Hồ Chí Minh
356	51L-651.39	Hồ Chí Minh	1356	51L-619.06	Hồ Chí Minh	2356	51L-581.66	Hồ Chí Minh
357	51L-652.83	Hồ Chí Minh	1357	51L-620.02	Hồ Chí Minh	2357	51L-584.89	Hồ Chí Minh
358	51L-656.39	Hồ Chí Minh	1358	51L-626.83	Hồ Chí Minh	2358	51L-587.77	Hồ Chí Minh
359	51L-664.18	Hồ Chí Minh	1359	51L-627.65	Hồ Chí Minh	2359	51L-598.86	Hồ Chí Minh
360	51L-665.18	Hồ Chí Minh	1360	51L-629.96	Hồ Chí Minh	2360	51L-598.95	Hồ Chí Minh
361	51L-666.95	Hồ Chí Minh	1361	51L-648.84	Hồ Chí Minh	2361	51L-600.39	Hồ Chí Minh
362	51L-667.16	Hồ Chí Minh	1362	51L-651.69	Hồ Chí Minh	2362	51L-602.79	Hồ Chí Minh
363	51L-671.29	Hồ Chí Minh	1363	51L-655.09	Hồ Chí Minh	2363	51L-605.39	Hồ Chí Minh
364	51L-671.66	Hồ Chí Minh	1364	51L-655.86	Hồ Chí Minh	2364	51L-609.68	Hồ Chí Minh
365	51L-671.71	Hồ Chí Minh	1365	51L-658.86	Hồ Chí Minh	2365	51L-612.66	Hồ Chí Minh
366	51L-673.88	Hồ Chí Minh	1366	51L-658.99	Hồ Chí Minh	2366	51L-620.00	Hồ Chí Minh
367	51L-674.44	Hồ Chí Minh	1367	51L-661.09	Hồ Chí Minh	2367	51L-621.21	Hồ Chí Minh
368	51L-676.99	Hồ Chí Minh	1368	51L-664.65	Hồ Chí Minh	2368	51L-622.65	Hồ Chí Minh
369	51L-680.66	Hồ Chí Minh	1369	51L-670.76	Hồ Chí Minh	2369	51L-626.69	Hồ Chí Minh
370	51L-681.69	Hồ Chí Minh	1370	51L-671.17	Hồ Chí Minh	2370	51L-631.26	Hồ Chí Minh
371	51L-687.78	Hồ Chí Minh	1371	51L-680.36	Hồ Chí Minh	2371	51L-641.88	Hồ Chí Minh
372	51L-695.79	Hồ Chí Minh	1372	51L-683.79	Hồ Chí Minh	2372	51L-643.34	Hồ Chí Minh
373	51L-708.79	Hồ Chí Minh	1373	51L-685.65	Hồ Chí Minh	2373	51L-649.64	Hồ Chí Minh
374	51L-712.13	Hồ Chí Minh	1374	51L-685.79	Hồ Chí Minh	2374	51L-653.35	Hồ Chí Minh
375	51L-712.69	Hồ Chí Minh	1375	51L-687.66	Hồ Chí Minh	2375	51L-654.45	Hồ Chí Minh
376	51L-714.15	Hồ Chí Minh	1376	51L-694.08	Hồ Chí Minh	2376	51L-657.75	Hồ Chí Minh
377	51L-719.26	Hồ Chí Minh	1377	51L-699.44	Hồ Chí Minh	2377	51L-660.33	Hồ Chí Minh
378	51L-724.69	Hồ Chí Minh	1378	51L-708.66	Hồ Chí Minh	2378	51L-668.85	Hồ Chí Minh
379	51L-725.88	Hồ Chí Minh	1379	51L-714.55	Hồ Chí Minh	2379	51L-670.69	Hồ Chí Minh
380	51L-728.82	Hồ Chí Minh	1380	51L-723.33	Hồ Chí Minh	2380	51L-676.25	Hồ Chí Minh
381	51L-729.08	Hồ Chí Minh	1381	51L-729.66	Hồ Chí Minh	2381	51L-678.23	Hồ Chí Minh
382	51L-729.26	Hồ Chí Minh	1382	51L-733.86	Hồ Chí Minh	2382	51L-679.06	Hồ Chí Minh
383	51L-730.00	Hồ Chí Minh	1383	51L-745.89	Hồ Chí Minh	2383	51L-684.79	Hồ Chí Minh
384	51L-735.89	Hồ Chí Minh	1384	51L-746.78	Hồ Chí Minh	2384	51L-687.69	Hồ Chí Minh
385	51L-737.79	Hồ Chí Minh	1385	51L-748.74	Hồ Chí Minh	2385	51L-690.00	Hồ Chí Minh
386	51L-739.83	Hồ Chí Minh	1386	51L-748.89	Hồ Chí Minh	2386	51L-693.08	Hồ Chí Minh
387	51L-749.74	Hồ Chí Minh	1387	51L-751.18	Hồ Chí Minh	2387	51L-694.15	Hồ Chí Minh
388	51L-752.85	Hồ Chí Minh	1388	51L-773.37	Hồ Chí Minh	2388	51L-700.08	Hồ Chí Minh
389	51L-753.33	Hồ Chí Minh	1389	51L-783.96	Hồ Chí Minh	2389	51L-702.20	Hồ Chí Minh
390	51L-754.11	Hồ Chí Minh	1390	51L-789.34	Hồ Chí Minh	2390	51L-706.09	Hồ Chí Minh
391	51L-756.99	Hồ Chí Minh	1391	51L-791.96	Hồ Chí Minh	2391	51L-707.38	Hồ Chí Minh
392	51L-763.89	Hồ Chí Minh	1392	51L-795.36	Hồ Chí Minh	2392	51L-708.95	Hồ Chí Minh
393	51L-768.26	Hồ Chí Minh	1393	51L-797.90	Hồ Chí Minh	2393	51L-711.17	Hồ Chí Minh
394	51L-776.33	Hồ Chí Minh	1394	51L-799.83	Hồ Chí Minh	2394	51L-711.79	Hồ Chí Minh
395	51L-784.66	Hồ Chí Minh	1395	51L-802.89	Hồ Chí Minh	2395	51L-716.69	Hồ Chí Minh
396	51L-784.84	Hồ Chí Minh	1396	51L-806.07	Hồ Chí Minh	2396	51L-725.25	Hồ Chí Minh
397	51L-789.12	Hồ Chí Minh	1397	51L-806.39	Hồ Chí Minh	2397	51L-727.69	Hồ Chí Minh
398	51L-791.35	Hồ Chí Minh	1398	51L-808.86	Hồ Chí Minh	2398	51L-727.96	Hồ Chí Minh
399	51L-792.68	Hồ Chí Minh	1399	51L-810.00	Hồ Chí Minh	2399	51L-729.27	Hồ Chí Minh
400	51L-795.88	Hồ Chí Minh	1400	51L-810.11	Hồ Chí Minh	2400	51L-730.11	Hồ Chí Minh
401	51L-802.88	Hồ Chí Minh	1401	51L-812.69	Hồ Chí Minh	2401	51L-733.69	Hồ Chí Minh
402	51L-804.33	Hồ Chí Minh	1402	51L-812.96	Hồ Chí Minh	2402	51L-741.66	Hồ Chí Minh
403	51L-809.00	Hồ Chí Minh	1403	51L-815.99	Hồ Chí Minh	2403	51L-742.79	Hồ Chí Minh
404	51L-811.25	Hồ Chí Minh	1404	51L-820.66	Hồ Chí Minh	2404	51L-745.69	Hồ Chí Minh
405	51L-813.31	Hồ Chí Minh	1405	51L-823.25	Hồ Chí Minh	2405	51L-745.77	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
406	51L-813.39	Hồ Chí Minh	1406	51L-825.25	Hồ Chí Minh	2406	51L-750.00	Hồ Chí Minh
407	51L-822.36	Hồ Chí Minh	1407	51L-828.95	Hồ Chí Minh	2407	51L-753.99	Hồ Chí Minh
408	51L-824.25	Hồ Chí Minh	1408	51L-829.36	Hồ Chí Minh	2408	51L-755.11	Hồ Chí Minh
409	51L-826.36	Hồ Chí Minh	1409	51L-837.11	Hồ Chí Minh	2409	51L-760.95	Hồ Chí Minh
410	51L-827.98	Hồ Chí Minh	1410	51L-837.69	Hồ Chí Minh	2410	51L-763.67	Hồ Chí Minh
411	51L-832.09	Hồ Chí Minh	1411	51L-839.15	Hồ Chí Minh	2411	51L-771.72	Hồ Chí Minh
412	51L-839.96	Hồ Chí Minh	1412	51L-851.69	Hồ Chí Minh	2412	51L-774.68	Hồ Chí Minh
413	51L-840.44	Hồ Chí Minh	1413	51L-854.77	Hồ Chí Minh	2413	51L-778.29	Hồ Chí Minh
414	51L-844.79	Hồ Chí Minh	1414	51L-854.79	Hồ Chí Minh	2414	51L-781.87	Hồ Chí Minh
415	51L-845.33	Hồ Chí Minh	1415	51L-855.63	Hồ Chí Minh	2415	51L-785.68	Hồ Chí Minh
416	51L-846.48	Hồ Chí Minh	1416	51L-861.79	Hồ Chí Minh	2416	51L-788.55	Hồ Chí Minh
417	51L-848.66	Hồ Chí Minh	1417	51L-865.22	Hồ Chí Minh	2417	51L-790.68	Hồ Chí Minh
418	51L-849.39	Hồ Chí Minh	1418	51L-865.58	Hồ Chí Minh	2418	51L-792.08	Hồ Chí Minh
419	51L-854.58	Hồ Chí Minh	1419	51L-866.55	Hồ Chí Minh	2419	51L-793.33	Hồ Chí Minh
420	51L-857.44	Hồ Chí Minh	1420	51L-875.26	Hồ Chí Minh	2420	51L-794.11	Hồ Chí Minh
421	51L-857.86	Hồ Chí Minh	1421	51L-880.35	Hồ Chí Minh	2421	51L-800.36	Hồ Chí Minh
422	51L-859.39	Hồ Chí Minh	1422	51L-888.41	Hồ Chí Minh	2422	51L-803.06	Hồ Chí Minh
423	51L-860.15	Hồ Chí Minh	1423	51L-890.89	Hồ Chí Minh	2423	51L-813.59	Hồ Chí Minh
424	51L-870.71	Hồ Chí Minh	1424	51L-894.66	Hồ Chí Minh	2424	51L-813.96	Hồ Chí Minh
425	51L-871.39	Hồ Chí Minh	1425	51M-021.55	Hồ Chí Minh	2425	51L-815.89	Hồ Chí Minh
426	51L-873.68	Hồ Chí Minh	1426	51M-022.02	Hồ Chí Minh	2426	51L-817.28	Hồ Chí Minh
427	51L-873.95	Hồ Chí Minh	1427	51M-023.20	Hồ Chí Minh	2427	51L-817.81	Hồ Chí Minh
428	51L-873.99	Hồ Chí Minh	1428	51M-024.42	Hồ Chí Minh	2428	51L-822.55	Hồ Chí Minh
429	51L-877.33	Hồ Chí Minh	1429	51M-035.69	Hồ Chí Minh	2429	51L-823.36	Hồ Chí Minh
430	51L-882.25	Hồ Chí Minh	1430	51M-036.44	Hồ Chí Minh	2430	51L-827.44	Hồ Chí Minh
431	51L-884.58	Hồ Chí Minh	1431	51M-039.30	Hồ Chí Minh	2431	51L-828.16	Hồ Chí Minh
432	51L-885.36	Hồ Chí Minh	1432	51M-048.49	Hồ Chí Minh	2432	51L-831.86	Hồ Chí Minh
433	51L-888.06	Hồ Chí Minh	1433	51M-050.11	Hồ Chí Minh	2433	51L-834.38	Hồ Chí Minh
434	51L-888.17	Hồ Chí Minh	1434	12A-238.89	Lạng Sơn	2434	51L-835.19	Hồ Chí Minh
435	51L-890.29	Hồ Chí Minh	1435	12A-240.79	Lạng Sơn	2435	51L-836.37	Hồ Chí Minh
436	51L-893.77	Hồ Chí Minh	1436	12A-251.66	Lạng Sơn	2436	51L-837.35	Hồ Chí Minh
437	51L-894.95	Hồ Chí Minh	1437	12A-253.52	Lạng Sơn	2437	51L-841.99	Hồ Chí Minh
438	11A-110.89	Cao Bằng	1438	14A-791.88	Quảng Ninh	2438	51L-842.39	Hồ Chí Minh
439	11A-117.99	Cao Bằng	1439	14A-863.98	Quảng Ninh	2439	51L-842.48	Hồ Chí Minh
440	11A-128.82	Cao Bằng	1440	14A-867.69	Quảng Ninh	2440	51L-844.56	Hồ Chí Minh
441	11A-134.13	Cao Bằng	1441	14A-895.69	Quảng Ninh	2441	51L-846.39	Hồ Chí Minh
442	11B-011.68	Cao Bằng	1442	14A-901.79	Quảng Ninh	2442	51L-848.99	Hồ Chí Minh
443	11C-082.28	Cao Bằng	1443	14A-911.33	Quảng Ninh	2443	51L-855.69	Hồ Chí Minh
444	12A-222.36	Lạng Sơn	1444	14A-925.26	Quảng Ninh	2444	51L-857.38	Hồ Chí Minh
445	12A-237.69	Lạng Sơn	1445	14A-941.86	Quảng Ninh	2445	51L-860.88	Hồ Chí Minh
446	12A-239.69	Lạng Sơn	1446	14A-945.89	Quảng Ninh	2446	51L-870.98	Hồ Chí Minh
447	12A-245.66	Lạng Sơn	1447	14A-948.89	Quảng Ninh	2447	51L-873.78	Hồ Chí Minh
448	12A-251.88	Lạng Sơn	1448	14A-954.99	Quảng Ninh	2448	51L-875.86	Hồ Chí Minh
449	12A-255.25	Lạng Sơn	1449	14A-957.95	Quảng Ninh	2449	51L-879.33	Hồ Chí Minh
450	12A-260.39	Lạng Sơn	1450	15K-227.72	Hải Phòng	2450	51L-888.21	Hồ Chí Minh
451	14A-811.22	Quảng Ninh	1451	15K-250.96	Hải Phòng	2451	51L-888.37	Hồ Chí Minh
452	14A-870.99	Quảng Ninh	1452	15K-255.77	Hải Phòng	2452	51L-890.39	Hồ Chí Minh
453	14A-906.99	Quảng Ninh	1453	15K-271.11	Hải Phòng	2453	51L-893.79	Hồ Chí Minh
454	14A-908.66	Quảng Ninh	1454	15K-304.88	Hải Phòng	2454	11A-111.29	Cao Bằng
455	14A-923.69	Quảng Ninh	1455	15K-341.88	Hải Phòng	2455	11A-115.69	Cao Bằng
456	14D-026.99	Quảng Ninh	1456	15K-347.34	Hải Phòng	2456	11A-132.39	Cao Bằng

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
457	15K-197.86	Hải Phòng	1457	15K-360.69	Hải Phòng	2457	12A-229.79	Lạng Sơn
458	15K-208.86	Hải Phòng	1458	15K-377.69	Hải Phòng	2458	12A-249.68	Lạng Sơn
459	15K-251.89	Hải Phòng	1459	15K-391.66	Hải Phòng	2459	12A-250.89	Lạng Sơn
460	15K-270.99	Hải Phòng	1460	15K-402.79	Hải Phòng	2460	12A-259.52	Lạng Sơn
461	15K-287.66	Hải Phòng	1461	15K-413.41	Hải Phòng	2461	12A-261.68	Lạng Sơn
462	15K-325.52	Hải Phòng	1462	17A-431.88	Thái Bình	2462	12C-118.99	Lạng Sơn
463	15K-333.48	Hải Phòng	1463	17A-435.86	Thái Bình	2463	12D-005.55	Lạng Sơn
464	15K-340.86	Hải Phòng	1464	17A-435.98	Thái Bình	2464	14A-842.88	Quảng Ninh
465	15K-344.00	Hải Phòng	1465	17A-443.39	Thái Bình	2465	14A-916.61	Quảng Ninh
466	15K-353.35	Hải Phòng	1466	17A-444.59	Thái Bình	2466	14A-921.21	Quảng Ninh
467	15K-378.86	Hải Phòng	1467	17A-451.39	Thái Bình	2467	14A-941.99	Quảng Ninh
468	15K-380.69	Hải Phòng	1468	17A-451.68	Thái Bình	2468	14A-944.49	Quảng Ninh
469	15K-399.55	Hải Phòng	1469	17A-453.86	Thái Bình	2469	14A-948.66	Quảng Ninh
470	15K-402.89	Hải Phòng	1470	17A-485.86	Thái Bình	2470	15K-243.33	Hải Phòng
471	15K-408.09	Hải Phòng	1471	17C-208.69	Thái Bình	2471	15K-253.79	Hải Phòng
472	17A-404.69	Thái Bình	1472	17C-208.86	Thái Bình	2472	15K-254.86	Hải Phòng
473	17A-406.89	Thái Bình	1473	17C-208.89	Thái Bình	2473	15K-255.33	Hải Phòng
474	17A-416.69	Thái Bình	1474	18A-400.39	Nam Định	2474	15K-267.86	Hải Phòng
475	17A-417.69	Thái Bình	1475	18A-402.22	Nam Định	2475	15K-287.77	Hải Phòng
476	17A-417.71	Thái Bình	1476	18A-402.86	Nam Định	2476	15K-290.99	Hải Phòng
477	17A-421.89	Thái Bình	1477	18A-413.99	Nam Định	2477	15K-325.86	Hải Phòng
478	17A-441.99	Thái Bình	1478	18A-432.68	Nam Định	2478	15K-329.86	Hải Phòng
479	17A-444.55	Thái Bình	1479	18A-434.44	Nam Định	2479	15K-333.11	Hải Phòng
480	17A-445.79	Thái Bình	1480	18A-436.36	Nam Định	2480	15K-351.88	Hải Phòng
481	17A-455.44	Thái Bình	1481	18A-437.66	Nam Định	2481	15K-354.68	Hải Phòng
482	17A-462.62	Thái Bình	1482	18A-443.43	Nam Định	2482	15K-358.35	Hải Phòng
483	17A-463.86	Thái Bình	1483	18A-444.68	Nam Định	2483	15K-358.66	Hải Phòng
484	17A-477.33	Thái Bình	1484	18A-444.86	Nam Định	2484	15K-360.99	Hải Phòng
485	17A-478.69	Thái Bình	1485	18A-446.86	Nam Định	2485	15K-362.62	Hải Phòng
486	17A-485.85	Thái Bình	1486	18A-451.79	Nam Định	2486	15K-363.69	Hải Phòng
487	18A-373.68	Nam Định	1487	18A-475.39	Nam Định	2487	15K-376.39	Hải Phòng
488	18A-403.79	Nam Định	1488	18A-484.66	Nam Định	2488	15K-384.39	Hải Phòng
489	18A-405.79	Nam Định	1489	18A-487.84	Nam Định	2489	15K-407.79	Hải Phòng
490	18A-405.99	Nam Định	1490	18B-029.88	Nam Định	2490	15K-411.14	Hải Phòng
491	18A-408.99	Nam Định	1491	19A-593.39	Phú Thọ	2491	17A-407.77	Thái Bình
492	18A-411.44	Nam Định	1492	19A-629.68	Phú Thọ	2492	17A-412.21	Thái Bình
493	18A-423.68	Nam Định	1493	19A-631.68	Phú Thọ	2493	17A-417.88	Thái Bình
494	18A-425.39	Nam Định	1494	19A-652.66	Phú Thọ	2494	17A-436.86	Thái Bình
495	18A-451.51	Nam Định	1495	19A-653.66	Phú Thọ	2495	17A-458.39	Thái Bình
496	18A-465.39	Nam Định	1496	19A-677.33	Phú Thọ	2496	17A-486.69	Thái Bình
497	18A-481.84	Nam Định	1497	19A-694.69	Phú Thọ	2497	17A-491.49	Thái Bình
498	18A-481.88	Nam Định	1498	19A-699.00	Phú Thọ	2498	18A-414.41	Nam Định
499	18A-484.39	Nam Định	1499	19A-700.89	Phú Thọ	2499	18A-417.88	Nam Định
500	19A-575.66	Phú Thọ	1500	19A-713.88	Phú Thọ	2500	18A-420.86	Nam Định
501	19A-578.39	Phú Thọ	1501	19D-016.88	Phú Thọ	2501	18A-427.96	Nam Định
502	19A-578.99	Phú Thọ	1502	20A-709.68	Thái Nguyên	2502	18A-432.89	Nam Định
503	19A-611.44	Phú Thọ	1503	20A-761.96	Thái Nguyên	2503	18B-028.82	Nam Định
504	19A-617.66	Phú Thọ	1504	20A-768.89	Thái Nguyên	2504	19A-564.66	Phú Thọ
505	19A-645.55	Phú Thọ	1505	20A-768.99	Thái Nguyên	2505	19A-565.86	Phú Thọ
506	19A-646.68	Phú Thọ	1506	20A-776.89	Thái Nguyên	2506	19A-586.39	Phú Thọ
507	19A-652.68	Phú Thọ	1507	20A-780.66	Thái Nguyên	2507	19A-590.39	Phú Thọ

4
ÔNG
ẤU
ỚP D
ỆT M
XUÂN

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
508	19A-652.89	Phú Thọ	1508	20A-783.69	Thái Nguyên	2508	19A-601.69	Phú Thọ
509	19A-654.45	Phú Thọ	1509	20A-790.99	Thái Nguyên	2509	19A-617.88	Phú Thọ
510	19A-670.86	Phú Thọ	1510	20A-792.66	Thái Nguyên	2510	19A-617.98	Phú Thọ
511	19A-692.89	Phú Thọ	1511	20A-814.89	Thái Nguyên	2511	19A-627.86	Phú Thọ
512	19A-707.39	Phú Thọ	1512	20A-849.89	Thái Nguyên	2512	19A-648.79	Phú Thọ
513	19A-711.69	Phú Thọ	1513	20A-850.05	Thái Nguyên	2513	19A-655.11	Phú Thọ
514	19C-252.66	Phú Thọ	1514	20A-850.39	Thái Nguyên	2514	19A-671.99	Phú Thọ
515	19C-257.89	Phú Thọ	1515	20D-028.82	Thái Nguyên	2515	19A-682.69	Phú Thọ
516	19C-259.89	Phú Thọ	1516	21A-206.69	Yên Bái	2516	19C-255.33	Phú Thọ
517	19D-013.69	Phú Thọ	1517	21A-218.39	Yên Bái	2517	19C-261.16	Phú Thọ
518	19D-015.89	Phú Thọ	1518	21B-013.13	Yên Bái	2518	20A-706.68	Thái Nguyên
519	20A-707.69	Thái Nguyên	1519	22A-215.39	Tuyên Quang	2519	20A-707.68	Thái Nguyên
520	20A-709.88	Thái Nguyên	1520	22A-216.86	Tuyên Quang	2520	20A-716.86	Thái Nguyên
521	20A-715.89	Thái Nguyên	1521	22A-225.39	Tuyên Quang	2521	20A-736.63	Thái Nguyên
522	20A-715.99	Thái Nguyên	1522	22A-255.33	Tuyên Quang	2522	20A-746.88	Thái Nguyên
523	20A-731.99	Thái Nguyên	1523	22A-268.39	Tuyên Quang	2523	20A-776.79	Thái Nguyên
524	20A-734.99	Thái Nguyên	1524	23A-138.66	Hà Giang	2524	20A-781.39	Thái Nguyên
525	20A-736.39	Thái Nguyên	1525	23A-163.36	Hà Giang	2525	20A-782.88	Thái Nguyên
526	20A-739.88	Thái Nguyên	1526	24A-276.88	Lào Cai	2526	20A-788.55	Thái Nguyên
527	20A-739.96	Thái Nguyên	1527	24A-278.39	Lào Cai	2527	20A-804.88	Thái Nguyên
528	20A-747.79	Thái Nguyên	1528	24A-293.89	Lào Cai	2528	20A-814.86	Thái Nguyên
529	20A-778.86	Thái Nguyên	1529	24A-298.39	Lào Cai	2529	20A-816.69	Thái Nguyên
530	20A-791.91	Thái Nguyên	1530	24A-301.68	Lào Cai	2530	20A-832.86	Thái Nguyên
531	20A-799.00	Thái Nguyên	1531	24A-306.69	Lào Cai	2531	20A-840.68	Thái Nguyên
532	20A-799.33	Thái Nguyên	1532	24A-308.99	Lào Cai	2532	21A-185.85	Yên Bái
533	20A-802.69	Thái Nguyên	1533	24A-309.86	Lào Cai	2533	21A-186.96	Yên Bái
534	20A-805.88	Thái Nguyên	1534	24A-310.31	Lào Cai	2534	21A-191.96	Yên Bái
535	20A-806.99	Thái Nguyên	1535	24C-159.59	Lào Cai	2535	21A-199.22	Yên Bái
536	20A-814.44	Thái Nguyên	1536	25A-070.66	Lai Châu	2536	21A-202.02	Yên Bái
537	20A-854.66	Thái Nguyên	1537	25A-075.55	Lai Châu	2537	21A-210.89	Yên Bái
538	20B-033.89	Thái Nguyên	1538	26A-191.68	Sơn La	2538	21B-012.22	Yên Bái
539	21A-200.69	Yên Bái	1539	26A-212.66	Sơn La	2539	22A-244.68	Tuyên Quang
540	21A-200.79	Yên Bái	1540	26A-222.33	Sơn La	2540	23A-157.86	Hà Giang
541	21A-204.79	Yên Bái	1541	26C-161.61	Sơn La	2541	23A-161.61	Hà Giang
542	21A-211.86	Yên Bái	1542	27A-111.56	Điện Biên	2542	24A-257.86	Lào Cai
543	21A-214.68	Yên Bái	1543	27A-114.69	Điện Biên	2543	24A-267.86	Lào Cai
544	21B-011.22	Yên Bái	1544	28A-220.89	Hòa Bình	2544	24A-269.39	Lào Cai
545	22A-217.79	Tuyên Quang	1545	28A-226.69	Hòa Bình	2545	24A-271.39	Lào Cai
546	22A-221.99	Tuyên Quang	1546	28A-230.86	Hòa Bình	2546	24A-275.57	Lào Cai
547	22A-224.86	Tuyên Quang	1547	28A-232.89	Hòa Bình	2547	24A-282.66	Lào Cai
548	22A-263.88	Tuyên Quang	1548	28A-233.44	Hòa Bình	2548	24A-306.60	Lào Cai
549	22D-008.89	Tuyên Quang	1549	28A-237.73	Hòa Bình	2549	26A-190.39	Sơn La
550	23A-136.98	Hà Giang	1550	28A-244.89	Hòa Bình	2550	26A-193.88	Sơn La
551	23A-137.88	Hà Giang	1551	28A-250.99	Hòa Bình	2551	26A-207.69	Sơn La
552	23A-143.68	Hà Giang	1552	28A-251.86	Hòa Bình	2552	26A-208.66	Sơn La
553	23A-157.58	Hà Giang	1553	28C-118.68	Hòa Bình	2553	26A-213.86	Sơn La
554	23A-162.79	Hà Giang	1554	29B-652.89	Hà Nội	2554	26A-215.86	Sơn La
555	23B-008.68	Hà Giang	1555	29D-618.79	Hà Nội	2555	26A-226.27	Sơn La
556	23C-086.99	Hà Giang	1556	29K-231.15	Hà Nội	2556	26A-232.79	Sơn La
557	24C-161.99	Lào Cai	1557	29K-232.36	Hà Nội	2557	26C-161.66	Sơn La
558	25A-074.39	Lai Châu	1558	29K-234.79	Hà Nội	2558	26C-161.69	Sơn La

Y
Á
NH
AM
T.P.H

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
559	25B-006.66	Lai Châu	1559	29K-244.33	Hà Nội	2559	27A-118.69	Điện Biên
560	26A-199.22	Sơn La	1560	29K-246.11	Hà Nội	2560	27A-118.99	Điện Biên
561	26A-201.86	Sơn La	1561	29K-249.26	Hà Nội	2561	28A-218.99	Hòa Bình
562	26A-202.89	Sơn La	1562	29K-252.65	Hà Nội	2562	28A-224.96	Hòa Bình
563	26A-219.98	Sơn La	1563	29K-255.86	Hà Nội	2563	28A-233.79	Hòa Bình
564	26A-220.66	Sơn La	1564	29K-259.55	Hà Nội	2564	28A-239.66	Hòa Bình
565	26A-225.69	Sơn La	1565	29K-262.88	Hà Nội	2565	28A-242.39	Hòa Bình
566	27A-111.58	Điện Biên	1566	29K-265.55	Hà Nội	2566	28A-245.55	Hòa Bình
567	27B-013.66	Điện Biên	1567	29K-267.55	Hà Nội	2567	28C-116.99	Hòa Bình
568	28A-216.89	Hòa Bình	1568	29K-270.88	Hà Nội	2568	29D-612.39	Hà Nội
569	28A-224.66	Hòa Bình	1569	29K-272.88	Hà Nội	2569	29D-616.89	Hà Nội
570	28A-227.69	Hòa Bình	1570	29K-275.33	Hà Nội	2570	29D-617.86	Hà Nội
571	28A-229.68	Hòa Bình	1571	29K-279.39	Hà Nội	2571	29K-222.78	Hà Nội
572	28A-251.25	Hòa Bình	1572	29K-284.69	Hà Nội	2572	29K-224.00	Hà Nội
573	28A-252.88	Hòa Bình	1573	29K-291.88	Hà Nội	2573	29K-224.09	Hà Nội
574	28A-255.11	Hòa Bình	1574	29K-295.33	Hà Nội	2574	29K-224.89	Hà Nội
575	29B-651.86	Hà Nội	1575	29K-297.09	Hà Nội	2575	29K-230.22	Hà Nội
576	29D-612.88	Hà Nội	1576	29K-300.22	Hà Nội	2576	29K-231.32	Hà Nội
577	29D-618.86	Hà Nội	1577	29K-301.11	Hà Nội	2577	29K-232.08	Hà Nội
578	29K-221.88	Hà Nội	1578	29K-311.69	Hà Nội	2578	29K-252.95	Hà Nội
579	29K-222.47	Hà Nội	1579	29K-325.26	Hà Nội	2579	29K-253.38	Hà Nội
580	29K-224.28	Hà Nội	1580	34A-744.77	Hải Dương	2580	29K-256.79	Hà Nội
581	29K-228.39	Hà Nội	1581	34A-756.68	Hải Dương	2581	29K-263.99	Hà Nội
582	29K-232.11	Hà Nội	1582	34A-776.89	Hải Dương	2582	29K-274.68	Hà Nội
583	29K-234.89	Hà Nội	1583	34A-783.39	Hải Dương	2583	29K-283.08	Hà Nội
584	29K-235.66	Hà Nội	1584	34A-788.56	Hải Dương	2584	29K-286.89	Hà Nội
585	29K-239.88	Hà Nội	1585	34A-814.89	Hải Dương	2585	29K-297.66	Hà Nội
586	29K-241.08	Hà Nội	1586	34A-819.39	Hải Dương	2586	29K-304.33	Hà Nội
587	29K-281.89	Hà Nội	1587	34A-837.88	Hải Dương	2587	29K-307.39	Hà Nội
588	29K-289.86	Hà Nội	1588	34A-848.99	Hải Dương	2588	29K-309.90	Hà Nội
589	29K-298.86	Hà Nội	1589	34A-850.39	Hải Dương	2589	29K-312.44	Hà Nội
590	29K-300.30	Hà Nội	1590	34A-871.11	Hải Dương	2590	29K-317.00	Hà Nội
591	29K-308.08	Hà Nội	1591	34A-873.86	Hải Dương	2591	29K-319.18	Hà Nội
592	29K-308.09	Hà Nội	1592	34A-902.79	Hải Dương	2592	34A-761.16	Hải Dương
593	29K-317.17	Hà Nội	1593	34A-918.69	Hải Dương	2593	34A-772.39	Hải Dương
594	29K-320.59	Hà Nội	1594	34D-035.66	Hải Dương	2594	34A-790.09	Hải Dương
595	29K-320.65	Hà Nội	1595	35A-377.88	Ninh Bình	2595	34A-792.39	Hải Dương
596	34A-744.89	Hải Dương	1596	35A-400.88	Ninh Bình	2596	34A-807.86	Hải Dương
597	34A-755.86	Hải Dương	1597	35A-402.99	Ninh Bình	2597	34A-815.89	Hải Dương
598	34A-758.98	Hải Dương	1598	35A-410.96	Ninh Bình	2598	34A-820.99	Hải Dương
599	34A-763.36	Hải Dương	1599	35A-414.14	Ninh Bình	2599	34A-831.89	Hải Dương
600	34A-765.86	Hải Dương	1600	35A-444.19	Ninh Bình	2600	34A-834.44	Hải Dương
601	34A-774.99	Hải Dương	1601	35A-455.00	Ninh Bình	2601	34A-840.89	Hải Dương
602	34A-788.33	Hải Dương	1602	35A-455.33	Ninh Bình	2602	34A-845.79	Hải Dương
603	34A-793.79	Hải Dương	1603	36C-517.89	Thanh Hóa	2603	34A-847.89	Hải Dương
604	34A-804.89	Hải Dương	1604	36C-528.28	Thanh Hóa	2604	34A-848.48	Hải Dương
605	34A-815.15	Hải Dương	1605	36C-535.55	Thanh Hóa	2605	34A-852.68	Hải Dương
606	34A-821.89	Hải Dương	1606	36K-010.99	Thanh Hóa	2606	34A-862.66	Hải Dương
607	34A-834.86	Hải Dương	1607	36K-011.66	Thanh Hóa	2607	34A-863.79	Hải Dương
608	34A-834.99	Hải Dương	1608	36K-015.15	Thanh Hóa	2608	34A-866.44	Hải Dương
609	34A-857.58	Hải Dương	1609	36K-016.69	Thanh Hóa	2609	34A-870.07	Hải Dương

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
610	34A-857.66	Hải Dương	1610	36K-018.39	Thanh Hóa	2610	34A-876.89	Hải Dương
611	34A-864.88	Hải Dương	1611	36K-030.89	Thanh Hóa	2611	34A-879.96	Hải Dương
612	34A-888.91	Hải Dương	1612	36K-032.32	Thanh Hóa	2612	34A-888.14	Hải Dương
613	34A-896.98	Hải Dương	1613	36K-037.69	Thanh Hóa	2613	34A-911.12	Hải Dương
614	34A-907.77	Hải Dương	1614	36K-040.69	Thanh Hóa	2614	34A-917.69	Hải Dương
615	34C-418.88	Hải Dương	1615	36K-045.66	Thanh Hóa	2615	34D-036.86	Hải Dương
616	35A-401.11	Ninh Bình	1616	36K-052.69	Thanh Hóa	2616	35A-379.69	Ninh Bình
617	35A-407.86	Ninh Bình	1617	36K-059.89	Thanh Hóa	2617	35A-425.99	Ninh Bình
618	35A-412.89	Ninh Bình	1618	36K-070.00	Thanh Hóa	2618	35A-429.86	Ninh Bình
619	35A-416.69	Ninh Bình	1619	36K-071.71	Thanh Hóa	2619	35A-430.66	Ninh Bình
620	35A-430.86	Ninh Bình	1620	36K-090.09	Thanh Hóa	2620	35A-458.69	Ninh Bình
621	35A-441.86	Ninh Bình	1621	36K-090.69	Thanh Hóa	2621	36B-045.67	Thanh Hóa
622	35A-443.68	Ninh Bình	1622	36K-098.66	Thanh Hóa	2622	36C-519.66	Thanh Hóa
623	35A-443.86	Ninh Bình	1623	36K-101.69	Thanh Hóa	2623	36K-027.99	Thanh Hóa
624	35A-458.86	Ninh Bình	1624	36K-114.86	Thanh Hóa	2624	36K-038.66	Thanh Hóa
625	35A-461.61	Ninh Bình	1625	36K-115.89	Thanh Hóa	2625	36K-040.79	Thanh Hóa
626	36C-511.66	Thanh Hóa	1626	36K-128.82	Thanh Hóa	2626	36K-057.79	Thanh Hóa
627	36C-528.89	Thanh Hóa	1627	36K-139.69	Thanh Hóa	2627	36K-063.36	Thanh Hóa
628	36C-529.86	Thanh Hóa	1628	36K-148.99	Thanh Hóa	2628	36K-065.69	Thanh Hóa
629	36K-034.34	Thanh Hóa	1629	36K-152.79	Thanh Hóa	2629	36K-094.88	Thanh Hóa
630	36K-038.86	Thanh Hóa	1630	36K-153.33	Thanh Hóa	2630	36K-099.22	Thanh Hóa
631	36K-043.66	Thanh Hóa	1631	36K-170.89	Thanh Hóa	2631	36K-101.89	Thanh Hóa
632	36K-051.68	Thanh Hóa	1632	36K-204.39	Thanh Hóa	2632	36K-111.28	Thanh Hóa
633	36K-059.66	Thanh Hóa	1633	36K-210.39	Thanh Hóa	2633	36K-131.99	Thanh Hóa
634	36K-082.39	Thanh Hóa	1634	36K-221.79	Thanh Hóa	2634	36K-151.39	Thanh Hóa
635	36K-085.99	Thanh Hóa	1635	36K-222.06	Thanh Hóa	2635	36K-162.62	Thanh Hóa
636	36K-102.79	Thanh Hóa	1636	36K-222.59	Thanh Hóa	2636	36K-215.79	Thanh Hóa
637	36K-103.99	Thanh Hóa	1637	37C-562.79	Nghệ An	2637	36K-228.22	Thanh Hóa
638	36K-107.68	Thanh Hóa	1638	37K-254.39	Nghệ An	2638	37C-555.86	Nghệ An
639	36K-112.88	Thanh Hóa	1639	37K-260.69	Nghệ An	2639	37C-562.99	Nghệ An
640	36K-118.86	Thanh Hóa	1640	37K-270.79	Nghệ An	2640	37K-294.66	Nghệ An
641	36K-121.86	Thanh Hóa	1641	37K-275.39	Nghệ An	2641	37K-307.68	Nghệ An
642	36K-142.14	Thanh Hóa	1642	37K-280.39	Nghệ An	2642	37K-309.96	Nghệ An
643	36K-153.99	Thanh Hóa	1643	37K-288.22	Nghệ An	2643	37K-332.79	Nghệ An
644	36K-161.86	Thanh Hóa	1644	37K-307.66	Nghệ An	2644	37K-334.34	Nghệ An
645	36K-162.79	Thanh Hóa	1645	37K-330.88	Nghệ An	2645	37K-340.68	Nghệ An
646	36K-169.16	Thanh Hóa	1646	37K-350.89	Nghệ An	2646	37K-347.79	Nghệ An
647	36K-171.11	Thanh Hóa	1647	37K-358.39	Nghệ An	2647	37K-352.25	Nghệ An
648	36K-176.39	Thanh Hóa	1648	37K-372.89	Nghệ An	2648	37K-361.39	Nghệ An
649	36K-193.89	Thanh Hóa	1649	37K-404.05	Nghệ An	2649	37K-364.66	Nghệ An
650	36K-209.69	Thanh Hóa	1650	37K-409.40	Nghệ An	2650	37K-375.89	Nghệ An
651	37K-265.69	Nghệ An	1651	37K-413.41	Nghệ An	2651	37K-378.39	Nghệ An
652	37K-272.89	Nghệ An	1652	37K-419.39	Nghệ An	2652	37K-383.69	Nghệ An
653	37K-288.44	Nghệ An	1653	37K-420.99	Nghệ An	2653	37K-387.66	Nghệ An
654	37K-289.38	Nghệ An	1654	37K-429.42	Nghệ An	2654	37K-410.01	Nghệ An
655	37K-296.86	Nghệ An	1655	37K-457.68	Nghệ An	2655	37K-419.89	Nghệ An
656	37K-307.96	Nghệ An	1656	37K-461.99	Nghệ An	2656	37K-419.92	Nghệ An
657	37K-309.98	Nghệ An	1657	37K-471.39	Nghệ An	2657	37K-442.99	Nghệ An
658	37K-315.79	Nghệ An	1658	38A-570.99	Hà Tĩnh	2658	37K-444.35	Nghệ An
659	37K-334.43	Nghệ An	1659	38A-571.99	Hà Tĩnh	2659	37K-453.89	Nghệ An
660	37K-340.39	Nghệ An	1660	38A-576.69	Hà Tĩnh	2660	37K-456.54	Nghệ An

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
661	37K-347.77	Nghệ An	1661	38A-577.22	Hà Tĩnh	2661	37K-472.74	Nghệ An
662	37K-352.88	Nghệ An	1662	38A-599.35	Hà Tĩnh	2662	38A-594.86	Hà Tĩnh
663	37K-381.39	Nghệ An	1663	38A-604.79	Hà Tĩnh	2663	38A-600.44	Hà Tĩnh
664	37K-410.11	Nghệ An	1664	38A-647.69	Hà Tĩnh	2664	38A-607.69	Hà Tĩnh
665	37K-420.00	Nghệ An	1665	38A-650.39	Hà Tĩnh	2665	38A-621.89	Hà Tĩnh
666	37K-421.12	Nghệ An	1666	38A-666.37	Hà Tĩnh	2666	38A-644.00	Hà Tĩnh
667	37K-439.86	Nghệ An	1667	38A-671.89	Hà Tĩnh	2667	38A-658.69	Hà Tĩnh
668	37K-441.79	Nghệ An	1668	38D-016.89	Hà Tĩnh	2668	38A-661.79	Hà Tĩnh
669	37K-452.86	Nghệ An	1669	43A-802.79	Đà Nẵng	2669	38A-671.17	Hà Tĩnh
670	37K-469.64	Nghệ An	1670	43A-821.79	Đà Nẵng	2670	38A-675.89	Hà Tĩnh
671	37K-469.96	Nghệ An	1671	43A-828.66	Đà Nẵng	2671	38A-677.86	Hà Tĩnh
672	37K-471.74	Nghệ An	1672	43A-855.69	Đà Nẵng	2672	43A-804.04	Đà Nẵng
673	38A-569.66	Hà Tĩnh	1673	43A-859.88	Đà Nẵng	2673	43A-840.00	Đà Nẵng
674	38A-571.89	Hà Tĩnh	1674	43A-864.86	Đà Nẵng	2674	43A-855.39	Đà Nẵng
675	38A-572.88	Hà Tĩnh	1675	43A-876.89	Đà Nẵng	2675	43A-862.62	Đà Nẵng
676	38A-602.98	Hà Tĩnh	1676	43A-892.39	Đà Nẵng	2676	43A-873.33	Đà Nẵng
677	38A-613.33	Hà Tĩnh	1677	43A-925.55	Đà Nẵng	2677	43A-892.86	Đà Nẵng
678	38A-614.44	Hà Tĩnh	1678	43B-061.69	Đà Nẵng	2678	43A-894.44	Đà Nẵng
679	38A-621.86	Hà Tĩnh	1679	47A-666.38	Đắk Lắk	2679	43A-908.99	Đà Nẵng
680	38A-623.32	Hà Tĩnh	1680	47A-675.89	Đắk Lắk	2680	43A-912.69	Đà Nẵng
681	38A-633.89	Hà Tĩnh	1681	47A-696.39	Đắk Lắk	2681	43A-916.16	Đà Nẵng
682	38A-651.69	Hà Tĩnh	1682	47A-720.88	Đắk Lắk	2682	43A-916.39	Đà Nẵng
683	38A-666.07	Hà Tĩnh	1683	47A-722.33	Đắk Lắk	2683	43A-932.22	Đà Nẵng
684	38A-677.55	Hà Tĩnh	1684	47A-723.69	Đắk Lắk	2684	43A-938.83	Đà Nẵng
685	38B-021.79	Hà Tĩnh	1685	47A-731.69	Đắk Lắk	2685	43C-305.88	Đà Nẵng
686	38C-237.73	Hà Tĩnh	1686	47A-733.77	Đắk Lắk	2686	47A-641.88	Đắk Lắk
687	38C-239.86	Hà Tĩnh	1687	47A-734.99	Đắk Lắk	2687	47A-651.66	Đắk Lắk
688	38D-017.89	Hà Tĩnh	1688	47A-738.79	Đắk Lắk	2688	47A-658.85	Đắk Lắk
689	43A-801.66	Đà Nẵng	1689	47A-741.41	Đắk Lắk	2689	47A-664.64	Đắk Lắk
690	43A-809.68	Đà Nẵng	1690	47A-747.69	Đắk Lắk	2690	47A-665.98	Đắk Lắk
691	43A-829.89	Đà Nẵng	1691	47A-748.68	Đắk Lắk	2691	47A-680.96	Đắk Lắk
692	43A-835.69	Đà Nẵng	1692	47A-754.54	Đắk Lắk	2692	47A-681.11	Đắk Lắk
693	43A-840.79	Đà Nẵng	1693	47A-755.56	Đắk Lắk	2693	47A-691.11	Đắk Lắk
694	43A-844.96	Đà Nẵng	1694	47A-765.68	Đắk Lắk	2694	47A-694.66	Đắk Lắk
695	43A-851.69	Đà Nẵng	1695	47A-771.69	Đắk Lắk	2695	47A-695.68	Đắk Lắk
696	43A-851.99	Đà Nẵng	1696	47C-382.28	Đắk Lắk	2696	47A-703.33	Đắk Lắk
697	43A-852.89	Đà Nẵng	1697	47C-382.69	Đắk Lắk	2697	47A-706.68	Đắk Lắk
698	43A-855.89	Đà Nẵng	1698	47C-389.68	Đắk Lắk	2698	47A-712.79	Đắk Lắk
699	43A-867.67	Đà Nẵng	1699	47D-015.86	Đắk Lắk	2699	47A-713.39	Đắk Lắk
700	43A-868.39	Đà Nẵng	1700	48A-233.55	Đắk Nông	2700	47A-720.66	Đắk Lắk
701	43A-874.68	Đà Nẵng	1701	48A-234.99	Đắk Nông	2701	47A-732.88	Đắk Lắk
702	43A-876.76	Đà Nẵng	1702	48A-246.89	Đắk Nông	2702	47A-741.69	Đắk Lắk
703	43A-884.99	Đà Nẵng	1703	49A-628.79	Lâm Đồng	2703	47A-753.99	Đắk Lắk
704	43A-896.79	Đà Nẵng	1704	49A-630.00	Lâm Đồng	2704	47A-779.96	Đắk Lắk
705	43A-910.91	Đà Nẵng	1705	49A-631.79	Lâm Đồng	2705	47A-790.91	Đắk Lắk
706	43A-914.41	Đà Nẵng	1706	49A-634.44	Lâm Đồng	2706	47A-801.69	Đắk Lắk
707	43A-925.25	Đà Nẵng	1707	49A-637.99	Lâm Đồng	2707	47A-806.07	Đắk Lắk
708	47A-675.55	Đắk Lắk	1708	49A-645.99	Lâm Đồng	2708	47A-806.86	Đắk Lắk
709	47A-680.08	Đắk Lắk	1709	49A-646.69	Lâm Đồng	2709	47A-807.66	Đắk Lắk
710	47A-689.39	Đắk Lắk	1710	49A-661.79	Lâm Đồng	2710	47B-039.68	Đắk Lắk
711	47A-706.88	Đắk Lắk	1711	49A-699.00	Lâm Đồng	2711	48A-212.21	Đắk Nông

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
712	47A-734.44	Đắk Lắk	1712	49A-706.66	Lâm Đồng	2712	48A-218.39	Đắk Nông
713	47A-742.79	Đắk Lắk	1713	49A-707.86	Lâm Đồng	2713	48A-223.69	Đắk Nông
714	47A-743.86	Đắk Lắk	1714	49A-712.17	Lâm Đồng	2714	48A-236.86	Đắk Nông
715	47A-746.79	Đắk Lắk	1715	49A-718.89	Lâm Đồng	2715	48A-242.39	Đắk Nông
716	47A-750.89	Đắk Lắk	1716	49A-719.96	Lâm Đồng	2716	48A-247.48	Đắk Nông
717	47A-759.66	Đắk Lắk	1717	49A-731.31	Lâm Đồng	2717	48B-012.39	Đắk Nông
718	47A-777.18	Đắk Lắk	1718	49D-013.89	Lâm Đồng	2718	48B-012.86	Đắk Nông
719	47A-811.55	Đắk Lắk	1719	51D-827.68	Hồ Chí Minh	2719	48C-111.17	Đắk Nông
720	47C-377.89	Đắk Lắk	1720	51D-872.68	Hồ Chí Minh	2720	49A-637.69	Lâm Đồng
721	47D-015.69	Đắk Lắk	1721	51E-322.22	Hồ Chí Minh	2721	49A-698.89	Lâm Đồng
722	48A-208.68	Đắk Nông	1722	60C-737.77	Đồng Nai	2722	49A-715.16	Lâm Đồng
723	48A-210.39	Đắk Nông	1723	60C-751.99	Đồng Nai	2723	49A-728.88	Lâm Đồng
724	48A-210.66	Đắk Nông	1724	60C-752.66	Đồng Nai	2724	49A-735.86	Lâm Đồng
725	48A-212.86	Đắk Nông	1725	60C-752.89	Đồng Nai	2725	49C-376.89	Lâm Đồng
726	48A-216.99	Đắk Nông	1726	60K-431.31	Đồng Nai	2726	49C-378.68	Lâm Đồng
727	48A-220.86	Đắk Nông	1727	60K-466.79	Đồng Nai	2727	51B-603.88	Hồ Chí Minh
728	48A-230.00	Đắk Nông	1728	60K-469.39	Đồng Nai	2728	51D-837.99	Hồ Chí Minh
729	48A-232.69	Đắk Nông	1729	60K-480.79	Đồng Nai	2729	51D-873.39	Hồ Chí Minh
730	48A-243.68	Đắk Nông	1730	60K-480.89	Đồng Nai	2730	51D-879.89	Hồ Chí Minh
731	48A-244.77	Đắk Nông	1731	60K-489.96	Đồng Nai	2731	51D-882.89	Hồ Chí Minh
732	48A-247.39	Đắk Nông	1732	60K-492.79	Đồng Nai	2732	51E-322.77	Hồ Chí Minh
733	49A-672.39	Lâm Đồng	1733	60K-503.86	Đồng Nai	2733	51M-010.95	Hồ Chí Minh
734	49A-681.18	Lâm Đồng	1734	60K-504.66	Đồng Nai	2734	51M-021.66	Hồ Chí Minh
735	49A-683.89	Lâm Đồng	1735	60K-523.68	Đồng Nai	2735	51M-026.65	Hồ Chí Minh
736	49A-685.58	Lâm Đồng	1736	60K-529.66	Đồng Nai	2736	51M-028.66	Hồ Chí Minh
737	49A-696.89	Lâm Đồng	1737	60K-536.63	Đồng Nai	2737	51M-032.11	Hồ Chí Minh
738	49A-705.50	Lâm Đồng	1738	60K-536.79	Đồng Nai	2738	51M-032.83	Hồ Chí Minh
739	49A-718.79	Lâm Đồng	1739	60K-550.99	Đồng Nai	2739	51M-036.79	Hồ Chí Minh
740	49A-719.39	Lâm Đồng	1740	60K-554.68	Đồng Nai	2740	51M-042.28	Hồ Chí Minh
741	49A-734.66	Lâm Đồng	1741	60K-571.66	Đồng Nai	2741	60C-732.88	Đồng Nai
742	49A-744.68	Lâm Đồng	1742	60K-579.97	Đồng Nai	2742	60C-735.69	Đồng Nai
743	49A-745.74	Lâm Đồng	1743	61C-597.68	Bình Dương	2743	60K-422.55	Đồng Nai
744	49C-369.88	Lâm Đồng	1744	61C-603.79	Bình Dương	2744	60K-441.66	Đồng Nai
745	51D-826.26	Hồ Chí Minh	1745	61C-603.86	Bình Dương	2745	60K-483.99	Đồng Nai
746	51D-829.66	Hồ Chí Minh	1746	61K-308.79	Bình Dương	2746	60K-485.69	Đồng Nai
747	51D-833.89	Hồ Chí Minh	1747	61K-318.69	Bình Dương	2747	60K-502.86	Đồng Nai
748	51D-839.66	Hồ Chí Minh	1748	61K-318.89	Bình Dương	2748	60K-504.88	Đồng Nai
749	51E-329.96	Hồ Chí Minh	1749	61K-372.69	Bình Dương	2749	60K-511.55	Đồng Nai
750	51E-333.32	Hồ Chí Minh	1750	61K-375.96	Bình Dương	2750	60K-517.68	Đồng Nai
751	51M-017.22	Hồ Chí Minh	1751	61K-394.44	Bình Dương	2751	60K-541.69	Đồng Nai
752	51M-019.77	Hồ Chí Minh	1752	61K-406.68	Bình Dương	2752	60K-563.65	Đồng Nai
753	51M-021.69	Hồ Chí Minh	1753	61K-457.57	Bình Dương	2753	60K-577.89	Đồng Nai
754	51M-024.00	Hồ Chí Minh	1754	61K-457.86	Bình Dương	2754	60K-583.39	Đồng Nai
755	51M-033.65	Hồ Chí Minh	1755	61K-464.46	Bình Dương	2755	60K-605.79	Đồng Nai
756	51M-037.73	Hồ Chí Minh	1756	61K-470.79	Bình Dương	2756	61K-325.39	Bình Dương
757	51M-042.40	Hồ Chí Minh	1757	61K-499.88	Bình Dương	2757	61K-340.66	Bình Dương
758	51M-042.89	Hồ Chí Minh	1758	61K-517.89	Bình Dương	2758	61K-342.79	Bình Dương
759	51M-042.99	Hồ Chí Minh	1759	62A-382.69	Long An	2759	61K-355.38	Bình Dương
760	51M-046.04	Hồ Chí Minh	1760	62A-384.86	Long An	2760	61K-358.28	Bình Dương
761	51M-050.22	Hồ Chí Minh	1761	62A-391.11	Long An	2761	61K-358.33	Bình Dương
762	60K-428.28	Đồng Nai	1762	62A-413.68	Long An	2762	61K-361.66	Bình Dương

Y
Á
NH
AM
-T.P.V

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biên số	Tỉnh/ Thành phố
763	60K-445.88	Đồng Nai	1763	62A-431.31	Long An	2763	61K-387.39	Bình Dương
764	60K-470.79	Đồng Nai	1764	62A-444.11	Long An	2764	61K-400.66	Bình Dương
765	60K-470.88	Đồng Nai	1765	62A-444.86	Long An	2765	61K-407.86	Bình Dương
766	60K-479.86	Đồng Nai	1766	62A-445.69	Long An	2766	61K-420.99	Bình Dương
767	60K-485.66	Đồng Nai	1767	62A-446.39	Long An	2767	61K-430.30	Bình Dương
768	60K-492.68	Đồng Nai	1768	62A-450.05	Long An	2768	61K-435.88	Bình Dương
769	60K-515.51	Đồng Nai	1769	62A-457.66	Long An	2769	61K-440.68	Bình Dương
770	60K-527.72	Đồng Nai	1770	62D-011.66	Long An	2770	61K-446.88	Bình Dương
771	60K-550.88	Đồng Nai	1771	63A-295.86	Tiền Giang	2771	61K-452.45	Bình Dương
772	60K-561.66	Đồng Nai	1772	63A-299.68	Tiền Giang	2772	61K-461.86	Bình Dương
773	60K-562.86	Đồng Nai	1773	63A-315.79	Tiền Giang	2773	61K-473.99	Bình Dương
774	60K-572.57	Đồng Nai	1774	64A-173.99	Vĩnh Long	2774	61K-479.69	Bình Dương
775	60K-577.11	Đồng Nai	1775	64A-192.89	Vĩnh Long	2775	61K-499.39	Bình Dương
776	60K-588.77	Đồng Nai	1776	64A-194.49	Vĩnh Long	2776	61K-513.39	Bình Dương
777	60K-602.88	Đồng Nai	1777	64A-196.97	Vĩnh Long	2777	62A-387.66	Long An
778	60K-608.06	Đồng Nai	1778	65A-419.89	Cần Thơ	2778	62A-391.89	Long An
779	61C-592.39	Bình Dương	1779	65A-422.79	Cần Thơ	2779	62A-418.68	Long An
780	61C-593.93	Bình Dương	1780	65A-425.69	Cần Thơ	2780	62A-419.79	Long An
781	61C-596.99	Bình Dương	1781	65A-438.79	Cần Thơ	2781	62A-427.77	Long An
782	61K-313.89	Bình Dương	1782	65A-442.39	Cần Thơ	2782	62A-433.66	Long An
783	61K-325.69	Bình Dương	1783	65A-463.88	Cần Thơ	2783	62A-438.79	Long An
784	61K-350.05	Bình Dương	1784	65A-464.79	Cần Thơ	2784	62A-442.66	Long An
785	61K-355.77	Bình Dương	1785	65A-470.88	Cần Thơ	2785	62A-448.84	Long An
786	61K-362.68	Bình Dương	1786	65A-473.33	Cần Thơ	2786	62A-450.54	Long An
787	61K-373.69	Bình Dương	1787	65A-480.79	Cần Thơ	2787	62A-450.89	Long An
788	61K-375.69	Bình Dương	1788	65A-481.68	Cần Thơ	2788	63A-276.67	Tiền Giang
789	61K-389.88	Bình Dương	1789	65A-482.82	Cần Thơ	2789	63A-284.68	Tiền Giang
790	61K-391.69	Bình Dương	1790	65A-505.79	Cần Thơ	2790	63A-288.22	Tiền Giang
791	61K-401.88	Bình Dương	1791	65A-512.88	Cần Thơ	2791	63A-294.68	Tiền Giang
792	61K-407.79	Bình Dương	1792	66A-247.77	Đồng Tháp	2792	63A-301.86	Tiền Giang
793	61K-410.66	Bình Dương	1793	66A-258.39	Đồng Tháp	2793	63A-308.80	Tiền Giang
794	61K-414.66	Bình Dương	1794	66A-269.88	Đồng Tháp	2794	63A-318.69	Tiền Giang
795	61K-419.95	Bình Dương	1795	66A-271.71	Đồng Tháp	2795	63A-319.78	Tiền Giang
796	61K-437.68	Bình Dương	1796	66A-285.79	Đồng Tháp	2796	63C-221.89	Tiền Giang
797	61K-437.77	Bình Dương	1797	66A-297.66	Đồng Tháp	2797	64A-169.39	Vĩnh Long
798	61K-453.68	Bình Dương	1798	66A-300.86	Đồng Tháp	2798	64A-172.66	Vĩnh Long
799	61K-465.89	Bình Dương	1799	67A-277.79	An Giang	2799	64A-175.69	Vĩnh Long
800	61K-474.89	Bình Dương	1800	67A-280.68	An Giang	2800	64A-183.66	Vĩnh Long
801	61K-487.69	Bình Dương	1801	67A-296.99	An Giang	2801	64A-203.33	Vĩnh Long
802	61K-492.69	Bình Dương	1802	67A-307.88	An Giang	2802	64B-015.68	Vĩnh Long
803	61K-493.93	Bình Dương	1803	67A-312.39	An Giang	2803	65A-439.66	Cần Thơ
804	61K-516.15	Bình Dương	1804	67A-322.86	An Giang	2804	65A-466.89	Cần Thơ
805	61K-517.39	Bình Dương	1805	68A-333.16	Kiên Giang	2805	65A-473.99	Cần Thơ
806	62A-381.99	Long An	1806	68A-333.58	Kiên Giang	2806	65A-483.33	Cần Thơ
807	62A-423.39	Long An	1807	69A-157.75	Cà Mau	2807	65C-229.39	Cần Thơ
808	62A-428.39	Long An	1808	69A-160.99	Cà Mau	2808	65C-233.39	Cần Thơ
809	63A-267.69	Tiền Giang	1809	69A-167.61	Cà Mau	2809	66A-249.99	Đồng Tháp
810	63A-270.89	Tiền Giang	1810	70A-462.68	Tây Ninh	2810	66A-258.79	Đồng Tháp
811	63A-282.39	Tiền Giang	1811	70A-491.79	Tây Ninh	2811	66A-272.86	Đồng Tháp
812	63A-290.89	Tiền Giang	1812	70A-494.68	Tây Ninh	2812	66A-273.99	Đồng Tháp
813	63A-303.88	Tiền Giang	1813	70A-496.89	Tây Ninh	2813	66A-276.68	Đồng Tháp

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
814	63A-311.31	Tiền Giang	1814	70A-499.89	Tây Ninh	2814	66A-288.22	Đồng Tháp
815	63A-314.15	Tiền Giang	1815	70A-500.55	Tây Ninh	2815	66A-297.86	Đồng Tháp
816	63A-317.89	Tiền Giang	1816	70A-523.88	Tây Ninh	2816	67A-281.39	An Giang
817	64A-177.11	Vĩnh Long	1817	70A-527.27	Tây Ninh	2817	67A-286.39	An Giang
818	64A-192.68	Vĩnh Long	1818	70A-528.28	Tây Ninh	2818	67A-295.39	An Giang
819	64C-121.89	Vĩnh Long	1819	70A-536.39	Tây Ninh	2819	67A-299.86	An Giang
820	65A-411.44	Cần Thơ	1820	70A-548.86	Tây Ninh	2820	67A-308.79	An Giang
821	65A-442.79	Cần Thơ	1821	70A-551.68	Tây Ninh	2821	67A-311.39	An Giang
822	65A-457.77	Cần Thơ	1822	70A-555.35	Tây Ninh	2822	67A-316.88	An Giang
823	65A-458.69	Cần Thơ	1823	70A-569.66	Tây Ninh	2823	67A-321.12	An Giang
824	65A-465.86	Cần Thơ	1824	70A-571.75	Tây Ninh	2824	67C-186.88	An Giang
825	65A-471.11	Cần Thơ	1825	70A-576.75	Tây Ninh	2825	67C-187.69	An Giang
826	65A-514.41	Cần Thơ	1826	70A-577.22	Tây Ninh	2826	67C-188.84	An Giang
827	65A-515.16	Cần Thơ	1827	70C-211.99	Tây Ninh	2827	68A-317.79	Kiên Giang
828	65B-022.86	Cần Thơ	1828	71A-182.79	Bến Tre	2828	68A-321.99	Kiên Giang
829	65C-232.66	Cần Thơ	1829	71A-196.68	Bến Tre	2829	68A-324.39	Kiên Giang
830	65C-239.68	Cần Thơ	1830	71C-131.68	Bến Tre	2830	68A-325.86	Kiên Giang
831	66A-244.55	Đồng Tháp	1831	72A-763.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	2831	68A-326.88	Kiên Giang
832	66A-259.79	Đồng Tháp	1832	72A-765.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	2832	68A-332.89	Kiên Giang
833	66A-264.86	Đồng Tháp	1833	72A-766.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	2833	68A-337.89	Kiên Giang
834	66A-269.89	Đồng Tháp	1834	72A-771.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	2834	68A-344.11	Kiên Giang
835	66A-270.99	Đồng Tháp	1835	72A-773.98	Bà Rịa - Vũng Tàu	2835	68A-356.65	Kiên Giang
836	66A-272.66	Đồng Tháp	1836	72A-780.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	2836	69A-143.33	Cà Mau
837	66A-275.86	Đồng Tháp	1837	72A-783.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	2837	69A-162.39	Cà Mau
838	66A-277.33	Đồng Tháp	1838	72A-784.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	2838	70A-486.39	Tây Ninh
839	66A-283.79	Đồng Tháp	1839	72A-792.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	2839	70A-501.01	Tây Ninh
840	67A-299.66	An Giang	1840	72A-807.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	2840	70A-521.39	Tây Ninh
841	67A-299.88	An Giang	1841	72A-816.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	2841	70A-561.61	Tây Ninh
842	67A-303.79	An Giang	1842	73A-344.86	Quảng Bình	2842	70C-212.66	Tây Ninh
843	67C-188.55	An Giang	1843	73A-360.06	Quảng Bình	2843	71A-187.96	Bến Tre
844	68A-319.83	Kiên Giang	1844	74A-247.98	Quảng Trị	2844	71A-195.69	Bến Tre
845	68A-324.86	Kiên Giang	1845	74A-257.66	Quảng Trị	2845	71A-203.68	Bến Tre
846	68A-327.89	Kiên Giang	1846	74A-267.99	Quảng Trị	2846	71B-021.79	Bến Tre
847	68A-329.89	Kiên Giang	1847	74A-272.79	Quảng Trị	2847	72A-749.69	Bà Rịa - Vũng Tàu
848	68A-347.74	Kiên Giang	1848	74C-137.66	Quảng Trị	2848	72A-752.22	Bà Rịa - Vũng Tàu
849	68A-357.68	Kiên Giang	1849	75A-350.96	Thừa Thiên Huế	2849	72A-752.86	Bà Rịa - Vũng Tàu
850	69A-151.68	Cà Mau	1850	75A-351.86	Thừa Thiên Huế	2850	72A-758.85	Bà Rịa - Vũng Tàu
851	69A-155.00	Cà Mau	1851	75A-354.66	Thừa Thiên Huế	2851	72A-774.88	Bà Rịa - Vũng Tàu
852	69A-155.36	Cà Mau	1852	75A-375.68	Thừa Thiên Huế	2852	72A-782.69	Bà Rịa - Vũng Tàu
853	69A-159.66	Cà Mau	1853	76A-290.69	Quảng Ngãi	2853	72A-794.86	Bà Rịa - Vũng Tàu
854	70A-500.99	Tây Ninh	1854	76A-301.79	Quảng Ngãi	2854	72A-810.86	Bà Rịa - Vũng Tàu
855	70A-503.66	Tây Ninh	1855	76A-306.86	Quảng Ngãi	2855	72A-812.66	Bà Rịa - Vũng Tàu
856	70A-505.99	Tây Ninh	1856	76A-310.89	Quảng Ngãi	2856	72A-813.31	Bà Rịa - Vũng Tàu
857	70A-516.89	Tây Ninh	1857	76A-317.88	Quảng Ngãi	2857	72A-815.89	Bà Rịa - Vũng Tàu
858	70A-517.99	Tây Ninh	1858	77A-308.86	Bình Định	2858	72A-827.86	Bà Rịa - Vũng Tàu
859	70A-533.00	Tây Ninh	1859	77A-312.21	Bình Định	2859	72C-237.39	Bà Rịa - Vũng Tàu
860	70A-552.69	Tây Ninh	1860	77A-318.18	Bình Định	2860	73A-346.68	Quảng Bình
861	70A-564.65	Tây Ninh	1861	77A-331.31	Bình Định	2861	73A-347.99	Quảng Bình
862	71A-181.99	Bến Tre	1862	77A-331.86	Bình Định	2862	73A-349.69	Quảng Bình
863	71A-182.22	Bến Tre	1863	77A-354.89	Bình Định	2863	73A-353.66	Quảng Bình
864	71A-205.55	Bến Tre	1864	77B-036.63	Bình Định	2864	73A-354.44	Quảng Bình

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
865	71C-132.88	Bến Tre	1865	78A-188.55	Phú Yên	2865	73A-355.00	Quảng Bình
866	72A-753.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	1866	79A-502.39	Khánh Hòa	2866	73A-365.88	Quảng Bình
867	72A-763.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	1867	79A-544.69	Khánh Hòa	2867	74A-263.66	Quảng Trị
868	72A-771.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	1868	79A-549.69	Khánh Hòa	2868	74A-270.27	Quảng Trị
869	72A-786.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	1869	79A-555.39	Khánh Hòa	2869	75A-350.50	Thừa Thiên Huế
870	72A-812.18	Bà Rịa - Vũng Tàu	1870	79A-563.33	Khánh Hòa	2870	75A-360.86	Thừa Thiên Huế
871	72A-812.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	1871	79C-223.99	Khánh Hòa	2871	75A-370.00	Thừa Thiên Huế
872	72A-814.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	1872	81A-390.68	Gia Lai	2872	75A-380.00	Thừa Thiên Huế
873	72A-831.11	Bà Rịa - Vũng Tàu	1873	81A-390.89	Gia Lai	2873	75B-028.89	Thừa Thiên Huế
874	72C-237.37	Bà Rịa - Vũng Tàu	1874	81A-416.86	Gia Lai	2874	76A-289.69	Quảng Ngãi
875	73A-335.59	Quảng Bình	1875	81A-426.62	Gia Lai	2875	76A-291.89	Quảng Ngãi
876	73A-347.86	Quảng Bình	1876	81A-427.88	Gia Lai	2876	76A-321.79	Quảng Ngãi
877	73A-360.99	Quảng Bình	1877	81A-442.99	Gia Lai	2877	77A-304.66	Bình Định
878	74A-249.68	Quảng Trị	1878	81D-011.69	Gia Lai	2878	77A-311.86	Bình Định
879	74A-253.96	Quảng Trị	1879	82A-140.68	Kon Tum	2879	77A-325.52	Bình Định
880	75A-383.69	Thừa Thiên Huế	1880	82A-142.39	Kon Tum	2880	77A-327.99	Bình Định
881	76A-295.68	Quảng Ngãi	1881	82A-143.69	Kon Tum	2881	77A-333.03	Bình Định
882	76A-306.39	Quảng Ngãi	1882	82C-092.66	Kon Tum	2882	77A-343.99	Bình Định
883	77A-297.69	Bình Định	1883	82C-093.93	Kon Tum	2883	77A-349.49	Bình Định
884	77A-313.88	Bình Định	1884	83A-170.99	Sóc Trăng	2884	77B-036.99	Bình Định
885	77A-333.02	Bình Định	1885	83A-177.68	Sóc Trăng	2885	78A-184.98	Phú Yên
886	77A-333.30	Bình Định	1886	83A-177.86	Sóc Trăng	2886	78A-189.79	Phú Yên
887	77A-342.43	Bình Định	1887	83A-178.99	Sóc Trăng	2887	78A-213.99	Phú Yên
888	78A-201.69	Phú Yên	1888	83A-189.39	Sóc Trăng	2888	78C-125.69	Phú Yên
889	78A-201.89	Phú Yên	1889	83A-191.79	Sóc Trăng	2889	79A-507.86	Khánh Hòa
890	78A-210.21	Phú Yên	1890	84A-126.79	Trà Vinh	2890	79A-538.66	Khánh Hòa
891	79A-501.99	Khánh Hòa	1891	84A-138.69	Trà Vinh	2891	79A-543.44	Khánh Hòa
892	79A-507.70	Khánh Hòa	1892	84A-141.39	Trà Vinh	2892	79A-546.68	Khánh Hòa
893	79A-536.63	Khánh Hòa	1893	85A-123.39	Ninh Thuận	2893	79A-555.15	Khánh Hòa
894	79A-552.53	Khánh Hòa	1894	85A-124.88	Ninh Thuận	2894	79A-557.66	Khánh Hòa
895	81A-377.68	Gia Lai	1895	85A-128.99	Ninh Thuận	2895	79A-559.95	Khánh Hòa
896	81A-398.68	Gia Lai	1896	85A-132.89	Ninh Thuận	2896	79A-560.65	Khánh Hòa
897	81A-414.68	Gia Lai	1897	85B-012.66	Ninh Thuận	2897	79A-564.79	Khánh Hòa
898	81A-429.42	Gia Lai	1898	85B-013.79	Ninh Thuận	2898	79A-567.65	Khánh Hòa
899	81A-436.99	Gia Lai	1899	85C-083.38	Ninh Thuận	2899	81A-392.29	Gia Lai
900	81A-440.68	Gia Lai	1900	86A-290.98	Bình Thuận	2900	81A-405.50	Gia Lai
901	81A-440.79	Gia Lai	1901	86A-293.66	Bình Thuận	2901	81A-407.39	Gia Lai
902	81C-271.99	Gia Lai	1902	86A-293.98	Bình Thuận	2902	81A-444.59	Gia Lai
903	82A-138.89	Kon Tum	1903	86A-295.69	Bình Thuận	2903	81A-448.44	Gia Lai
904	82A-139.96	Kon Tum	1904	86A-319.76	Bình Thuận	2904	81A-451.69	Gia Lai
905	82A-158.15	Kon Tum	1905	88A-653.89	Vĩnh Phúc	2905	82A-141.69	Kon Tum
906	82B-016.39	Kon Tum	1906	88A-669.39	Vĩnh Phúc	2906	82A-147.77	Kon Tum
907	82C-092.86	Kon Tum	1907	88A-687.66	Vĩnh Phúc	2907	82A-154.66	Kon Tum
908	82C-093.33	Kon Tum	1908	88A-691.18	Vĩnh Phúc	2908	82A-158.58	Kon Tum
909	83A-168.98	Sóc Trăng	1909	88A-697.68	Vĩnh Phúc	2909	82B-019.39	Kon Tum
910	83A-176.79	Sóc Trăng	1910	88A-705.50	Vĩnh Phúc	2910	84A-121.39	Trà Vinh
911	84A-132.39	Trà Vinh	1911	88A-705.86	Vĩnh Phúc	2911	84A-121.89	Trà Vinh
912	85A-121.89	Ninh Thuận	1912	88A-717.99	Vĩnh Phúc	2912	84A-146.46	Trà Vinh
913	85A-130.98	Ninh Thuận	1913	88A-736.69	Vĩnh Phúc	2913	85A-143.41	Ninh Thuận
914	85A-131.11	Ninh Thuận	1914	88A-743.68	Vĩnh Phúc	2914	85B-013.88	Ninh Thuận
915	85A-138.86	Ninh Thuận	1915	88A-745.69	Vĩnh Phúc	2915	86A-280.80	Bình Thuận

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
916	85A-139.89	Ninh Thuận	1916	88A-768.99	Vĩnh Phúc	2916	86A-288.96	Bình Thuận
917	85A-140.00	Ninh Thuận	1917	88A-771.77	Vĩnh Phúc	2917	86A-292.39	Bình Thuận
918	85C-083.39	Ninh Thuận	1918	88A-774.69	Vĩnh Phúc	2918	86A-305.66	Bình Thuận
919	86A-280.08	Bình Thuận	1919	88A-777.07	Vĩnh Phúc	2919	86A-308.08	Bình Thuận
920	86A-293.39	Bình Thuận	1920	89A-419.88	Hung Yên	2920	86A-308.66	Bình Thuận
921	86A-299.44	Bình Thuận	1921	89A-432.66	Hung Yên	2921	88A-661.79	Vĩnh Phúc
922	86A-302.68	Bình Thuận	1922	89A-436.79	Hung Yên	2922	88A-665.35	Vĩnh Phúc
923	86A-319.71	Bình Thuận	1923	89A-444.11	Hung Yên	2923	88A-722.23	Vĩnh Phúc
924	88A-662.58	Vĩnh Phúc	1924	89A-450.05	Hung Yên	2924	88A-726.89	Vĩnh Phúc
925	88A-682.29	Vĩnh Phúc	1925	89A-450.98	Hung Yên	2925	88A-731.39	Vĩnh Phúc
926	88A-691.68	Vĩnh Phúc	1926	89A-455.39	Hung Yên	2926	88A-737.37	Vĩnh Phúc
927	88A-704.79	Vĩnh Phúc	1927	89A-495.59	Hung Yên	2927	88A-749.66	Vĩnh Phúc
928	88A-710.79	Vĩnh Phúc	1928	89A-504.04	Hung Yên	2928	88A-750.57	Vĩnh Phúc
929	88A-715.68	Vĩnh Phúc	1929	89A-509.68	Hung Yên	2929	88A-751.57	Vĩnh Phúc
930	88A-718.19	Vĩnh Phúc	1930	89A-519.97	Hung Yên	2930	88A-767.69	Vĩnh Phúc
931	88A-731.99	Vĩnh Phúc	1931	89A-526.89	Hung Yên	2931	88A-784.48	Vĩnh Phúc
932	88A-741.89	Vĩnh Phúc	1932	92A-370.79	Quảng Nam	2932	88B-018.86	Vĩnh Phúc
933	88A-747.99	Vĩnh Phúc	1933	92A-377.39	Quảng Nam	2933	88C-295.88	Vĩnh Phúc
934	88A-760.00	Vĩnh Phúc	1934	92A-380.99	Quảng Nam	2934	88C-306.39	Vĩnh Phúc
935	88A-764.46	Vĩnh Phúc	1935	92A-381.55	Quảng Nam	2935	89A-433.86	Hung Yên
936	88A-772.79	Vĩnh Phúc	1936	92A-383.16	Quảng Nam	2936	89A-448.48	Hung Yên
937	88C-295.86	Vĩnh Phúc	1937	92A-387.86	Quảng Nam	2937	89A-450.39	Hung Yên
938	88C-301.79	Vĩnh Phúc	1938	92A-405.66	Quảng Nam	2938	89A-461.62	Hung Yên
939	89A-431.99	Hung Yên	1939	92A-407.70	Quảng Nam	2939	89A-473.66	Hung Yên
940	89A-465.86	Hung Yên	1940	92A-408.89	Quảng Nam	2940	89A-475.55	Hung Yên
941	89A-466.96	Hung Yên	1941	92A-412.79	Quảng Nam	2941	89A-475.79	Hung Yên
942	89A-467.79	Hung Yên	1942	92A-421.21	Quảng Nam	2942	89A-514.89	Hung Yên
943	89A-478.99	Hung Yên	1943	92A-432.69	Quảng Nam	2943	89A-516.79	Hung Yên
944	89A-493.86	Hung Yên	1944	93A-457.86	Bình Phước	2944	90A-250.86	Hà Nam
945	89A-499.44	Hung Yên	1945	93A-461.69	Bình Phước	2945	90A-258.39	Hà Nam
946	89A-511.15	Hung Yên	1946	93A-467.76	Bình Phước	2946	90A-260.00	Hà Nam
947	89A-512.13	Hung Yên	1947	93A-490.69	Bình Phước	2947	90A-267.86	Hà Nam
948	89C-338.39	Hung Yên	1948	94B-011.77	Bạc Liêu	2948	90A-274.89	Hà Nam
949	90A-237.66	Hà Nam	1949	95A-113.31	Hậu Giang	2949	92A-377.69	Quảng Nam
950	90A-259.19	Hà Nam	1950	95A-113.69	Hậu Giang	2950	92A-380.68	Quảng Nam
951	92A-384.88	Quảng Nam	1951	95A-126.99	Hậu Giang	2951	92A-396.39	Quảng Nam
952	92A-385.58	Quảng Nam	1952	95A-127.66	Hậu Giang	2952	92A-399.77	Quảng Nam
953	92A-408.66	Quảng Nam	1953	95A-127.69	Hậu Giang	2953	92A-400.11	Quảng Nam
954	92A-431.43	Quảng Nam	1954	95A-128.66	Hậu Giang	2954	92A-403.86	Quảng Nam
955	92B-033.69	Quảng Nam	1955	95A-135.69	Hậu Giang	2955	92A-411.77	Quảng Nam
956	92B-036.39	Quảng Nam	1956	95C-087.68	Hậu Giang	2956	92B-035.99	Quảng Nam
957	92B-037.37	Quảng Nam	1957	97A-093.66	Bắc Kạn	2957	92C-256.56	Quảng Nam
958	93A-456.99	Bình Phước	1958	98A-685.79	Bắc Giang	2958	92D-011.55	Quảng Nam
959	93A-461.79	Bình Phước	1959	98A-701.01	Bắc Giang	2959	93A-442.89	Bình Phước
960	93A-466.89	Bình Phước	1960	98A-708.69	Bắc Giang	2960	93A-453.99	Bình Phước
961	93A-476.88	Bình Phước	1961	98A-709.68	Bắc Giang	2961	93A-466.39	Bình Phước
962	93A-481.88	Bình Phước	1962	98A-724.66	Bắc Giang	2962	93A-466.55	Bình Phước
963	93A-485.58	Bình Phước	1963	98A-726.69	Bắc Giang	2963	93A-471.66	Bình Phước
964	93A-489.96	Bình Phước	1964	98A-727.98	Bắc Giang	2964	93A-472.72	Bình Phước
965	93A-498.86	Bình Phước	1965	98A-728.68	Bắc Giang	2965	93B-019.68	Bình Phước
966	94A-097.66	Bạc Liêu	1966	98A-729.96	Bắc Giang	2966	95A-118.81	Hậu Giang

TỶ
IÁ
.NH
AM
-T.P.

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
967	94A-098.86	Bạc Liêu	1967	98A-740.68	Bắc Giang	2967	95A-127.39	Hậu Giang
968	95A-111.59	Hậu Giang	1968	98A-760.68	Bắc Giang	2968	95A-132.88	Hậu Giang
969	95A-115.39	Hậu Giang	1969	98A-785.88	Bắc Giang	2969	97A-093.94	Bắc Kạn
970	95A-125.55	Hậu Giang	1970	98A-799.96	Bắc Giang	2970	98A-672.22	Bắc Giang
971	98A-691.79	Bắc Giang	1971	98A-801.68	Bắc Giang	2971	98A-674.66	Bắc Giang
972	98A-697.68	Bắc Giang	1972	98A-810.79	Bắc Giang	2972	98A-676.39	Bắc Giang
973	98A-706.98	Bắc Giang	1973	98A-839.66	Bắc Giang	2973	98A-679.39	Bắc Giang
974	98A-728.28	Bắc Giang	1974	98A-840.79	Bắc Giang	2974	98A-726.39	Bắc Giang
975	98A-732.32	Bắc Giang	1975	98C-366.60	Bắc Giang	2975	98A-726.68	Bắc Giang
976	98A-736.39	Bắc Giang	1976	99A-685.39	Bắc Ninh	2976	98A-731.96	Bắc Giang
977	98A-754.54	Bắc Giang	1977	99A-705.50	Bắc Ninh	2977	98A-732.86	Bắc Giang
978	98A-758.89	Bắc Giang	1978	99A-711.33	Bắc Ninh	2978	98A-754.66	Bắc Giang
979	98A-801.10	Bắc Giang	1979	99A-715.55	Bắc Ninh	2979	98A-755.33	Bắc Giang
980	98A-809.08	Bắc Giang	1980	99A-720.20	Bắc Ninh	2980	98A-769.79	Bắc Giang
981	98A-817.81	Bắc Giang	1981	99A-720.38	Bắc Ninh	2981	98A-770.99	Bắc Giang
982	98A-830.66	Bắc Giang	1982	99A-721.69	Bắc Ninh	2982	98A-772.66	Bắc Giang
983	98D-016.89	Bắc Giang	1983	99A-731.79	Bắc Ninh	2983	98A-781.79	Bắc Giang
984	99A-701.10	Bắc Ninh	1984	99A-732.69	Bắc Ninh	2984	98A-800.01	Bắc Giang
985	99A-714.41	Bắc Ninh	1985	99A-737.77	Bắc Ninh	2985	98A-834.68	Bắc Giang
986	99A-719.69	Bắc Ninh	1986	99A-740.86	Bắc Ninh	2986	98A-835.35	Bắc Giang
987	99A-720.69	Bắc Ninh	1987	99A-741.68	Bắc Ninh	2987	98A-850.79	Bắc Giang
988	99A-725.39	Bắc Ninh	1988	99A-749.68	Bắc Ninh	2988	99A-767.66	Bắc Ninh
989	99A-731.86	Bắc Ninh	1989	99A-767.86	Bắc Ninh	2989	99A-780.79	Bắc Ninh
990	99A-735.38	Bắc Ninh	1990	99A-770.39	Bắc Ninh	2990	99A-781.99	Bắc Ninh
991	99A-742.99	Bắc Ninh	1991	99A-776.89	Bắc Ninh	2991	99A-790.89	Bắc Ninh
992	99A-745.98	Bắc Ninh	1992	99A-785.66	Bắc Ninh	2992	99A-792.89	Bắc Ninh
993	99A-751.51	Bắc Ninh	1993	99A-786.69	Bắc Ninh	2993	99A-803.79	Bắc Ninh
994	99A-759.19	Bắc Ninh	1994	99A-800.55	Bắc Ninh	2994	99A-822.39	Bắc Ninh
995	99A-763.33	Bắc Ninh	1995	99A-804.89	Bắc Ninh	2995	99A-826.27	Bắc Ninh
996	99A-772.72	Bắc Ninh	1996	99A-810.66	Bắc Ninh	2996	99A-831.39	Bắc Ninh
997	99A-805.39	Bắc Ninh	1997	99A-830.30	Bắc Ninh	2997	99A-834.83	Bắc Ninh
998	99A-810.39	Bắc Ninh	1998	99B-027.68	Bắc Ninh	2998	99C-322.39	Bắc Ninh
999	99A-841.42	Bắc Ninh	1999	99C-321.86	Bắc Ninh	2999	99C-322.77	Bắc Ninh
1000	99A-843.88	Bắc Ninh	2000	99C-325.25	Bắc Ninh	3000	99C-326.66	Bắc Ninh

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3001	15K-386.68	Hải Phòng	4001	30L-688.66	Hà Nội			
3002	15K-397.99	Hải Phòng	4002	30L-899.88	Hà Nội			
3003	19A-686.68	Phú Thọ	4003	60K-588.99	Đồng Nai			
3004	22A-266.99	Tuyên Quang	4004	61K-468.86	Bình Dương			
3005	30L-799.99	Hà Nội	4005	66A-288.88	Đồng Tháp			
3006	34A-868.66	Hải Dương	4006	88C-299.99	Vĩnh Phúc			
3007	51L-686.86	Hồ Chí Minh	4007	98A-799.66	Bắc Giang			
3008	83A-186.68	Sóc Trăng	4008	30K-624.88	Hà Nội			
3009	30K-642.39	Hà Nội	4009	30K-627.86	Hà Nội			
3010	30K-647.39	Hà Nội	4010	30K-653.39	Hà Nội			
3011	30K-650.39	Hà Nội	4011	30K-680.39	Hà Nội			
3012	30K-726.86	Hà Nội	4012	30K-703.89	Hà Nội			
3013	30K-740.88	Hà Nội	4013	30K-720.88	Hà Nội			
3014	30K-742.86	Hà Nội	4014	30K-750.88	Hà Nội			
3015	30K-744.99	Hà Nội	4015	30K-753.33	Hà Nội			
3016	30K-757.66	Hà Nội	4016	30K-754.79	Hà Nội			
3017	30K-761.88	Hà Nội	4017	30K-755.69	Hà Nội			
3018	30K-771.66	Hà Nội	4018	30K-758.86	Hà Nội			
3019	30K-775.69	Hà Nội	4019	30K-763.66	Hà Nội			
3020	30K-776.39	Hà Nội	4020	30K-778.69	Hà Nội			
3021	30K-790.99	Hà Nội	4021	30K-781.11	Hà Nội			
3022	30K-804.69	Hà Nội	4022	30K-787.69	Hà Nội			
3023	30K-820.66	Hà Nội	4023	30K-809.68	Hà Nội			
3024	30K-831.89	Hà Nội	4024	30K-810.69	Hà Nội			
3025	30K-834.66	Hà Nội	4025	30K-817.99	Hà Nội			
3026	30K-840.00	Hà Nội	4026	30K-821.69	Hà Nội			
3027	30K-872.22	Hà Nội	4027	30K-830.00	Hà Nội			
3028	30K-878.69	Hà Nội	4028	30K-848.39	Hà Nội			
3029	30K-903.88	Hà Nội	4029	30K-853.79	Hà Nội			
3030	30K-946.68	Hà Nội	4030	30K-857.69	Hà Nội			
3031	30K-952.89	Hà Nội	4031	30K-864.79	Hà Nội			
3032	30K-980.79	Hà Nội	4032	30K-901.66	Hà Nội			
3033	30L-005.88	Hà Nội	4033	30K-904.89	Hà Nội			
3034	30L-018.39	Hà Nội	4034	30K-914.99	Hà Nội			
3035	30L-027.66	Hà Nội	4035	30K-918.39	Hà Nội			
3036	30L-031.66	Hà Nội	4036	30K-921.39	Hà Nội			
3037	30L-033.89	Hà Nội	4037	30K-927.39	Hà Nội			
3038	30L-035.69	Hà Nội	4038	30K-932.66	Hà Nội			
3039	30L-037.68	Hà Nội	4039	30K-937.39	Hà Nội			
3040	30L-057.88	Hà Nội	4040	30K-940.69	Hà Nội			
3041	30L-064.79	Hà Nội	4041	30K-941.79	Hà Nội			
3042	30L-071.88	Hà Nội	4042	30K-954.66	Hà Nội			
3043	30L-073.86	Hà Nội	4043	30K-960.88	Hà Nội			
3044	30L-075.88	Hà Nội	4044	30K-975.68	Hà Nội			
3045	30L-103.69	Hà Nội	4045	30K-976.69	Hà Nội			
3046	30L-107.39	Hà Nội	4046	30K-981.66	Hà Nội			
3047	30L-111.78	Hà Nội	4047	30L-001.39	Hà Nội			
3048	30L-134.79	Hà Nội	4048	30L-014.86	Hà Nội			
3049	30L-134.86	Hà Nội	4049	30L-020.79	Hà Nội			
3050	30L-140.66	Hà Nội	4050	30L-025.69	Hà Nội			
3051	30L-140.79	Hà Nội	4051	30L-033.79	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3103	30L-507.79	Hà Nội	4103	30L-461.61	Hà Nội			
3104	30L-510.00	Hà Nội	4104	30L-464.39	Hà Nội			
3105	30L-511.77	Hà Nội	4105	30L-488.69	Hà Nội			
3106	30L-521.68	Hà Nội	4106	30L-493.86	Hà Nội			
3107	30L-522.11	Hà Nội	4107	30L-494.99	Hà Nội			
3108	30L-527.69	Hà Nội	4108	30L-499.89	Hà Nội			
3109	30L-531.66	Hà Nội	4109	30L-506.86	Hà Nội			
3110	30L-541.14	Hà Nội	4110	30L-509.69	Hà Nội			
3111	30L-541.88	Hà Nội	4111	30L-532.86	Hà Nội			
3112	30L-546.46	Hà Nội	4112	30L-540.00	Hà Nội			
3113	30L-560.00	Hà Nội	4113	30L-541.11	Hà Nội			
3114	30L-560.83	Hà Nội	4114	30L-546.99	Hà Nội			
3115	30L-563.64	Hà Nội	4115	30L-549.29	Hà Nội			
3116	30L-570.08	Hà Nội	4116	30L-555.01	Hà Nội			
3117	30L-571.72	Hà Nội	4117	30L-557.75	Hà Nội			
3118	30L-572.38	Hà Nội	4118	30L-565.62	Hà Nội			
3119	30L-580.80	Hà Nội	4119	30L-573.37	Hà Nội			
3120	30L-581.82	Hà Nội	4120	30L-574.22	Hà Nội			
3121	30L-581.97	Hà Nội	4121	30L-574.99	Hà Nội			
3122	30L-582.92	Hà Nội	4122	30L-580.58	Hà Nội			
3123	30L-594.79	Hà Nội	4123	30L-584.69	Hà Nội			
3124	30L-599.83	Hà Nội	4124	30L-585.56	Hà Nội			
3125	30L-600.38	Hà Nội	4125	30L-586.08	Hà Nội			
3126	30L-607.08	Hà Nội	4126	30L-586.87	Hà Nội			
3127	30L-607.69	Hà Nội	4127	30L-587.58	Hà Nội			
3128	30L-610.79	Hà Nội	4128	30L-589.96	Hà Nội			
3129	30L-611.98	Hà Nội	4129	30L-592.25	Hà Nội			
3130	30L-615.59	Hà Nội	4130	30L-593.33	Hà Nội			
3131	30L-620.96	Hà Nội	4131	30L-597.11	Hà Nội			
3132	30L-627.26	Hà Nội	4132	30L-598.29	Hà Nội			
3133	30L-630.79	Hà Nội	4133	30L-601.02	Hà Nội			
3134	30L-631.29	Hà Nội	4134	30L-603.85	Hà Nội			
3135	30L-631.36	Hà Nội	4135	30L-604.99	Hà Nội			
3136	30L-632.32	Hà Nội	4136	30L-605.68	Hà Nội			
3137	30L-643.34	Hà Nội	4137	30L-608.79	Hà Nội			
3138	30L-643.66	Hà Nội	4138	30L-615.61	Hà Nội			
3139	30L-646.08	Hà Nội	4139	30L-624.24	Hà Nội			
3140	30L-653.88	Hà Nội	4140	30L-634.88	Hà Nội			
3141	30L-654.16	Hà Nội	4141	30L-636.19	Hà Nội			
3142	30L-656.58	Hà Nội	4142	30L-636.82	Hà Nội			
3143	30L-666.03	Hà Nội	4143	30L-641.65	Hà Nội			
3144	30L-667.16	Hà Nội	4144	30L-649.83	Hà Nội			
3145	30L-671.96	Hà Nội	4145	30L-650.95	Hà Nội			
3146	30L-675.98	Hà Nội	4146	30L-652.79	Hà Nội			
3147	30L-675.99	Hà Nội	4147	30L-653.62	Hà Nội			
3148	30L-678.14	Hà Nội	4148	30L-657.57	Hà Nội			
3149	30L-683.11	Hà Nội	4149	30L-657.98	Hà Nội			
3150	30L-688.00	Hà Nội	4150	30L-658.39	Hà Nội			
3151	30L-688.74	Hà Nội	4151	30L-664.19	Hà Nội			
3152	30L-693.08	Hà Nội	4152	30L-669.25	Hà Nội			
3153	30L-701.01	Hà Nội	4153	30L-677.18	Hà Nội			

1-
TY
GIÁ
ANH
VAM
1-1.9

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3154	30L-709.07	Hà Nội	4154	30L-678.24	Hà Nội			
3155	30L-711.99	Hà Nội	4155	30L-687.35	Hà Nội			
3156	30L-713.69	Hà Nội	4156	30L-697.85	Hà Nội			
3157	30L-714.71	Hà Nội	4157	30L-702.02	Hà Nội			
3158	30L-715.85	Hà Nội	4158	30L-702.56	Hà Nội			
3159	30L-723.11	Hà Nội	4159	30L-702.86	Hà Nội			
3160	30L-725.26	Hà Nội	4160	30L-704.05	Hà Nội			
3161	30L-737.88	Hà Nội	4161	30L-706.18	Hà Nội			
3162	30L-742.24	Hà Nội	4162	30L-706.39	Hà Nội			
3163	30L-743.88	Hà Nội	4163	30L-708.35	Hà Nội			
3164	30L-745.79	Hà Nội	4164	30L-712.56	Hà Nội			
3165	30L-746.79	Hà Nội	4165	30L-712.88	Hà Nội			
3166	30L-751.39	Hà Nội	4166	30L-713.88	Hà Nội			
3167	30L-751.52	Hà Nội	4167	30L-716.86	Hà Nội			
3168	30L-753.57	Hà Nội	4168	30L-718.95	Hà Nội			
3169	30L-755.18	Hà Nội	4169	30L-727.68	Hà Nội			
3170	30L-760.67	Hà Nội	4170	30L-740.00	Hà Nội			
3171	30L-761.67	Hà Nội	4171	30L-741.39	Hà Nội			
3172	30L-761.68	Hà Nội	4172	30L-743.44	Hà Nội			
3173	30L-765.86	Hà Nội	4173	30L-749.39	Hà Nội			
3174	30L-766.78	Hà Nội	4174	30L-762.66	Hà Nội			
3175	30L-773.26	Hà Nội	4175	30L-763.33	Hà Nội			
3176	30L-773.35	Hà Nội	4176	30L-767.81	Hà Nội			
3177	30L-781.18	Hà Nội	4177	30L-768.82	Hà Nội			
3178	30L-786.29	Hà Nội	4178	30L-772.22	Hà Nội			
3179	30L-789.01	Hà Nội	4179	30L-774.28	Hà Nội			
3180	30L-800.18	Hà Nội	4180	30L-777.16	Hà Nội			
3181	30L-805.89	Hà Nội	4181	30L-777.28	Hà Nội			
3182	30L-806.60	Hà Nội	4182	30L-781.35	Hà Nội			
3183	30L-806.80	Hà Nội	4183	30L-784.39	Hà Nội			
3184	30L-812.81	Hà Nội	4184	30L-786.33	Hà Nội			
3185	30L-822.19	Hà Nội	4185	30L-786.98	Hà Nội			
3186	30L-824.42	Hà Nội	4186	30L-788.60	Hà Nội			
3187	30L-825.29	Hà Nội	4187	30L-788.69	Hà Nội			
3188	30L-826.18	Hà Nội	4188	30L-792.85	Hà Nội			
3189	30L-827.19	Hà Nội	4189	30L-794.88	Hà Nội			
3190	30L-830.11	Hà Nội	4190	30L-795.85	Hà Nội			
3191	30L-845.54	Hà Nội	4191	30L-800.55	Hà Nội			
3192	30L-849.66	Hà Nội	4192	30L-802.89	Hà Nội			
3193	30L-855.32	Hà Nội	4193	30L-811.69	Hà Nội			
3194	30L-858.36	Hà Nội	4194	30L-815.15	Hà Nội			
3195	30L-860.99	Hà Nội	4195	30L-815.89	Hà Nội			
3196	30L-862.25	Hà Nội	4196	30L-816.15	Hà Nội			
3197	30L-874.78	Hà Nội	4197	30L-822.33	Hà Nội			
3198	30L-875.25	Hà Nội	4198	30L-823.79	Hà Nội			
3199	30L-887.69	Hà Nội	4199	30L-824.85	Hà Nội			
3200	30L-894.68	Hà Nội	4200	30L-825.99	Hà Nội			
3201	30L-896.06	Hà Nội	4201	30L-831.99	Hà Nội			
3202	30L-897.86	Hà Nội	4202	30L-833.59	Hà Nội			
3203	30L-920.56	Hà Nội	4203	30L-837.29	Hà Nội			
3204	30L-921.92	Hà Nội	4204	30L-841.69	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3205	30L-922.33	Hà Nội	4205	30L-843.89	Hà Nội			
3206	30L-922.44	Hà Nội	4206	30L-844.00	Hà Nội			
3207	30L-927.95	Hà Nội	4207	30L-849.96	Hà Nội			
3208	30L-931.16	Hà Nội	4208	30L-852.77	Hà Nội			
3209	30L-935.56	Hà Nội	4209	30L-857.66	Hà Nội			
3210	30L-937.66	Hà Nội	4210	30L-862.19	Hà Nội			
3211	30L-938.58	Hà Nội	4211	30L-866.92	Hà Nội			
3212	30L-945.88	Hà Nội	4212	30L-868.19	Hà Nội			
3213	30L-946.94	Hà Nội	4213	30L-871.69	Hà Nội			
3214	30L-948.79	Hà Nội	4214	30L-871.89	Hà Nội			
3215	30L-950.79	Hà Nội	4215	30L-880.59	Hà Nội			
3216	30L-951.26	Hà Nội	4216	30L-894.49	Hà Nội			
3217	30L-951.97	Hà Nội	4217	30L-898.25	Hà Nội			
3218	30L-955.96	Hà Nội	4218	30L-898.59	Hà Nội			
3219	30L-957.28	Hà Nội	4219	30L-901.68	Hà Nội			
3220	30L-962.63	Hà Nội	4220	30L-902.85	Hà Nội			
3221	30L-964.08	Hà Nội	4221	30L-904.44	Hà Nội			
3222	30L-964.95	Hà Nội	4222	30L-904.86	Hà Nội			
3223	30L-965.59	Hà Nội	4223	30L-906.88	Hà Nội			
3224	30L-972.39	Hà Nội	4224	30L-911.22	Hà Nội			
3225	30L-972.66	Hà Nội	4225	30L-913.99	Hà Nội			
3226	30L-973.58	Hà Nội	4226	30L-915.15	Hà Nội			
3227	30L-978.39	Hà Nội	4227	30L-916.61	Hà Nội			
3228	30L-983.15	Hà Nội	4228	30L-919.94	Hà Nội			
3229	30L-994.09	Hà Nội	4229	30L-920.20	Hà Nội			
3230	30M-000.25	Hà Nội	4230	30L-925.38	Hà Nội			
3231	30M-008.80	Hà Nội	4231	30L-927.86	Hà Nội			
3232	30M-012.96	Hà Nội	4232	30L-933.00	Hà Nội			
3233	30M-019.62	Hà Nội	4233	30L-933.35	Hà Nội			
3234	30M-020.39	Hà Nội	4234	30L-947.79	Hà Nội			
3235	30M-020.86	Hà Nội	4235	30L-948.15	Hà Nội			
3236	30M-022.77	Hà Nội	4236	30L-954.86	Hà Nội			
3237	30M-028.18	Hà Nội	4237	30L-957.57	Hà Nội			
3238	51K-980.39	Hồ Chí Minh	4238	30L-959.18	Hà Nội			
3239	51K-987.66	Hồ Chí Minh	4239	30L-962.33	Hà Nội			
3240	51L-021.11	Hồ Chí Minh	4240	30L-965.88	Hà Nội			
3241	51L-035.39	Hồ Chí Minh	4241	30L-971.72	Hà Nội			
3242	51L-035.88	Hồ Chí Minh	4242	30L-977.19	Hà Nội			
3243	51L-050.99	Hồ Chí Minh	4243	30L-979.38	Hà Nội			
3244	51L-056.69	Hồ Chí Minh	4244	30L-983.09	Hà Nội			
3245	51L-058.69	Hồ Chí Minh	4245	30L-987.79	Hà Nội			
3246	51L-069.66	Hồ Chí Minh	4246	30L-988.19	Hà Nội			
3247	51L-071.99	Hồ Chí Minh	4247	30L-997.94	Hà Nội			
3248	51L-081.11	Hồ Chí Minh	4248	30M-008.29	Hà Nội			
3249	51L-084.99	Hồ Chí Minh	4249	30M-011.39	Hà Nội			
3250	51L-088.39	Hồ Chí Minh	4250	30M-015.58	Hà Nội			
3251	51L-088.79	Hồ Chí Minh	4251	30M-016.36	Hà Nội			
3252	51L-093.79	Hồ Chí Minh	4252	30M-023.02	Hà Nội			
3253	51L-122.00	Hồ Chí Minh	4253	30M-023.96	Hà Nội			
3254	51L-142.99	Hồ Chí Minh	4254	30M-027.77	Hà Nội			
3255	51L-147.88	Hồ Chí Minh	4255	51K-994.86	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3256	51L-148.69	Hồ Chí Minh	4256	51L-010.68	Hồ Chí Minh			
3257	51L-150.86	Hồ Chí Minh	4257	51L-021.88	Hồ Chí Minh			
3258	51L-157.88	Hồ Chí Minh	4258	51L-023.79	Hồ Chí Minh			
3259	51L-164.99	Hồ Chí Minh	4259	51L-025.86	Hồ Chí Minh			
3260	51L-169.98	Hồ Chí Minh	4260	51L-036.39	Hồ Chí Minh			
3261	51L-172.69	Hồ Chí Minh	4261	51L-038.66	Hồ Chí Minh			
3262	51L-173.89	Hồ Chí Minh	4262	51L-054.86	Hồ Chí Minh			
3263	51L-175.66	Hồ Chí Minh	4263	51L-055.69	Hồ Chí Minh			
3264	51L-177.69	Hồ Chí Minh	4264	51L-063.88	Hồ Chí Minh			
3265	51L-180.89	Hồ Chí Minh	4265	51L-072.66	Hồ Chí Minh			
3266	51L-184.68	Hồ Chí Minh	4266	51L-089.88	Hồ Chí Minh			
3267	51L-184.86	Hồ Chí Minh	4267	51L-102.89	Hồ Chí Minh			
3268	51L-190.99	Hồ Chí Minh	4268	51L-108.99	Hồ Chí Minh			
3269	51L-203.88	Hồ Chí Minh	4269	51L-117.69	Hồ Chí Minh			
3270	51L-205.89	Hồ Chí Minh	4270	51L-134.88	Hồ Chí Minh			
3271	51L-213.89	Hồ Chí Minh	4271	51L-141.68	Hồ Chí Minh			
3272	51L-215.66	Hồ Chí Minh	4272	51L-143.39	Hồ Chí Minh			
3273	51L-231.89	Hồ Chí Minh	4273	51L-152.99	Hồ Chí Minh			
3274	51L-234.89	Hồ Chí Minh	4274	51L-169.86	Hồ Chí Minh			
3275	51L-249.96	Hồ Chí Minh	4275	51L-171.39	Hồ Chí Minh			
3276	51L-252.86	Hồ Chí Minh	4276	51L-171.89	Hồ Chí Minh			
3277	51L-253.89	Hồ Chí Minh	4277	51L-173.99	Hồ Chí Minh			
3278	51L-254.69	Hồ Chí Minh	4278	51L-187.66	Hồ Chí Minh			
3279	51L-270.86	Hồ Chí Minh	4279	51L-195.39	Hồ Chí Minh			
3280	51L-276.39	Hồ Chí Minh	4280	51L-196.89	Hồ Chí Minh			
3281	51L-299.69	Hồ Chí Minh	4281	51L-200.69	Hồ Chí Minh			
3282	51L-311.69	Hồ Chí Minh	4282	51L-201.39	Hồ Chí Minh			
3283	51L-325.79	Hồ Chí Minh	4283	51L-217.88	Hồ Chí Minh			
3284	51L-327.66	Hồ Chí Minh	4284	51L-226.82	Hồ Chí Minh			
3285	51L-331.79	Hồ Chí Minh	4285	51L-243.88	Hồ Chí Minh			
3286	51L-340.88	Hồ Chí Minh	4286	51L-244.68	Hồ Chí Minh			
3287	51L-346.79	Hồ Chí Minh	4287	51L-246.86	Hồ Chí Minh			
3288	51L-349.39	Hồ Chí Minh	4288	51L-248.66	Hồ Chí Minh			
3289	51L-356.88	Hồ Chí Minh	4289	51L-257.89	Hồ Chí Minh			
3290	51L-362.88	Hồ Chí Minh	4290	51L-261.89	Hồ Chí Minh			
3291	51L-392.88	Hồ Chí Minh	4291	51L-273.99	Hồ Chí Minh			
3292	51L-394.68	Hồ Chí Minh	4292	51L-284.66	Hồ Chí Minh			
3293	51L-395.86	Hồ Chí Minh	4293	51L-290.00	Hồ Chí Minh			
3294	51L-397.68	Hồ Chí Minh	4294	51L-307.69	Hồ Chí Minh			
3295	51L-400.88	Hồ Chí Minh	4295	51L-317.17	Hồ Chí Minh			
3296	51L-401.79	Hồ Chí Minh	4296	51L-318.89	Hồ Chí Minh			
3297	51L-408.99	Hồ Chí Minh	4297	51L-320.39	Hồ Chí Minh			
3298	51L-410.68	Hồ Chí Minh	4298	51L-324.86	Hồ Chí Minh			
3299	51L-413.88	Hồ Chí Minh	4299	51L-326.79	Hồ Chí Minh			
3300	51L-414.86	Hồ Chí Minh	4300	51L-327.68	Hồ Chí Minh			
3301	51L-417.69	Hồ Chí Minh	4301	51L-327.89	Hồ Chí Minh			
3302	51L-421.89	Hồ Chí Minh	4302	51L-334.88	Hồ Chí Minh			
3303	51L-426.68	Hồ Chí Minh	4303	51L-344.86	Hồ Chí Minh			
3304	51L-430.66	Hồ Chí Minh	4304	51L-344.89	Hồ Chí Minh			
3305	51L-431.13	Hồ Chí Minh	4305	51L-351.86	Hồ Chí Minh			
3306	51L-431.88	Hồ Chí Minh	4306	51L-353.89	Hồ Chí Minh			

41
NG
UG
P DA
T N
UÂN

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3307	51L-433.69	Hồ Chí Minh	4307	51L-354.39	Hồ Chí Minh			
3308	51L-434.99	Hồ Chí Minh	4308	51L-355.69	Hồ Chí Minh			
3309	51L-436.39	Hồ Chí Minh	4309	51L-356.39	Hồ Chí Minh			
3310	51L-437.99	Hồ Chí Minh	4310	51L-364.86	Hồ Chí Minh			
3311	51L-440.40	Hồ Chí Minh	4311	51L-401.01	Hồ Chí Minh			
3312	51L-441.86	Hồ Chí Minh	4312	51L-401.66	Hồ Chí Minh			
3313	51L-444.40	Hồ Chí Minh	4313	51L-403.89	Hồ Chí Minh			
3314	51L-445.79	Hồ Chí Minh	4314	51L-405.88	Hồ Chí Minh			
3315	51L-453.79	Hồ Chí Minh	4315	51L-406.68	Hồ Chí Minh			
3316	51L-458.58	Hồ Chí Minh	4316	51L-407.70	Hồ Chí Minh			
3317	51L-474.66	Hồ Chí Minh	4317	51L-410.69	Hồ Chí Minh			
3318	51L-490.09	Hồ Chí Minh	4318	51L-413.69	Hồ Chí Minh			
3319	51L-492.39	Hồ Chí Minh	4319	51L-414.79	Hồ Chí Minh			
3320	51L-495.68	Hồ Chí Minh	4320	51L-418.68	Hồ Chí Minh			
3321	51L-501.10	Hồ Chí Minh	4321	51L-418.86	Hồ Chí Minh			
3322	51L-508.86	Hồ Chí Minh	4322	51L-420.02	Hồ Chí Minh			
3323	51L-510.88	Hồ Chí Minh	4323	51L-424.79	Hồ Chí Minh			
3324	51L-512.39	Hồ Chí Minh	4324	51L-425.79	Hồ Chí Minh			
3325	51L-514.89	Hồ Chí Minh	4325	51L-427.79	Hồ Chí Minh			
3326	51L-523.39	Hồ Chí Minh	4326	51L-428.89	Hồ Chí Minh			
3327	51L-527.27	Hồ Chí Minh	4327	51L-431.68	Hồ Chí Minh			
3328	51L-529.68	Hồ Chí Minh	4328	51L-433.66	Hồ Chí Minh			
3329	51L-531.89	Hồ Chí Minh	4329	51L-433.89	Hồ Chí Minh			
3330	51L-534.34	Hồ Chí Minh	4330	51L-436.79	Hồ Chí Minh			
3331	51L-546.46	Hồ Chí Minh	4331	51L-439.88	Hồ Chí Minh			
3332	51L-547.77	Hồ Chí Minh	4332	51L-450.05	Hồ Chí Minh			
3333	51L-547.88	Hồ Chí Minh	4333	51L-462.69	Hồ Chí Minh			
3334	51L-551.86	Hồ Chí Minh	4334	51L-465.99	Hồ Chí Minh			
3335	51L-555.23	Hồ Chí Minh	4335	51L-472.27	Hồ Chí Minh			
3336	51L-560.68	Hồ Chí Minh	4336	51L-472.79	Hồ Chí Minh			
3337	51L-570.79	Hồ Chí Minh	4337	51L-475.68	Hồ Chí Minh			
3338	51L-571.17	Hồ Chí Minh	4338	51L-476.68	Hồ Chí Minh			
3339	51L-572.27	Hồ Chí Minh	4339	51L-477.55	Hồ Chí Minh			
3340	51L-580.68	Hồ Chí Minh	4340	51L-477.66	Hồ Chí Minh			
3341	51L-581.39	Hồ Chí Minh	4341	51L-479.97	Hồ Chí Minh			
3342	51L-581.79	Hồ Chí Minh	4342	51L-484.66	Hồ Chí Minh			
3343	51L-581.82	Hồ Chí Minh	4343	51L-484.69	Hồ Chí Minh			
3344	51L-585.66	Hồ Chí Minh	4344	51L-491.39	Hồ Chí Minh			
3345	51L-587.89	Hồ Chí Minh	4345	51L-494.86	Hồ Chí Minh			
3346	51L-588.00	Hồ Chí Minh	4346	51L-495.88	Hồ Chí Minh			
3347	51L-588.77	Hồ Chí Minh	4347	51L-501.86	Hồ Chí Minh			
3348	51L-596.89	Hồ Chí Minh	4348	51L-502.20	Hồ Chí Minh			
3349	51L-605.79	Hồ Chí Minh	4349	51L-508.80	Hồ Chí Minh			
3350	51L-609.69	Hồ Chí Minh	4350	51L-512.68	Hồ Chí Minh			
3351	51L-611.69	Hồ Chí Minh	4351	51L-516.61	Hồ Chí Minh			
3352	51L-621.12	Hồ Chí Minh	4352	51L-518.81	Hồ Chí Minh			
3353	51L-637.26	Hồ Chí Minh	4353	51L-523.33	Hồ Chí Minh			
3354	51L-642.24	Hồ Chí Minh	4354	51L-534.44	Hồ Chí Minh			
3355	51L-653.39	Hồ Chí Minh	4355	51L-537.73	Hồ Chí Minh			
3356	51L-660.98	Hồ Chí Minh	4356	51L-539.66	Hồ Chí Minh			
3357	51L-666.30	Hồ Chí Minh	4357	51L-543.88	Hồ Chí Minh			

Y
Á
JH
IM
T.P.H

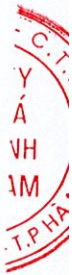
Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3358	51L-666.81	Hồ Chí Minh	4358	51L-546.68	Hồ Chí Minh			
3359	51L-667.96	Hồ Chí Minh	4359	51L-547.99	Hồ Chí Minh			
3360	51L-671.67	Hồ Chí Minh	4360	51L-553.66	Hồ Chí Minh			
3361	51L-678.64	Hồ Chí Minh	4361	51L-555.13	Hồ Chí Minh			
3362	51L-683.36	Hồ Chí Minh	4362	51L-560.89	Hồ Chí Minh			
3363	51L-684.85	Hồ Chí Minh	4363	51L-561.79	Hồ Chí Minh			
3364	51L-685.58	Hồ Chí Minh	4364	51L-572.39	Hồ Chí Minh			
3365	51L-686.92	Hồ Chí Minh	4365	51L-574.79	Hồ Chí Minh			
3366	51L-687.56	Hồ Chí Minh	4366	51L-575.86	Hồ Chí Minh			
3367	51L-687.98	Hồ Chí Minh	4367	51L-577.11	Hồ Chí Minh			
3368	51L-690.19	Hồ Chí Minh	4368	51L-581.69	Hồ Chí Minh			
3369	51L-690.58	Hồ Chí Minh	4369	51L-584.69	Hồ Chí Minh			
3370	51L-691.11	Hồ Chí Minh	4370	51L-585.39	Hồ Chí Minh			
3371	51L-692.96	Hồ Chí Minh	4371	51L-607.99	Hồ Chí Minh			
3372	51L-696.09	Hồ Chí Minh	4372	51L-611.39	Hồ Chí Minh			
3373	51L-697.16	Hồ Chí Minh	4373	51L-615.99	Hồ Chí Minh			
3374	51L-701.66	Hồ Chí Minh	4374	51L-619.73	Hồ Chí Minh			
3375	51L-705.07	Hồ Chí Minh	4375	51L-626.09	Hồ Chí Minh			
3376	51L-709.95	Hồ Chí Minh	4376	51L-634.68	Hồ Chí Minh			
3377	51L-711.71	Hồ Chí Minh	4377	51L-639.96	Hồ Chí Minh			
3378	51L-720.27	Hồ Chí Minh	4378	51L-640.41	Hồ Chí Minh			
3379	51L-740.88	Hồ Chí Minh	4379	51L-644.86	Hồ Chí Minh			
3380	51L-741.47	Hồ Chí Minh	4380	51L-646.47	Hồ Chí Minh			
3381	51L-746.36	Hồ Chí Minh	4381	51L-649.89	Hồ Chí Minh			
3382	51L-748.83	Hồ Chí Minh	4382	51L-649.94	Hồ Chí Minh			
3383	51L-752.19	Hồ Chí Minh	4383	51L-656.89	Hồ Chí Minh			
3384	51L-754.99	Hồ Chí Minh	4384	51L-660.61	Hồ Chí Minh			
3385	51L-760.89	Hồ Chí Minh	4385	51L-667.59	Hồ Chí Minh			
3386	51L-761.96	Hồ Chí Minh	4386	51L-671.11	Hồ Chí Minh			
3387	51L-763.59	Hồ Chí Minh	4387	51L-673.98	Hồ Chí Minh			
3388	51L-765.56	Hồ Chí Minh	4388	51L-675.89	Hồ Chí Minh			
3389	51L-766.86	Hồ Chí Minh	4389	51L-680.39	Hồ Chí Minh			
3390	51L-772.86	Hồ Chí Minh	4390	51L-702.22	Hồ Chí Minh			
3391	51L-794.58	Hồ Chí Minh	4391	51L-702.55	Hồ Chí Minh			
3392	51L-797.66	Hồ Chí Minh	4392	51L-705.88	Hồ Chí Minh			
3393	51L-801.65	Hồ Chí Minh	4393	51L-707.00	Hồ Chí Minh			
3394	51L-804.68	Hồ Chí Minh	4394	51L-707.70	Hồ Chí Minh			
3395	51L-810.06	Hồ Chí Minh	4395	51L-712.28	Hồ Chí Minh			
3396	51L-815.56	Hồ Chí Minh	4396	51L-718.19	Hồ Chí Minh			
3397	51L-816.61	Hồ Chí Minh	4397	51L-723.23	Hồ Chí Minh			
3398	51L-834.06	Hồ Chí Minh	4398	51L-728.28	Hồ Chí Minh			
3399	51L-834.86	Hồ Chí Minh	4399	51L-729.69	Hồ Chí Minh			
3400	51L-842.69	Hồ Chí Minh	4400	51L-740.66	Hồ Chí Minh			
3401	51L-843.88	Hồ Chí Minh	4401	51L-743.34	Hồ Chí Minh			
3402	51L-845.54	Hồ Chí Minh	4402	51L-747.68	Hồ Chí Minh			
3403	51L-847.68	Hồ Chí Minh	4403	51L-750.79	Hồ Chí Minh			
3404	51L-853.68	Hồ Chí Minh	4404	51L-753.79	Hồ Chí Minh			
3405	51L-856.58	Hồ Chí Minh	4405	51L-755.88	Hồ Chí Minh			
3406	51L-871.97	Hồ Chí Minh	4406	51L-757.86	Hồ Chí Minh			
3407	51L-872.68	Hồ Chí Minh	4407	51L-758.99	Hồ Chí Minh			
3408	51L-873.37	Hồ Chí Minh	4408	51L-762.18	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3409	51L-879.78	Hồ Chí Minh	4409	51L-764.69	Hồ Chí Minh			
3410	51L-884.68	Hồ Chí Minh	4410	51L-766.33	Hồ Chí Minh			
3411	51L-885.18	Hồ Chí Minh	4411	51L-777.01	Hồ Chí Minh			
3412	51L-885.28	Hồ Chí Minh	4412	51L-777.28	Hồ Chí Minh			
3413	51L-886.21	Hồ Chí Minh	4413	51L-786.56	Hồ Chí Minh			
3414	51L-891.18	Hồ Chí Minh	4414	51L-788.29	Hồ Chí Minh			
3415	51L-895.19	Hồ Chí Minh	4415	51L-790.90	Hồ Chí Minh			
3416	51L-895.66	Hồ Chí Minh	4416	51L-794.39	Hồ Chí Minh			
3417	11A-112.89	Cao Bằng	4417	51L-802.20	Hồ Chí Minh			
3418	11C-083.68	Cao Bằng	4418	51L-803.33	Hồ Chí Minh			
3419	12A-227.99	Lạng Sơn	4419	51L-804.04	Hồ Chí Minh			
3420	12A-235.86	Lạng Sơn	4420	51L-808.28	Hồ Chí Minh			
3421	12A-244.69	Lạng Sơn	4421	51L-810.69	Hồ Chí Minh			
3422	12A-247.99	Lạng Sơn	4422	51L-811.44	Hồ Chí Minh			
3423	12A-254.66	Lạng Sơn	4423	51L-820.28	Hồ Chí Minh			
3424	12A-257.39	Lạng Sơn	4424	51L-824.99	Hồ Chí Minh			
3425	12A-260.60	Lạng Sơn	4425	51L-826.69	Hồ Chí Minh			
3426	14A-842.68	Quảng Ninh	4426	51L-828.69	Hồ Chí Minh			
3427	14A-854.99	Quảng Ninh	4427	51L-830.09	Hồ Chí Minh			
3428	14A-865.96	Quảng Ninh	4428	51L-830.79	Hồ Chí Minh			
3429	14A-870.39	Quảng Ninh	4429	51L-832.32	Hồ Chí Minh			
3430	14A-885.39	Quảng Ninh	4430	51L-834.09	Hồ Chí Minh			
3431	14A-932.66	Quảng Ninh	4431	51L-834.43	Hồ Chí Minh			
3432	14A-932.93	Quảng Ninh	4432	51L-838.16	Hồ Chí Minh			
3433	14A-944.33	Quảng Ninh	4433	51L-840.86	Hồ Chí Minh			
3434	14A-955.33	Quảng Ninh	4434	51L-840.99	Hồ Chí Minh			
3435	14A-973.66	Quảng Ninh	4435	51L-852.53	Hồ Chí Minh			
3436	14A-976.68	Quảng Ninh	4436	51L-861.99	Hồ Chí Minh			
3437	15K-211.33	Hải Phòng	4437	51L-862.39	Hồ Chí Minh			
3438	15K-243.99	Hải Phòng	4438	51L-862.98	Hồ Chí Minh			
3439	15K-273.69	Hải Phòng	4439	51L-866.03	Hồ Chí Minh			
3440	15K-301.79	Hải Phòng	4440	51L-868.64	Hồ Chí Minh			
3441	15K-317.99	Hải Phòng	4441	51L-877.26	Hồ Chí Minh			
3442	15K-323.39	Hải Phòng	4442	51L-879.69	Hồ Chí Minh			
3443	15K-332.32	Hải Phòng	4443	51L-882.79	Hồ Chí Minh			
3444	15K-332.69	Hải Phòng	4444	51L-885.79	Hồ Chí Minh			
3445	15K-350.66	Hải Phòng	4445	51L-888.05	Hồ Chí Minh			
3446	15K-364.36	Hải Phòng	4446	11A-108.08	Cao Bằng			
3447	15K-385.39	Hải Phòng	4447	11A-126.99	Cao Bằng			
3448	15K-396.97	Hải Phòng	4448	12A-237.73	Lạng Sơn			
3449	15K-401.69	Hải Phòng	4449	12A-257.75	Lạng Sơn			
3450	15K-406.60	Hải Phòng	4450	14A-877.66	Quảng Ninh			
3451	15K-415.51	Hải Phòng	4451	14A-910.00	Quảng Ninh			
3452	15K-415.86	Hải Phòng	4452	14A-920.88	Quảng Ninh			
3453	15K-420.99	Hải Phòng	4453	14A-924.88	Quảng Ninh			
3454	17A-416.39	Thái Bình	4454	14A-930.93	Quảng Ninh			
3455	17A-418.96	Thái Bình	4455	14A-935.69	Quảng Ninh			
3456	17A-425.86	Thái Bình	4456	14A-942.42	Quảng Ninh			
3457	17A-436.96	Thái Bình	4457	14A-942.99	Quảng Ninh			
3458	17A-440.66	Thái Bình	4458	14C-428.86	Quảng Ninh			
3459	17A-451.15	Thái Bình	4459	15K-214.79	Hải Phòng			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3460	17A-461.61	Thái Bình	4460	15K-220.20	Hải Phòng			
3461	17A-463.79	Thái Bình	4461	15K-227.66	Hải Phòng			
3462	17A-471.99	Thái Bình	4462	15K-246.96	Hải Phòng			
3463	17A-473.37	Thái Bình	4463	15K-248.99	Hải Phòng			
3464	17A-475.99	Thái Bình	4464	15K-253.69	Hải Phòng			
3465	18A-402.69	Nam Định	4465	15K-274.79	Hải Phòng			
3466	18A-412.69	Nam Định	4466	15K-275.86	Hải Phòng			
3467	18A-422.98	Nam Định	4467	15K-284.89	Hải Phòng			
3468	18A-425.25	Nam Định	4468	15K-305.05	Hải Phòng			
3469	18A-432.32	Nam Định	4469	15K-316.86	Hải Phòng			
3470	18A-441.86	Nam Định	4470	15K-345.54	Hải Phòng			
3471	18A-451.69	Nam Định	4471	15K-346.68	Hải Phòng			
3472	18A-453.68	Nam Định	4472	15K-364.63	Hải Phòng			
3473	18A-457.89	Nam Định	4473	15K-375.89	Hải Phòng			
3474	18A-459.95	Nam Định	4474	15K-380.99	Hải Phòng			
3475	18A-475.86	Nam Định	4475	15K-419.72	Hải Phòng			
3476	18A-480.79	Nam Định	4476	17A-400.00	Thái Bình			
3477	19A-569.66	Phú Thọ	4477	17A-401.68	Thái Bình			
3478	19A-605.99	Phú Thọ	4478	17A-402.86	Thái Bình			
3479	19A-614.39	Phú Thọ	4479	17A-404.79	Thái Bình			
3480	19A-623.99	Phú Thọ	4480	17A-412.88	Thái Bình			
3481	19A-652.69	Phú Thọ	4481	17A-413.79	Thái Bình			
3482	19A-660.86	Phú Thọ	4482	17A-430.79	Thái Bình			
3483	19A-707.69	Phú Thọ	4483	17A-451.51	Thái Bình			
3484	19A-709.07	Phú Thọ	4484	17A-452.99	Thái Bình			
3485	19A-714.15	Phú Thọ	4485	17A-462.66	Thái Bình			
3486	20A-726.99	Thái Nguyên	4486	17A-480.66	Thái Bình			
3487	20A-727.89	Thái Nguyên	4487	17A-482.83	Thái Bình			
3488	20A-728.82	Thái Nguyên	4488	17C-215.15	Thái Bình			
3489	20A-753.39	Thái Nguyên	4489	18A-400.00	Nam Định			
3490	20A-754.45	Thái Nguyên	4490	18A-406.39	Nam Định			
3491	20A-754.66	Thái Nguyên	4491	18A-428.68	Nam Định			
3492	20A-767.69	Thái Nguyên	4492	18A-432.99	Nam Định			
3493	20A-770.69	Thái Nguyên	4493	18A-440.89	Nam Định			
3494	20A-775.79	Thái Nguyên	4494	19A-538.68	Phú Thọ			
3495	20A-785.86	Thái Nguyên	4495	19A-581.89	Phú Thọ			
3496	20A-792.79	Thái Nguyên	4496	19A-585.66	Phú Thọ			
3497	20A-794.68	Thái Nguyên	4497	19A-623.86	Phú Thọ			
3498	20A-819.39	Thái Nguyên	4498	19A-635.66	Phú Thọ			
3499	20A-821.86	Thái Nguyên	4499	19A-643.89	Phú Thọ			
3500	20A-843.39	Thái Nguyên	4500	19A-652.22	Phú Thọ			
3501	20A-847.99	Thái Nguyên	4501	19A-677.55	Phú Thọ			
3502	20C-306.88	Thái Nguyên	4502	19A-705.05	Phú Thọ			
3503	21A-205.50	Yên Bái	4503	19A-715.17	Phú Thọ			
3504	21A-206.79	Yên Bái	4504	19C-252.86	Phú Thọ			
3505	23A-145.55	Hà Giang	4505	20A-716.16	Thái Nguyên			
3506	23A-149.39	Hà Giang	4506	20A-735.55	Thái Nguyên			
3507	23A-156.69	Hà Giang	4507	20A-748.89	Thái Nguyên			
3508	23A-162.63	Hà Giang	4508	20A-753.89	Thái Nguyên			
3509	23C-089.66	Hà Giang	4509	20A-761.89	Thái Nguyên			
3510	24A-273.39	Lào Cai	4510	20A-771.69	Thái Nguyên			

11 41
ÔNG
ẤU C
P D
ỆT M
XUÂN

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3511	24A-277.66	Lào Cai	4511	20A-785.68	Thái Nguyên			
3512	24A-313.86	Lào Cai	4512	20A-803.88	Thái Nguyên			
3513	24B-018.39	Lào Cai	4513	20A-842.68	Thái Nguyên			
3514	25A-071.86	Lai Châu	4514	20A-845.89	Thái Nguyên			
3515	25A-075.99	Lai Châu	4515	20A-853.86	Thái Nguyên			
3516	25A-078.87	Lai Châu	4516	20B-033.39	Thái Nguyên			
3517	26A-194.68	Sơn La	4517	20C-301.86	Thái Nguyên			
3518	26A-197.88	Sơn La	4518	20C-301.89	Thái Nguyên			
3519	26A-203.68	Sơn La	4519	21A-185.39	Yên Bái			
3520	26A-214.86	Sơn La	4520	21A-197.86	Yên Bái			
3521	26C-156.39	Sơn La	4521	21A-217.12	Yên Bái			
3522	27A-120.99	Điện Biên	4522	21A-220.99	Yên Bái			
3523	27C-072.99	Điện Biên	4523	22A-210.69	Tuyên Quang			
3524	28A-221.66	Hòa Bình	4524	22A-210.99	Tuyên Quang			
3525	28A-221.68	Hòa Bình	4525	22A-212.66	Tuyên Quang			
3526	28A-224.39	Hòa Bình	4526	22A-244.55	Tuyên Quang			
3527	28A-225.25	Hòa Bình	4527	22A-249.86	Tuyên Quang			
3528	28A-228.69	Hòa Bình	4528	22A-251.69	Tuyên Quang			
3529	28A-234.68	Hòa Bình	4529	22A-252.66	Tuyên Quang			
3530	28A-244.79	Hòa Bình	4530	22A-263.68	Tuyên Quang			
3531	28A-255.86	Hòa Bình	4531	22A-263.89	Tuyên Quang			
3532	28A-257.88	Hòa Bình	4532	23A-140.69	Hà Giang			
3533	28A-258.25	Hòa Bình	4533	23A-151.11	Hà Giang			
3534	29D-607.77	Hà Nội	4534	23A-160.60	Hà Giang			
3535	29D-609.68	Hà Nội	4535	23C-088.79	Hà Giang			
3536	29D-622.79	Hà Nội	4536	24A-254.88	Lào Cai			
3537	29D-623.23	Hà Nội	4537	24A-265.79	Lào Cai			
3538	29K-220.69	Hà Nội	4538	24A-294.79	Lào Cai			
3539	29K-222.19	Hà Nội	4539	24A-311.68	Lào Cai			
3540	29K-225.79	Hà Nội	4540	24A-314.44	Lào Cai			
3541	29K-229.83	Hà Nội	4541	24C-158.88	Lào Cai			
3542	29K-239.36	Hà Nội	4542	25A-072.88	Lai Châu			
3543	29K-241.66	Hà Nội	4543	25A-072.89	Lai Châu			
3544	29K-247.36	Hà Nội	4544	25A-073.88	Lai Châu			
3545	29K-256.33	Hà Nội	4545	25C-057.86	Lai Châu			
3546	29K-257.57	Hà Nội	4546	26A-185.79	Sơn La			
3547	29K-257.88	Hà Nội	4547	26A-187.66	Sơn La			
3548	29K-258.22	Hà Nội	4548	26A-194.69	Sơn La			
3549	29K-269.59	Hà Nội	4549	26A-198.39	Sơn La			
3550	29K-274.00	Hà Nội	4550	26A-204.88	Sơn La			
3551	29K-282.35	Hà Nội	4551	26A-205.86	Sơn La			
3552	29K-282.79	Hà Nội	4552	26A-212.12	Sơn La			
3553	29K-287.88	Hà Nội	4553	26A-218.69	Sơn La			
3554	29K-289.44	Hà Nội	4554	26C-156.56	Sơn La			
3555	29K-293.00	Hà Nội	4555	27A-116.79	Điện Biên			
3556	29K-295.96	Hà Nội	4556	27B-012.99	Điện Biên			
3557	29K-299.55	Hà Nội	4557	27C-071.89	Điện Biên			
3558	29K-303.77	Hà Nội	4558	28A-220.86	Hòa Bình			
3559	29K-306.36	Hà Nội	4559	28A-238.66	Hòa Bình			
3560	29K-319.62	Hà Nội	4560	28A-242.68	Hòa Bình			
3561	29K-319.98	Hà Nội	4561	28C-119.86	Hòa Bình			



Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3562	34A-755.88	Hải Dương	4562	29D-615.88	Hà Nội			
3563	34A-768.69	Hải Dương	4563	29K-230.99	Hà Nội			
3564	34A-770.66	Hải Dương	4564	29K-232.23	Hà Nội			
3565	34A-775.89	Hải Dương	4565	29K-243.39	Hà Nội			
3566	34A-777.76	Hải Dương	4566	29K-247.56	Hà Nội			
3567	34A-790.39	Hải Dương	4567	29K-249.66	Hà Nội			
3568	34A-790.79	Hải Dương	4568	29K-260.86	Hà Nội			
3569	34A-792.66	Hải Dương	4569	29K-262.63	Hà Nội			
3570	34A-794.88	Hải Dương	4570	29K-264.26	Hà Nội			
3571	34A-798.39	Hải Dương	4571	29K-270.22	Hà Nội			
3572	34A-803.66	Hải Dương	4572	29K-284.33	Hà Nội			
3573	34A-803.69	Hải Dương	4573	29K-287.00	Hà Nội			
3574	34A-806.39	Hải Dương	4574	29K-295.36	Hà Nội			
3575	34A-836.63	Hải Dương	4575	29K-298.92	Hà Nội			
3576	34A-844.88	Hải Dương	4576	29K-302.65	Hà Nội			
3577	34A-846.86	Hải Dương	4577	29K-303.59	Hà Nội			
3578	34A-853.33	Hải Dương	4578	29K-305.33	Hà Nội			
3579	34A-854.69	Hải Dương	4579	29K-307.08	Hà Nội			
3580	34A-854.88	Hải Dương	4580	29K-308.77	Hà Nội			
3581	34A-888.57	Hải Dương	4581	29K-311.29	Hà Nội			
3582	34A-905.06	Hải Dương	4582	29K-324.11	Hà Nội			
3583	34A-914.88	Hải Dương	4583	34A-742.39	Hải Dương			
3584	34A-915.86	Hải Dương	4584	34A-750.66	Hải Dương			
3585	35A-394.99	Ninh Bình	4585	34A-771.39	Hải Dương			
3586	35A-397.66	Ninh Bình	4586	34A-773.39	Hải Dương			
3587	35A-407.70	Ninh Bình	4587	34A-777.22	Hải Dương			
3588	35A-407.96	Ninh Bình	4588	34A-788.29	Hải Dương			
3589	35A-410.69	Ninh Bình	4589	34A-793.96	Hải Dương			
3590	35A-411.68	Ninh Bình	4590	34A-799.11	Hải Dương			
3591	35A-412.21	Ninh Bình	4591	34A-806.69	Hải Dương			
3592	35A-433.69	Ninh Bình	4592	34A-827.69	Hải Dương			
3593	35A-435.35	Ninh Bình	4593	34A-832.99	Hải Dương			
3594	35A-437.66	Ninh Bình	4594	34A-834.39	Hải Dương			
3595	35A-444.33	Ninh Bình	4595	34A-849.86	Hải Dương			
3596	35A-447.44	Ninh Bình	4596	34A-853.88	Hải Dương			
3597	35A-453.86	Ninh Bình	4597	34A-857.69	Hải Dương			
3598	36K-013.79	Thanh Hóa	4598	34A-871.99	Hải Dương			
3599	36K-022.55	Thanh Hóa	4599	34A-882.39	Hải Dương			
3600	36K-042.99	Thanh Hóa	4600	34A-884.44	Hải Dương			
3601	36K-043.89	Thanh Hóa	4601	34A-897.99	Hải Dương			
3602	36K-067.76	Thanh Hóa	4602	34A-913.31	Hải Dương			
3603	36K-070.86	Thanh Hóa	4603	35A-384.88	Ninh Bình			
3604	36K-071.79	Thanh Hóa	4604	35A-406.79	Ninh Bình			
3605	36K-082.99	Thanh Hóa	4605	35A-411.44	Ninh Bình			
3606	36K-084.86	Thanh Hóa	4606	35A-426.89	Ninh Bình			
3607	36K-091.66	Thanh Hóa	4607	35A-457.54	Ninh Bình			
3608	36K-103.66	Thanh Hóa	4608	36C-511.68	Thanh Hóa			
3609	36K-105.05	Thanh Hóa	4609	36K-008.99	Thanh Hóa			
3610	36K-111.17	Thanh Hóa	4610	36K-046.64	Thanh Hóa			
3611	36K-116.79	Thanh Hóa	4611	36K-054.79	Thanh Hóa			
3612	36K-122.21	Thanh Hóa	4612	36K-065.86	Thanh Hóa			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3613	36K-143.66	Thanh Hóa	4613	36K-082.79	Thanh Hóa			
3614	36K-144.39	Thanh Hóa	4614	36K-082.86	Thanh Hóa			
3615	36K-151.89	Thanh Hóa	4615	36K-083.86	Thanh Hóa			
3616	36K-152.52	Thanh Hóa	4616	36K-086.89	Thanh Hóa			
3617	36K-152.88	Thanh Hóa	4617	36K-109.88	Thanh Hóa			
3618	36K-155.68	Thanh Hóa	4618	36K-112.89	Thanh Hóa			
3619	36K-171.71	Thanh Hóa	4619	36K-132.79	Thanh Hóa			
3620	36K-187.68	Thanh Hóa	4620	36K-135.53	Thanh Hóa			
3621	36K-189.66	Thanh Hóa	4621	36K-145.66	Thanh Hóa			
3622	36K-209.66	Thanh Hóa	4622	36K-149.99	Thanh Hóa			
3623	36K-219.93	Thanh Hóa	4623	36K-152.22	Thanh Hóa			
3624	36K-222.14	Thanh Hóa	4624	36K-170.17	Thanh Hóa			
3625	37C-559.59	Nghệ An	4625	36K-178.17	Thanh Hóa			
3626	37K-288.55	Nghệ An	4626	36K-193.19	Thanh Hóa			
3627	37K-291.86	Nghệ An	4627	36K-205.06	Thanh Hóa			
3628	37K-301.88	Nghệ An	4628	37C-552.25	Nghệ An			
3629	37K-312.21	Nghệ An	4629	37C-558.85	Nghệ An			
3630	37K-318.99	Nghệ An	4630	37C-566.63	Nghệ An			
3631	37K-319.68	Nghệ An	4631	37K-275.69	Nghệ An			
3632	37K-325.52	Nghệ An	4632	37K-275.99	Nghệ An			
3633	37K-331.69	Nghệ An	4633	37K-276.86	Nghệ An			
3634	37K-361.68	Nghệ An	4634	37K-282.39	Nghệ An			
3635	37K-404.89	Nghệ An	4635	37K-293.69	Nghệ An			
3636	37K-406.69	Nghệ An	4636	37K-296.89	Nghệ An			
3637	37K-417.39	Nghệ An	4637	37K-306.79	Nghệ An			
3638	37K-425.26	Nghệ An	4638	37K-307.86	Nghệ An			
3639	37K-442.39	Nghệ An	4639	37K-311.69	Nghệ An			
3640	37K-444.04	Nghệ An	4640	37K-324.88	Nghệ An			
3641	37K-457.58	Nghệ An	4641	37K-335.53	Nghệ An			
3642	37K-464.99	Nghệ An	4642	37K-352.79	Nghệ An			
3643	37K-474.99	Nghệ An	4643	37K-354.89	Nghệ An			
3644	38A-570.86	Hà Tĩnh	4644	37K-364.44	Nghệ An			
3645	38A-590.69	Hà Tĩnh	4645	37K-378.86	Nghệ An			
3646	38A-597.69	Hà Tĩnh	4646	37K-382.99	Nghệ An			
3647	38A-605.50	Hà Tĩnh	4647	37K-396.89	Nghệ An			
3648	38A-608.79	Hà Tĩnh	4648	37K-398.86	Nghệ An			
3649	38A-628.39	Hà Tĩnh	4649	37K-401.39	Nghệ An			
3650	38A-631.39	Hà Tĩnh	4650	37K-403.33	Nghệ An			
3651	38A-641.68	Hà Tĩnh	4651	37K-411.77	Nghệ An			
3652	38A-642.43	Hà Tĩnh	4652	37K-428.82	Nghệ An			
3653	43A-810.86	Đà Nẵng	4653	37K-444.49	Nghệ An			
3654	43A-814.88	Đà Nẵng	4654	37K-446.66	Nghệ An			
3655	43A-821.99	Đà Nẵng	4655	37K-452.69	Nghệ An			
3656	43A-842.68	Đà Nẵng	4656	37K-463.99	Nghệ An			
3657	43A-845.96	Đà Nẵng	4657	38A-574.68	Hà Tĩnh			
3658	43A-851.51	Đà Nẵng	4658	38A-610.79	Hà Tĩnh			
3659	43A-872.72	Đà Nẵng	4659	38A-622.62	Hà Tĩnh			
3660	43A-881.69	Đà Nẵng	4660	38A-651.15	Hà Tĩnh			
3661	43A-896.39	Đà Nẵng	4661	38C-235.88	Hà Tĩnh			
3662	43A-896.99	Đà Nẵng	4662	38C-237.99	Hà Tĩnh			
3663	43A-904.39	Đà Nẵng	4663	38D-019.39	Hà Tĩnh			

H. Đ
C
Đ
H
V
/ANH

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3664	43A-905.50	Đà Nẵng	4664	43A-803.66	Đà Nẵng			
3665	43A-914.44	Đà Nẵng	4665	43A-817.86	Đà Nẵng			
3666	43A-923.89	Đà Nẵng	4666	43A-832.66	Đà Nẵng			
3667	47A-641.66	Đắk Lắk	4667	43A-839.69	Đà Nẵng			
3668	47A-643.39	Đắk Lắk	4668	43A-845.69	Đà Nẵng			
3669	47A-648.88	Đắk Lắk	4669	43A-862.26	Đà Nẵng			
3670	47A-661.99	Đắk Lắk	4670	43A-867.69	Đà Nẵng			
3671	47A-676.89	Đắk Lắk	4671	43A-870.69	Đà Nẵng			
3672	47A-681.88	Đắk Lắk	4672	43A-884.39	Đà Nẵng			
3673	47A-721.21	Đắk Lắk	4673	43A-902.66	Đà Nẵng			
3674	47A-724.44	Đắk Lắk	4674	43A-906.90	Đà Nẵng			
3675	47A-732.66	Đắk Lắk	4675	43A-908.08	Đà Nẵng			
3676	47A-734.69	Đắk Lắk	4676	43A-908.66	Đà Nẵng			
3677	47A-740.39	Đắk Lắk	4677	43A-912.68	Đà Nẵng			
3678	47A-744.89	Đắk Lắk	4678	43A-914.99	Đà Nẵng			
3679	47A-754.89	Đắk Lắk	4679	43A-935.68	Đà Nẵng			
3680	47A-765.86	Đắk Lắk	4680	43B-063.69	Đà Nẵng			
3681	47A-768.99	Đắk Lắk	4681	47A-627.68	Đắk Lắk			
3682	47A-776.79	Đắk Lắk	4682	47A-634.66	Đắk Lắk			
3683	47A-778.69	Đắk Lắk	4683	47A-650.79	Đắk Lắk			
3684	47A-785.89	Đắk Lắk	4684	47A-653.39	Đắk Lắk			
3685	47A-797.86	Đắk Lắk	4685	47A-675.86	Đắk Lắk			
3686	47C-377.88	Đắk Lắk	4686	47A-678.69	Đắk Lắk			
3687	48A-221.88	Đắk Nông	4687	47A-698.79	Đắk Lắk			
3688	48A-227.66	Đắk Nông	4688	47A-705.96	Đắk Lắk			
3689	48C-106.68	Đắk Nông	4689	47A-713.33	Đắk Lắk			
3690	48C-108.89	Đắk Nông	4690	47A-716.86	Đắk Lắk			
3691	48C-111.12	Đắk Nông	4691	47A-718.39	Đắk Lắk			
3692	49A-644.11	Lâm Đồng	4692	47A-727.68	Đắk Lắk			
3693	49A-646.64	Lâm Đồng	4693	47A-730.86	Đắk Lắk			
3694	49A-651.11	Lâm Đồng	4694	47A-743.99	Đắk Lắk			
3695	49A-653.53	Lâm Đồng	4695	47A-748.48	Đắk Lắk			
3696	49A-661.69	Lâm Đồng	4696	47A-748.86	Đắk Lắk			
3697	49A-662.25	Lâm Đồng	4697	47A-749.69	Đắk Lắk			
3698	49A-664.88	Lâm Đồng	4698	47A-751.51	Đắk Lắk			
3699	49A-667.39	Lâm Đồng	4699	47A-777.06	Đắk Lắk			
3700	49A-670.99	Lâm Đồng	4700	47A-794.49	Đắk Lắk			
3701	49A-675.79	Lâm Đồng	4701	47A-809.89	Đắk Lắk			
3702	49A-675.99	Lâm Đồng	4702	47C-379.68	Đắk Lắk			
3703	49A-691.66	Lâm Đồng	4703	48A-210.01	Đắk Nông			
3704	49A-693.79	Lâm Đồng	4704	48A-225.89	Đắk Nông			
3705	49A-693.89	Lâm Đồng	4705	48A-231.69	Đắk Nông			
3706	49A-698.66	Lâm Đồng	4706	48A-232.68	Đắk Nông			
3707	49A-700.55	Lâm Đồng	4707	49A-632.39	Lâm Đồng			
3708	49A-701.70	Lâm Đồng	4708	49A-651.88	Lâm Đồng			
3709	49A-703.89	Lâm Đồng	4709	49A-652.99	Lâm Đồng			
3710	49A-706.69	Lâm Đồng	4710	49A-657.88	Lâm Đồng			
3711	49A-707.68	Lâm Đồng	4711	49A-703.86	Lâm Đồng			
3712	49A-712.22	Lâm Đồng	4712	49A-708.79	Lâm Đồng			
3713	49A-719.92	Lâm Đồng	4713	49A-712.39	Lâm Đồng			
3714	49A-744.89	Lâm Đồng	4714	49A-733.73	Lâm Đồng			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3715	49C-373.99	Lâm Đồng	4715	51D-831.68	Hồ Chí Minh			
3716	51D-831.66	Hồ Chí Minh	4716	51D-832.79	Hồ Chí Minh			
3717	51D-835.89	Hồ Chí Minh	4717	51D-837.68	Hồ Chí Minh			
3718	51D-836.88	Hồ Chí Minh	4718	51D-862.66	Hồ Chí Minh			
3719	51D-839.89	Hồ Chí Minh	4719	51D-875.88	Hồ Chí Minh			
3720	51D-899.79	Hồ Chí Minh	4720	51D-897.39	Hồ Chí Minh			
3721	51E-326.69	Hồ Chí Minh	4721	51E-331.39	Hồ Chí Minh			
3722	51M-008.98	Hồ Chí Minh	4722	51E-333.77	Hồ Chí Minh			
3723	51M-012.99	Hồ Chí Minh	4723	51M-009.09	Hồ Chí Minh			
3724	51M-015.00	Hồ Chí Minh	4724	51M-016.39	Hồ Chí Minh			
3725	51M-020.36	Hồ Chí Minh	4725	51M-018.77	Hồ Chí Minh			
3726	51M-021.12	Hồ Chí Minh	4726	51M-019.61	Hồ Chí Minh			
3727	51M-023.59	Hồ Chí Minh	4727	51M-022.85	Hồ Chí Minh			
3728	51M-030.66	Hồ Chí Minh	4728	51M-023.24	Hồ Chí Minh			
3729	51M-031.89	Hồ Chí Minh	4729	51M-029.89	Hồ Chí Minh			
3730	51M-036.36	Hồ Chí Minh	4730	51M-043.11	Hồ Chí Minh			
3731	51M-042.29	Hồ Chí Minh	4731	51M-045.96	Hồ Chí Minh			
3732	51M-046.46	Hồ Chí Minh	4732	51M-046.77	Hồ Chí Minh			
3733	60C-755.68	Đồng Nai	4733	60K-433.22	Đồng Nai			
3734	60K-435.55	Đồng Nai	4734	60K-444.69	Đồng Nai			
3735	60K-450.88	Đồng Nai	4735	60K-459.89	Đồng Nai			
3736	60K-457.88	Đồng Nai	4736	60K-470.39	Đồng Nai			
3737	60K-477.39	Đồng Nai	4737	60K-496.86	Đồng Nai			
3738	60K-483.89	Đồng Nai	4738	60K-496.96	Đồng Nai			
3739	60K-518.79	Đồng Nai	4739	60K-498.69	Đồng Nai			
3740	60K-531.99	Đồng Nai	4740	60K-499.33	Đồng Nai			
3741	60K-541.68	Đồng Nai	4741	60K-517.66	Đồng Nai			
3742	60K-577.55	Đồng Nai	4742	60K-518.66	Đồng Nai			
3743	60K-581.81	Đồng Nai	4743	60K-521.66	Đồng Nai			
3744	60K-593.99	Đồng Nai	4744	60K-530.68	Đồng Nai			
3745	61K-309.39	Bình Dương	4745	60K-536.69	Đồng Nai			
3746	61K-316.99	Bình Dương	4746	60K-542.86	Đồng Nai			
3747	61K-322.77	Bình Dương	4747	60K-573.88	Đồng Nai			
3748	61K-325.86	Bình Dương	4748	60K-600.22	Đồng Nai			
3749	61K-352.69	Bình Dương	4749	60K-601.10	Đồng Nai			
3750	61K-355.33	Bình Dương	4750	60K-614.39	Đồng Nai			
3751	61K-355.35	Bình Dương	4751	60K-615.66	Đồng Nai			
3752	61K-361.86	Bình Dương	4752	61K-342.89	Bình Dương			
3753	61K-427.66	Bình Dương	4753	61K-351.86	Bình Dương			
3754	61K-436.89	Bình Dương	4754	61K-356.96	Bình Dương			
3755	61K-437.73	Bình Dương	4755	61K-373.88	Bình Dương			
3756	61K-464.65	Bình Dương	4756	61K-388.36	Bình Dương			
3757	61K-466.64	Bình Dương	4757	61K-391.66	Bình Dương			
3758	61K-470.70	Bình Dương	4758	61K-411.14	Bình Dương			
3759	61K-511.12	Bình Dương	4759	61K-411.44	Bình Dương			
3760	61K-514.89	Bình Dương	4760	61K-413.31	Bình Dương			
3761	62A-385.58	Long An	4761	61K-422.00	Bình Dương			
3762	62A-390.86	Long An	4762	61K-426.86	Bình Dương			
3763	62A-398.69	Long An	4763	61K-458.88	Bình Dương			
3764	62A-413.79	Long An	4764	61K-459.45	Bình Dương			
3765	62A-417.89	Long An	4765	61K-484.86	Bình Dương			

Y
Á
VH
1M
-T.P.

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3766	62A-418.86	Long An	4766	61K-512.66	Bình Dương			
3767	62A-427.72	Long An	4767	61K-517.71	Bình Dương			
3768	62A-461.66	Long An	4768	62A-397.88	Long An			
3769	62A-467.86	Long An	4769	62A-402.02	Long An			
3770	63A-281.79	Tiền Giang	4770	62A-402.89	Long An			
3771	63A-316.69	Tiền Giang	4771	62A-417.88	Long An			
3772	63C-222.69	Tiền Giang	4772	62A-422.79	Long An			
3773	63C-223.33	Tiền Giang	4773	62A-423.79	Long An			
3774	63D-011.79	Tiền Giang	4774	62A-423.89	Long An			
3775	64A-175.99	Vĩnh Long	4775	62A-440.69	Long An			
3776	64A-178.68	Vĩnh Long	4776	62A-445.39	Long An			
3777	64A-179.97	Vĩnh Long	4777	62A-464.89	Long An			
3778	64A-181.11	Vĩnh Long	4778	62A-467.64	Long An			
3779	64A-203.04	Vĩnh Long	4779	62A-468.64	Long An			
3780	65A-421.86	Cần Thơ	4780	62C-215.39	Long An			
3781	65A-421.89	Cần Thơ	4781	63A-271.68	Tiền Giang			
3782	65A-429.68	Cần Thơ	4782	63A-277.69	Tiền Giang			
3783	65A-442.69	Cần Thơ	4783	63A-322.39	Tiền Giang			
3784	65A-443.69	Cần Thơ	4784	64A-170.88	Vĩnh Long			
3785	65A-444.56	Cần Thơ	4785	64A-182.82	Vĩnh Long			
3786	65A-445.55	Cần Thơ	4786	64A-190.90	Vĩnh Long			
3787	65A-447.69	Cần Thơ	4787	64A-200.77	Vĩnh Long			
3788	65A-452.39	Cần Thơ	4788	64C-121.99	Vĩnh Long			
3789	65A-457.86	Cần Thơ	4789	65A-408.86	Cần Thơ			
3790	65A-467.99	Cần Thơ	4790	65A-411.79	Cần Thơ			
3791	65A-472.86	Cần Thơ	4791	65A-412.66	Cần Thơ			
3792	65A-476.89	Cần Thơ	4792	65A-415.89	Cần Thơ			
3793	65A-478.68	Cần Thơ	4793	65A-441.66	Cần Thơ			
3794	65A-491.66	Cần Thơ	4794	65A-455.39	Cần Thơ			
3795	65A-495.95	Cần Thơ	4795	65A-463.63	Cần Thơ			
3796	65B-023.23	Cần Thơ	4796	65A-466.86	Cần Thơ			
3797	66A-257.86	Đồng Tháp	4797	65A-489.88	Cần Thơ			
3798	66A-258.99	Đồng Tháp	4798	65A-491.39	Cần Thơ			
3799	66A-281.18	Đồng Tháp	4799	65A-499.69	Cần Thơ			
3800	67A-294.88	An Giang	4800	65A-504.66	Cần Thơ			
3801	67A-296.79	An Giang	4801	65A-507.79	Cần Thơ			
3802	67A-305.66	An Giang	4802	65A-511.15	Cần Thơ			
3803	67A-317.31	An Giang	4803	65C-237.39	Cần Thơ			
3804	67A-320.69	An Giang	4804	66A-258.86	Đồng Tháp			
3805	67A-321.99	An Giang	4805	66A-269.39	Đồng Tháp			
3806	67A-322.79	An Giang	4806	66A-280.86	Đồng Tháp			
3807	68A-320.20	Kiên Giang	4807	66A-285.86	Đồng Tháp			
3808	68A-322.88	Kiên Giang	4808	66A-289.88	Đồng Tháp			
3809	68A-330.89	Kiên Giang	4809	66A-295.99	Đồng Tháp			
3810	68A-355.33	Kiên Giang	4810	66C-181.89	Đồng Tháp			
3811	68A-362.39	Kiên Giang	4811	67A-294.68	An Giang			
3812	69A-153.69	Cà Mau	4812	67A-307.39	An Giang			
3813	69A-156.98	Cà Mau	4813	67A-310.79	An Giang			
3814	69B-011.69	Cà Mau	4814	67A-312.69	An Giang			
3815	70A-494.86	Tây Ninh	4815	67A-314.69	An Giang			
3816	70A-497.88	Tây Ninh	4816	67C-186.66	An Giang			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3817	70A-502.86	Tây Ninh	4817	68A-300.39	Kiên Giang			
3818	70A-511.15	Tây Ninh	4818	68A-310.69	Kiên Giang			
3819	70A-515.56	Tây Ninh	4819	68A-316.16	Kiên Giang			
3820	70A-524.79	Tây Ninh	4820	68A-319.82	Kiên Giang			
3821	70A-528.69	Tây Ninh	4821	68A-332.79	Kiên Giang			
3822	70A-545.39	Tây Ninh	4822	68A-342.99	Kiên Giang			
3823	70A-545.68	Tây Ninh	4823	68A-363.66	Kiên Giang			
3824	70A-548.88	Tây Ninh	4824	69A-157.68	Cà Mau			
3825	70A-549.68	Tây Ninh	4825	69A-165.88	Cà Mau			
3826	70A-554.44	Tây Ninh	4826	69B-012.86	Cà Mau			
3827	70A-565.79	Tây Ninh	4827	70A-491.69	Tây Ninh			
3828	70A-567.39	Tây Ninh	4828	70A-514.66	Tây Ninh			
3829	70A-567.69	Tây Ninh	4829	70A-522.29	Tây Ninh			
3830	70A-577.78	Tây Ninh	4830	70A-527.77	Tây Ninh			
3831	70A-578.88	Tây Ninh	4831	70A-528.39	Tây Ninh			
3832	70B-032.66	Tây Ninh	4832	70A-537.89	Tây Ninh			
3833	71A-183.69	Bến Tre	4833	70A-582.22	Tây Ninh			
3834	71A-185.68	Bến Tre	4834	70A-584.39	Tây Ninh			
3835	71A-187.78	Bến Tre	4835	70C-211.79	Tây Ninh			
3836	71A-198.39	Bến Tre	4836	70C-212.39	Tây Ninh			
3837	71A-211.44	Bến Tre	4837	71A-197.66	Bến Tre			
3838	72A-760.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	4838	71A-209.88	Bến Tre			
3839	72A-770.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	4839	72A-756.99	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3840	72A-790.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	4840	72A-763.79	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3841	72A-812.13	Bà Rịa - Vũng Tàu	4841	72A-764.79	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3842	72A-817.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	4842	72A-785.89	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3843	72A-832.32	Bà Rịa - Vũng Tàu	4843	72A-788.33	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3844	73A-354.39	Quảng Bình	4844	72A-801.86	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3845	73A-354.69	Quảng Bình	4845	72A-805.06	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3846	73A-357.86	Quảng Bình	4846	72A-805.39	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3847	73A-362.86	Quảng Bình	4847	72A-809.89	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3848	73C-187.78	Quảng Bình	4848	72A-812.79	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3849	74A-273.69	Quảng Trị	4849	72A-830.66	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3850	75A-349.69	Thừa Thiên Huế	4850	73A-325.39	Quảng Bình			
3851	75A-359.79	Thừa Thiên Huế	4851	73A-331.31	Quảng Bình			
3852	75A-364.44	Thừa Thiên Huế	4852	73A-348.48	Quảng Bình			
3853	75A-369.63	Thừa Thiên Huế	4853	73A-352.25	Quảng Bình			
3854	75A-369.89	Thừa Thiên Huế	4854	73A-364.65	Quảng Bình			
3855	75A-370.68	Thừa Thiên Huế	4855	73C-187.86	Quảng Bình			
3856	75A-370.88	Thừa Thiên Huế	4856	74A-248.98	Quảng Trị			
3857	75A-380.69	Thừa Thiên Huế	4857	74A-255.66	Quảng Trị			
3858	76B-025.55	Quảng Ngãi	4858	74A-258.89	Quảng Trị			
3859	77A-296.79	Bình Định	4859	74A-260.60	Quảng Trị			
3860	77A-301.79	Bình Định	4860	74A-262.69	Quảng Trị			
3861	77A-301.98	Bình Định	4861	74A-272.88	Quảng Trị			
3862	77A-322.44	Bình Định	4862	74A-273.27	Quảng Trị			
3863	77A-329.29	Bình Định	4863	75A-373.37	Thừa Thiên Huế			
3864	77A-329.39	Bình Định	4864	75A-374.74	Thừa Thiên Huế			
3865	77A-333.05	Bình Định	4865	75A-386.87	Thừa Thiên Huế			
3866	77A-333.59	Bình Định	4866	75B-028.66	Thừa Thiên Huế			
3867	77A-349.88	Bình Định	4867	76A-288.79	Quảng Ngãi			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3868	77A-355.35	Bình Định	4868	76A-313.66	Quảng Ngãi			
3869	78A-192.79	Phú Yên	4869	76A-317.77	Quảng Ngãi			
3870	79A-501.86	Khánh Hòa	4870	77A-310.79	Bình Định			
3871	79A-529.69	Khánh Hòa	4871	77A-322.68	Bình Định			
3872	79A-550.79	Khánh Hòa	4872	77A-330.68	Bình Định			
3873	79A-561.62	Khánh Hòa	4873	77A-332.99	Bình Định			
3874	79C-221.39	Khánh Hòa	4874	77A-336.63	Bình Định			
3875	79C-221.89	Khánh Hòa	4875	77A-346.89	Bình Định			
3876	79C-222.34	Khánh Hòa	4876	77A-347.74	Bình Định			
3877	81A-402.68	Gia Lai	4877	77C-257.75	Bình Định			
3878	81A-403.89	Gia Lai	4878	78A-183.66	Phú Yên			
3879	81A-409.39	Gia Lai	4879	78B-015.66	Phú Yên			
3880	81A-410.66	Gia Lai	4880	78B-016.39	Phú Yên			
3881	81C-272.89	Gia Lai	4881	79A-507.66	Khánh Hòa			
3882	82A-128.66	Kon Tum	4882	79A-511.55	Khánh Hòa			
3883	82A-136.86	Kon Tum	4883	79A-512.69	Khánh Hòa			
3884	82A-138.39	Kon Tum	4884	79A-527.72	Khánh Hòa			
3885	82A-139.66	Kon Tum	4885	79A-541.99	Khánh Hòa			
3886	82A-140.86	Kon Tum	4886	79A-555.07	Khánh Hòa			
3887	82A-151.39	Kon Tum	4887	79A-560.68	Khánh Hòa			
3888	82A-152.89	Kon Tum	4888	81A-380.88	Gia Lai			
3889	82A-158.68	Kon Tum	4889	81A-402.02	Gia Lai			
3890	83A-182.68	Sóc Trăng	4890	81A-416.66	Gia Lai			
3891	84A-124.24	Trà Vinh	4891	81A-422.99	Gia Lai			
3892	84A-125.88	Trà Vinh	4892	81A-433.34	Gia Lai			
3893	84A-127.39	Trà Vinh	4893	81A-436.88	Gia Lai			
3894	84A-131.99	Trà Vinh	4894	81A-440.44	Gia Lai			
3895	84A-136.68	Trà Vinh	4895	81A-444.57	Gia Lai			
3896	84A-139.13	Trà Vinh	4896	81A-446.69	Gia Lai			
3897	85A-125.25	Ninh Thuận	4897	81B-027.77	Gia Lai			
3898	85A-127.66	Ninh Thuận	4898	81D-012.88	Gia Lai			
3899	85A-130.88	Ninh Thuận	4899	82A-123.69	Kon Tum			
3900	85A-134.69	Ninh Thuận	4900	82A-132.22	Kon Tum			
3901	85C-082.68	Ninh Thuận	4901	82A-145.55	Kon Tum			
3902	86A-278.86	Bình Thuận	4902	82A-146.99	Kon Tum			
3903	86A-296.69	Bình Thuận	4903	82A-152.66	Kon Tum			
3904	86A-307.68	Bình Thuận	4904	82A-158.39	Kon Tum			
3905	86B-021.99	Bình Thuận	4905	82A-158.79	Kon Tum			
3906	86B-023.99	Bình Thuận	4906	82B-016.68	Kon Tum			
3907	88A-649.99	Vĩnh Phúc	4907	82C-093.69	Kon Tum			
3908	88A-671.96	Vĩnh Phúc	4908	83A-184.44	Sóc Trăng			
3909	88A-675.66	Vĩnh Phúc	4909	83A-185.58	Sóc Trăng			
3910	88A-675.75	Vĩnh Phúc	4910	84A-134.44	Trà Vinh			
3911	88A-677.69	Vĩnh Phúc	4911	84A-140.14	Trà Vinh			
3912	88A-682.69	Vĩnh Phúc	4912	85C-083.99	Ninh Thuận			
3913	88A-706.99	Vĩnh Phúc	4913	86A-281.79	Bình Thuận			
3914	88A-709.88	Vĩnh Phúc	4914	86A-293.99	Bình Thuận			
3915	88A-712.99	Vĩnh Phúc	4915	86A-306.60	Bình Thuận			
3916	88A-723.33	Vĩnh Phúc	4916	86A-315.51	Bình Thuận			
3917	88A-733.22	Vĩnh Phúc	4917	86A-319.96	Bình Thuận			
3918	88A-751.39	Vĩnh Phúc	4918	86C-203.89	Bình Thuận			

11 4
ÔNG
ẤU
JP D
ỆT I
XUÂN

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3919	88A-779.96	Vĩnh Phúc	4919	88A-652.86	Vĩnh Phúc			
3920	88C-305.55	Vĩnh Phúc	4920	88A-668.82	Vĩnh Phúc			
3921	88C-307.07	Vĩnh Phúc	4921	88A-687.69	Vĩnh Phúc			
3922	89A-438.99	Hung Yên	4922	88A-700.33	Vĩnh Phúc			
3923	89A-455.65	Hung Yên	4923	88A-713.99	Vĩnh Phúc			
3924	89A-469.88	Hung Yên	4924	88A-719.88	Vĩnh Phúc			
3925	89A-477.86	Hung Yên	4925	88A-736.36	Vĩnh Phúc			
3926	89A-490.09	Hung Yên	4926	88A-762.62	Vĩnh Phúc			
3927	89A-512.69	Hung Yên	4927	88A-775.86	Vĩnh Phúc			
3928	89A-514.39	Hung Yên	4928	88C-299.86	Vĩnh Phúc			
3929	90A-264.44	Hà Nam	4929	88D-019.68	Vĩnh Phúc			
3930	90A-271.89	Hà Nam	4930	89A-448.86	Hung Yên			
3931	90A-284.48	Hà Nam	4931	89A-453.89	Hung Yên			
3932	90A-285.99	Hà Nam	4932	89A-460.88	Hung Yên			
3933	90B-012.22	Hà Nam	4933	89A-470.68	Hung Yên			
3934	90D-008.68	Hà Nam	4934	89A-477.44	Hung Yên			
3935	92A-387.79	Quảng Nam	4935	89A-493.88	Hung Yên			
3936	92A-403.79	Quảng Nam	4936	89A-505.69	Hung Yên			
3937	92A-406.79	Quảng Nam	4937	89A-510.39	Hung Yên			
3938	92A-414.88	Quảng Nam	4938	89A-524.89	Hung Yên			
3939	92A-420.42	Quảng Nam	4939	89C-333.63	Hung Yên			
3940	92A-427.99	Quảng Nam	4940	90A-242.69	Hà Nam			
3941	92A-428.39	Quảng Nam	4941	90A-259.38	Hà Nam			
3942	92A-429.39	Quảng Nam	4942	90A-270.86	Hà Nam			
3943	92B-036.88	Quảng Nam	4943	92A-370.99	Quảng Nam			
3944	93A-454.69	Bình Phước	4944	92A-399.86	Quảng Nam			
3945	93A-455.89	Bình Phước	4945	92A-406.86	Quảng Nam			
3946	93A-456.69	Bình Phước	4946	92A-408.39	Quảng Nam			
3947	93A-471.71	Bình Phước	4947	92A-410.69	Quảng Nam			
3948	93A-475.55	Bình Phước	4948	92A-419.69	Quảng Nam			
3949	93A-482.79	Bình Phước	4949	92A-422.11	Quảng Nam			
3950	93A-494.68	Bình Phước	4950	92A-429.89	Quảng Nam			
3951	93A-497.69	Bình Phước	4951	92C-257.66	Quảng Nam			
3952	93A-499.79	Bình Phước	4952	92D-008.88	Quảng Nam			
3953	95A-112.88	Hậu Giang	4953	93A-440.39	Bình Phước			
3954	95A-132.23	Hậu Giang	4954	93A-449.89	Bình Phước			
3955	95C-088.68	Hậu Giang	4955	93A-449.94	Bình Phước			
3956	97A-084.69	Bắc Kạn	4956	93A-458.89	Bình Phước			
3957	97A-094.89	Bắc Kạn	4957	93A-477.66	Bình Phước			
3958	98A-660.68	Bắc Giang	4958	93A-480.86	Bình Phước			
3959	98A-686.77	Bắc Giang	4959	93A-484.69	Bình Phước			
3960	98A-699.08	Bắc Giang	4960	93A-485.55	Bình Phước			
3961	98A-708.08	Bắc Giang	4961	93A-494.89	Bình Phước			
3962	98A-711.39	Bắc Giang	4962	93A-503.89	Bình Phước			
3963	98A-729.39	Bắc Giang	4963	94B-013.69	Bạc Liêu			
3964	98A-744.33	Bắc Giang	4964	95A-123.99	Hậu Giang			
3965	98A-749.89	Bắc Giang	4965	95A-134.34	Hậu Giang			
3966	98A-753.79	Bắc Giang	4966	95A-134.69	Hậu Giang			
3967	98A-761.89	Bắc Giang	4967	97A-081.35	Bắc Kạn			
3968	98A-762.66	Bắc Giang	4968	97A-081.88	Bắc Kạn			
3969	98A-777.69	Bắc Giang	4969	97A-083.68	Bắc Kạn			

1. C
 2. Y
 3. Á
 4. NH
 5. AM
 6. T.P.V

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3970	98A-796.39	Bắc Giang	4970	97A-084.79	Bắc Kạn			
3971	98A-809.86	Bắc Giang	4971	97A-090.09	Bắc Kạn			
3972	98A-810.81	Bắc Giang	4972	98A-701.88	Bắc Giang			
3973	98A-825.89	Bắc Giang	4973	98A-709.86	Bắc Giang			
3974	98A-829.88	Bắc Giang	4974	98A-712.99	Bắc Giang			
3975	98A-838.79	Bắc Giang	4975	98A-721.68	Bắc Giang			
3976	98A-851.88	Bắc Giang	4976	98A-739.69	Bắc Giang			
3977	98C-362.86	Bắc Giang	4977	98A-746.79	Bắc Giang			
3978	99A-694.44	Bắc Ninh	4978	98A-765.88	Bắc Giang			
3979	99A-721.86	Bắc Ninh	4979	98A-766.86	Bắc Giang			
3980	99A-731.88	Bắc Ninh	4980	98A-770.39	Bắc Giang			
3981	99A-738.69	Bắc Ninh	4981	98A-770.70	Bắc Giang			
3982	99A-740.69	Bắc Ninh	4982	98A-771.68	Bắc Giang			
3983	99A-752.22	Bắc Ninh	4983	98A-782.69	Bắc Giang			
3984	99A-755.89	Bắc Ninh	4984	98A-785.68	Bắc Giang			
3985	99A-763.88	Bắc Ninh	4985	98A-788.89	Bắc Giang			
3986	99A-767.39	Bắc Ninh	4986	98A-797.86	Bắc Giang			
3987	99A-772.89	Bắc Ninh	4987	98A-815.18	Bắc Giang			
3988	99A-775.88	Bắc Ninh	4988	98A-852.53	Bắc Giang			
3989	99A-782.89	Bắc Ninh	4989	98A-855.56	Bắc Giang			
3990	99A-785.79	Bắc Ninh	4990	98C-356.56	Bắc Giang			
3991	99A-791.39	Bắc Ninh	4991	98C-362.62	Bắc Giang			
3992	99A-797.88	Bắc Ninh	4992	99A-709.90	Bắc Ninh			
3993	99A-802.68	Bắc Ninh	4993	99A-730.96	Bắc Ninh			
3994	99A-822.69	Bắc Ninh	4994	99A-771.66	Bắc Ninh			
3995	99A-835.83	Bắc Ninh	4995	99A-791.69	Bắc Ninh			
3996	99A-841.66	Bắc Ninh	4996	99A-803.66	Bắc Ninh			
3997	99A-848.68	Bắc Ninh	4997	99A-822.77	Bắc Ninh			
3998	99C-317.79	Bắc Ninh	4998	99A-823.24	Bắc Ninh			
3999	99C-319.19	Bắc Ninh	4999	99C-316.99	Bắc Ninh			
4000	99C-319.88	Bắc Ninh	5000	99C-325.69	Bắc Ninh			

H. D.
 *
 I. N.